

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRỊNH VĂN HÙNG

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở
CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Đại diện GVHD

Trần Thị Quyên

Tào Thị Quyên

HÀ NỘI - 2023

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRỊNH VĂN HƯNG

**CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở
CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9 38 01 06

Người hướng dẫn khoa học:

PGS. TS. TÀO THỊ QUYÊN

TS. TRẦN ĐÌNH THẮNG

HÀ NỘI - 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào.

Tác giả luận án

Trịnh Văn Hưng

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	10
1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước	10
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	28
1.3. Nhận xét, đánh giá các công trình đã được công bố, những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu	32
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	38
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	38
2.2. Khái niệm và các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	54
2.3. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	68
2.4. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật trong nhà trường quân đội ở một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam	77
Chương 3: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI VÀ THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	86
3.1. Khái quát tình hình các nhà trường quân đội	86
3.2. Thực trạng chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	94
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	122
4.1. Quan điểm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	122
4.2. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	133
KẾT LUẬN	154
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	157
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	158
PHỤ LỤC	175

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BQP	Bộ Quốc phòng
CLGDPL	Chất lượng giáo dục pháp luật
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
GDPL	Giáo dục pháp luật
HVCTQGHCM	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
HVBP	Học viện Biên phòng
HVHC	Học viện Hậu cần
HVKTQS	Học viện Kỹ thuật quân sự
KLQĐ	Kỷ luật quân đội
NTQĐ	Nhà trường quân đội
QĐND	Quân đội nhân dân
QĐNDVN	Quân đội nhân dân Việt Nam
TSQCT	Trường sĩ quan Chính trị
TSQLQ1	Trường sĩ quan Lục quân 1
VPPL	Vi phạm pháp luật
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
YTPL	Ý thức pháp luật

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chất lượng giáo dục pháp luật (CLGDPL) là vấn đề giữ vị trí, vai trò quan trọng trong điều kiện tăng cường pháp chế; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Do đó, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chú trọng đến vấn đề chất lượng giáo dục pháp luật, xác định trách nhiệm, nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, góp phần nâng cao nhận thức, sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Chỉ thị số 32 - CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa IX), ngày 09/12/2003 về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân” đã xác định: *“Phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong những năm tới, cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thật tốt công tác này để góp phần tạo chuyển biến căn bản về ý thức tôn trọng pháp luật và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân”* [01], thì việc nghiên cứu và làm rõ các vấn đề về CLGDPL có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam thì cùng với việc ban hành một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, thống nhất còn phải bảo đảm điều kiện là việc triển khai đưa pháp luật vào cuộc sống, để mọi người dân nắm chắc các quy định của pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật (YTPL), có niềm tin đối với pháp luật và hành vi xử sự phù hợp với các quy định của pháp luật. Để nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật cho nhân dân, trong đó có các nhà trường. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1928/QĐ-

TTg ngày 20/11/2009 phê duyệt đề án: “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường”; trong đó đưa ra mục tiêu cụ thể là: “Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật và hành vi chấp hành pháp luật của nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và người học, góp phần ổn định môi trường giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện” [122].

Các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam là nơi đào tạo sĩ quan chỉ huy, chuyên môn; những người có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, góp phần đáp ứng với yêu cầu về xây dựng Quân đội theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng: “Xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ” [41].

Học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường QĐNDVN, ngoài những yêu cầu về năng lực, phẩm chất, kiến thức quân sự, bản lĩnh chính trị,... thì trình độ hiểu biết, năng lực tổ chức thực hiện pháp luật trong đơn vị giữ vai trò rất quan trọng, phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý, chỉ huy bộ đội sau khi tốt nghiệp ra trường nhận nhiệm vụ. Do đó, chất lượng GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN là vấn đề được các nhà trường quan tâm nhằm phát triển toàn diện về năng lực, phẩm chất và nhân cách của người học viên. Trong thời gian qua, CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội đã đạt được những kết quả quan trọng: lãnh đạo, chỉ huy các cấp đã quan tâm và chú trọng đến CLGDPL cho học viên; ý thức chấp hành pháp luật của học viên từng bước được nâng cao,

việc vận dụng các kiến thức pháp luật vào quá trình học tập, rèn luyện và công tác tại các đơn vị có những chuyển biến rõ rệt. Tuy nhiên, CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN vẫn còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế nhất định do nhiều nguyên nhân khác nhau, chưa đáp ứng được với mục tiêu, yêu cầu đào tạo. Một số nhà trường có thời điểm còn chưa chú trọng, quan tâm đúng mức đến CLGDPL; công tác đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác GDPL còn bất cập, chưa đi vào chiều sâu; học viên ở một số nhà trường còn chưa coi trọng nội dung môn học Nhà nước và pháp luật; ý thức tôn trọng pháp luật và sự hiểu biết pháp luật của một số học viên còn chưa vững chắc, có thái độ thờ ơ, lẩn tránh và chấp hành chưa nghiêm túc các quy định của pháp luật, vẫn còn tình trạng coi thường pháp luật dẫn đến xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật, chế độ sinh hoạt và học tập của đơn vị.

Trong điều kiện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, người chỉ huy đơn vị ngoài việc nắm vững chức trách, nhiệm vụ theo quy định, còn phải hiểu và nắm chắc các nội dung, kiến thức và quy định của pháp luật; tự giác tuân thủ chấp hành và vận dụng vào thực tiễn trong quá trình thực thi nhiệm vụ; đồng thời tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho quân nhân trong đơn vị và nhân dân trên địa bàn đóng quân hiểu rõ vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội; từ đó, họ tự giác chấp hành và tuân thủ các quy định của pháp luật. Do đó, chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn, làm cơ sở để xác định các giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hơn nữa CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong thời gian tới.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài ***“Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam”*** đề nghiên cứu làm luận án tiến sĩ Luật học.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Phân tích, làm rõ cơ sở lý luận về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, làm rõ thực trạng và đánh giá về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong thời gian qua, luận án đưa ra quan điểm và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- *Thứ nhất*, khái quát tổng quan về các công trình khoa học đã được công bố liên quan đến đề tài luận án; chỉ ra những kết quả nghiên cứu đã đạt được, yêu cầu đặt ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ; đưa ra giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu.

- *Thứ hai*, phân tích cơ sở lý luận về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam; làm rõ các vấn đề về khái niệm, vai trò và đặc điểm của GDPL cho học viên các nhà trường QĐNDVN; khái niệm, các tiêu chí đánh giá và các điều kiện bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN hiện nay.

- *Thứ ba*, đánh giá thực trạng, phân tích làm rõ những kết quả và hạn chế của CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến kết quả và hạn chế.

- *Thứ tư*, nghiên cứu nhằm đưa ra các quan điểm và đề xuất giải pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung và đi sâu nghiên cứu về CLGDPL dưới góc độ Lý luận và

lịch sử Nhà nước và pháp luật cho đối tượng là học viên đào tạo sĩ quan trình độ đại học cấp phân đội ở các nhà trường QĐNDVN hiện nay, góp phần định hướng việc hoàn thiện và thống nhất trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN hiện nay dưới góc độ khoa học của chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; có khảo cứu về chất lượng giáo dục pháp luật trong nhà trường quân đội ở một số nước trên thế giới. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, luận án xây dựng một số quan điểm và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN.

- *Về không gian:*

Luận án nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn CLGDPL cho học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học ở các nhà trường QĐNDVN; tuy nhiên, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu, khảo sát số liệu ở các nhà trường đào tạo học viên sĩ quan thuộc các nhóm ngành sĩ quan khác nhau. Cụ thể: Học viện Biên phòng, Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Hậu cần, Trường sĩ quan Lục quân 1 (Đại học Trần Quốc Tuấn), Trường sĩ quan Chính trị (Đại học Chính trị).

- *Về thời gian:*

Luận án nghiên cứu, đánh giá về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, các số liệu sử dụng trong luận án được tác giả khảo sát chủ yếu từ năm 2015 đến năm 2022.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; các văn kiện, Nghị quyết của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành có liên quan đến CLGDPL và việc đẩy mạnh quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; các văn bản, chỉ thị, mệnh lệnh, quy định hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu, các nhà trường QĐNDVN, nhất là quan điểm chỉ đạo về tăng cường và nâng cao CLGDPL trong QĐNDVN, trong đó có đối tượng là học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kết hợp với các phương pháp cụ thể để giải quyết các vấn đề đặt ra trong quá trình nghiên cứu nội dung đề tài luận án. Bên cạnh đó, để có cơ sở lý thuyết cho việc nghiên cứu, làm rõ các vấn đề chuyên sâu của đề tài, tác giả đã vận dụng thêm một số lý thuyết về giáo dục, đặc biệt là những lý thuyết gắn với chất lượng giáo dục để phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay như: Thuyết nhận thức (Cognitivism Theory), thuyết kiến tạo (Constructivism Theory), thuyết kết nối (Connectivism Theory).

Để làm rõ hơn nội dung ở các chương của luận án, tác giả nhấn mạnh các phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Được sử dụng khi đánh giá, làm rõ về kết quả của các công trình khoa học được nghiên cứu ở trong nước, ngoài nước đã được công bố có liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án (chương 1); phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của GDPL; xây dựng khái niệm, các tiêu chí đánh giá và các điều kiện bảo đảm

CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; phân tích, đánh giá về thực trạng CLGDPL, chỉ ra những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của kết quả, hạn chế về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; tổng hợp kết quả khảo sát, các số liệu thống kê kết quả học tập, tình hình chấp hành pháp luật và tình trạng vi phạm pháp luật của học viên ở các nhà trường QĐNDVN (chương 3); luận chứng cơ sở khoa học, đưa ra các quan điểm và đề xuất giải pháp để nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN (chương 4).

- Phương pháp so sánh, đối chiếu: Được sử dụng chủ yếu khi nhận định về những vấn đề đã được nghiên cứu, chưa được nghiên cứu trong các công trình khoa học có liên quan đến luận án (chương 1); đánh giá về kết quả học tập, rèn luyện và chấp hành pháp luật, kỷ luật của học viên ở một số nhà trường Quân đội (chương 3).

- Phương pháp hệ thống hóa: Được sử dụng khi tập hợp tư liệu, số liệu về hệ thống tổ chức; chương trình, nội dung GDPL của các nhà trường QĐNDVN; báo cáo và khảo sát thực tiễn công tác GDPL làm cơ sở để đánh giá thực trạng về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN (chương 3).

- Phương pháp chuyên gia: Được sử dụng chủ yếu khi tác giả trao đổi với các nhà khoa học, lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên về những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội; xác định kết quả, hạn chế, nguyên nhân của kết quả, hạn chế về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN hiện nay (chương 3).

- Phương pháp khảo sát thực tiễn, điều tra xã hội học (bảng hỏi): Được sử dụng trong quá trình trưng cầu ý kiến đối với cán bộ, giảng viên và học viên đang học tập ở một số nhà trường Quân đội: Học viện Biên phòng, Học viện Kỹ thuật quân sự; Học viện Hậu cần; Trường sĩ quan Lục quân 1; Trường sĩ quan

Chính trị để đánh giá thực trạng CLGDPL ở các nhà trường Quân đội hiện nay (chương 3); mức độ đồng thuận, phản đối về các quan điểm, giải pháp mà tác giả đưa ra để nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong thời gian tới (chương 4).

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu tình huống: Phương pháp nghiên cứu tài liệu là tập hợp các hoạt động thu thập, phân loại, phân tích tài liệu; đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu khoa học (Chương 1,2,3). Phương pháp nghiên cứu tình huống được sử dụng để phân tích, đánh giá, làm rõ các vụ việc vi phạm pháp luật, kỷ luật của cán bộ, sĩ quan, học viên trong các nhà trường QĐNDVN (chương 3).

5. Những đóng góp mới của Luận án

Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối toàn diện vấn đề chất lượng GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, luận án có những đóng góp mới cả về lý luận và thực tiễn sau đây:

- Dưới góc độ lý luận về nhà nước và pháp luật, luận án làm sáng tỏ thêm cơ sở lý luận về chất lượng GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, xây dựng được khái niệm về GDPL, khái niệm GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội và khái niệm về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; chỉ ra được đặc điểm, vai trò của GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN.

- Luận án đã đưa ra các tiêu chí đánh giá và làm rõ các điều kiện bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN.

- Luận án góp phần làm rõ tính chất đặc thù và đánh giá khá toàn diện thực trạng CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; từ đó, chỉ ra những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong thời gian qua.

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong thời gian qua, luận án đưa ra 04 quan điểm mang tính định hướng và đề xuất 08 giải pháp cụ thể góp phần bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN ngày càng được nâng cao trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Góp phần làm sáng tỏ và bổ sung, phát triển các vấn đề lý luận về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội, góp phần nâng cao nhận thức của các chủ thể trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ thực tiễn chất lượng GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN hiện nay; những quan điểm, giải pháp được đề xuất trong luận án sẽ là những tham vấn giúp các cơ quan chức năng và các nhà trường quân đội có thể nghiên cứu, áp dụng, góp phần hoàn thiện công tác quản lý, tổ chức thực hiện đối với hoạt động GDPL nhằm nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong hình thức mới.

- Luận án là công trình, tài liệu có giá trị tham khảo cả về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực khoa học pháp lý, phục vụ cho quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập ở các nhà trường QĐNDVN nói riêng, trong toàn quân nói chung và là nguồn tư liệu cho các đề tài khoa học nghiên cứu liên quan đến CLGDPL.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các công trình khoa học của tác giả đã được công bố có liên quan đến đề tài luận án, nội dung của luận án bao gồm 04 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng giáo dục pháp luật ngoài quân đội

* *Đề tài khoa học*

- “*Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*” - Đề tài khoa học cấp Nhà nước năm 1994, do tác giả Đào Trí Úc chủ biên [145]. Đề tài đã tập trung và đi sâu nghiên cứu và làm rõ những vấn đề về cơ sở khoa học, lý luận và thực tiễn đối với việc “*xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*” của các tầng lớp nhân dân trong xã hội, các thuộc tính, giá trị xã hội của pháp luật và đặc điểm của ý thức pháp luật. Bên cạnh đó, đề tài còn đánh giá, làm rõ thực trạng mức độ hiểu biết, thái độ, ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật của nhân dân đối với các quy định trong hệ thống pháp luật nước ta, ý thức tuân thủ pháp luật cũng như các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong xã hội. Đồng thời, đề tài đã đề xuất một số phương hướng, đưa ra những kiến nghị và biện pháp nhằm “*xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*” của nhân dân, đặc biệt là kiến nghị về xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật góp phần xây dựng “nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” ở nước ta.

- “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*” - Đề tài khoa học cấp Bộ năm 1994 do tác giả Dương Thanh Mai chủ biên [90]. Đề tài đã tập trung nghiên cứu, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận về quan niệm, các yếu tố cơ bản của GDPL trong công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, các tác giả đã khẳng định, trong công cuộc đổi mới đất nước, cơ sở lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật giữ vai trò rất quan trọng nhằm nâng cao ý thức

pháp luật cho nhân dân, tạo tiền đề để nhà nước thực hiện có hiệu quả công cuộc đổi mới đất nước. Bên cạnh đó, đề tài đã đi sâu phân tích, làm rõ những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại từ thực tiễn công tác GDPL trong công cuộc đổi mới và đưa ra các giải pháp cụ thể về tăng cường công tác tổ chức thực hiện GDPL cho nhân dân, góp phần đưa CLGDPL trong công cuộc đổi mới đất nước ngày càng được nâng cao.

- *“Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay”* - Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Bộ do tác giả Trần Ngọc Đường làm chủ nhiệm đề tài, năm 1999 [50]. Đề tài đã đi sâu làm rõ sự cần thiết phải đổi mới công tác GDPL trong hệ thống các trường chính trị, làm rõ cơ sở lý luận về GDPL như khái niệm, nội dung, hình thức, phương pháp GDPL và đối tượng mang tính đặc thù đó là các trường chính trị ở nước ta. Trên cơ sở làm rõ cơ sở khoa học của công tác GDPL, các tác giả đã khẳng định công tác GDPL có vị trí, vai trò quan trọng trong xã hội nói chung và trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta nói riêng. Bên cạnh đó, đề tài cũng đã đánh giá thực trạng GDPL trong các trường chính trị và chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của nó trong công tác GDPL ở hệ thống các trường chính trị; từ đó, tác giả đưa ra các yêu cầu, giải pháp cụ thể, thiết thực đối với các trường chính trị góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác GDPL trong thời gian tới.

*** Sách**

- *“Bàn về giáo dục pháp luật”* - Sách tham khảo của tác giả Trần Ngọc Đường và Dương Thanh Mai, xuất bản năm 1995 [49]. Các tác giả đã nghiên cứu một cách cơ bản, chuyên sâu các khái niệm, phạm trù cơ bản của khoa học giáo dục pháp luật như: Bản chất, mục đích, vai trò, chủ thể, khách thể, nội dung, hình thức, phương tiện và phương pháp GDPL, mối quan hệ giữa GDPL với giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục đạo đức và các dạng giáo dục khác. Đặc biệt,

các tác giả đã chỉ rõ giáo dục pháp luật tạo ra khả năng đổi mới các quan hệ xã hội, khả năng hình thành các điều kiện và nhân tố thuận lợi cho quá trình quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Bên cạnh đó, tác giả cũng quan tâm nghiên cứu vấn đề hiệu quả của GDPL, để cho công tác GDPL đạt được hiệu quả cao đòi hỏi cả người giáo dục (chủ thể) và người được giáo dục (đối tượng giáo dục) có sự tác động qua lại một cách thường xuyên và có hệ thống.

- *“Một số vấn đề về giáo dục pháp luật ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số”* - Sách tham khảo của tác giả Nguyễn Duy Lâm chủ biên, xuất bản năm 1996 [78]. Cuốn sách đã làm rõ một số vấn đề lý luận về GDPL nói chung, GDPL ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số nói riêng. Bên cạnh đó, tác giả đã tập trung nghiên cứu về thực tiễn công tác GDPL trên địa bàn mang tính đặc thù là khu vực miền núi và vùng dân tộc thiểu số với những khó khăn về điều kiện kinh tế, xã hội, trình độ nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đồng thời, tác giả cũng đã chỉ rõ những khó khăn, hạn chế từ thực tiễn thực hiện công tác GDPL ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số và những vấn đề cần đặt ra đối với công tác GDPL trên các địa bàn này. Từ đó, tác giả đưa ra các giải pháp cụ thể góp phần khắc phục những hạn chế đó, từng bước nâng cao ý thức và trình độ hiểu biết các kiến thức pháp luật cho nhân dân ở khu vực miền núi và vùng dân tộc thiểu số.

- *“Phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông”* - Sách tham khảo của tác giả Trần Viết Lưu, xuất bản năm 2012 [88]. Tác giả đã làm rõ mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa GDPL và kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tác giả cũng chỉ rõ, các tệ nạn xã hội, tình trạng bạo lực học đường đang diễn ra hết sức phức tạp trong xã hội nói chung, trong các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông nói riêng thì giải pháp, yêu cầu cơ bản để phòng, chống tình trạng trên là cần phải tăng cường phổ biến, GDPL với những nội dung, hình thức và phương pháp

phù hợp với đặc thù, đặc điểm về độ tuổi, tâm lý của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Theo các tác giả, để nâng cao YTPL và xây dựng lối sống theo pháp luật cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông thì phải thực hiện tốt công tác tổ chức thực hiện phổ biến, GDPL; từ đó, ý thức pháp luật sẽ dần được hình thành, là cơ sở để các em học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông sẽ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và thực hiện tốt lối sống theo pháp luật trong đời sống hàng ngày.

- *“Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam”* - Sách chuyên khảo của tác giả Ngô Văn Trù, xuất bản năm 2013 [133]. Tác giả đã tập trung nghiên cứu và làm rõ cơ sở lý luận về GDPL cho đối tượng mang tính đặc thù là các phạm nhân trong các trại giam ở khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, chỉ ra được những khó khăn, phức tạp trong quá trình tổ chức thực hiện GDPL cho các phạm nhân đang chấp hành án trong các trại giam. Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác GDPL và thực hiện khảo sát về tình hình phạm nhân ở một số trại giam, tác giả đưa ra một số biện pháp hữu hiệu nhằm thực hiện tốt hơn nữa công tác GDPL, có các hình thức, phương pháp phù hợp với đối tượng GDPL là phạm nhân trong các trại giam để đạt được mục đích, yêu cầu đề ra.

- *“Tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk”* - của tác giả Nguyễn Quốc Sửu (chủ biên) xuất bản năm 2014 [116], tác giả đã đi sâu làm rõ những nét đặc thù của GDPL đối với đối tượng là đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk với sự tác động và ảnh hưởng của các phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa của cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số, thông qua quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực tiễn công tác GDPL cho cán bộ, công chức hành chính đang công tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thấy được những kết quả và nguyên nhân của nó;

Từ đó, tác giả đưa ra một số yêu cầu và giải pháp cơ bản nhằm tăng cường hơn nữa công tác GDPL cho phù hợp với đối tượng GDPL, góp phần nâng cao CLGDPL đối với đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk.

- “*Giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Lê Thị Phương Nga, xuất bản năm 2018 [98]. Tác giả có cách tiếp cận mới về GDPL cho đối tượng là trẻ em ở Việt Nam trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế hiện nay. Nội dung của cuốn sách tập trung làm rõ cơ sở lý luận về GDPL cho trẻ em như: khái niệm, đặc điểm, mối quan hệ giữa GDPL với giáo dục đạo đức, giáo dục quyền con người và kỹ năng sống cho trẻ, phân tích các yếu tố tác động, điều kiện chủ yếu đảm bảo chất lượng, hiệu quả GDPL cho trẻ em ở Việt Nam. Theo tác giả, để bảo đảm chất lượng, hiệu quả của GDPL cho trẻ em đó là việc lồng ghép GDPL với giáo dục đạo đức, giáo dục quyền con người và kỹ năng sống cho trẻ em. Đồng thời, tác giả cũng đã đưa ra các nhóm giải pháp cơ bản về bảo đảm chất lượng, hiệu quả GDPL cho trẻ em được đề cập cũng sẽ góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện đối với nền giáo dục và đào tạo của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài ra, còn có một số cuốn sách có giá trị tham khảo cho tác giả về mặt cơ sở lý luận như: “*Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*” của tác giả Dương Thành Trung, xuất bản năm 2013 [136]; “*Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường*” của tác giả Nguyễn Huy Bằng, xuất bản năm 2009 [4]; “*Nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường*” của tác giả Nguyễn Thị Hồi và Phạm Quang Tiến, xuất bản năm 2012 [68];....

*** Luận án**

- “*Giáo dục pháp luật cho người lao động trong điều kiện đổi mới của Việt Nam*” - Luận án Phó tiến sĩ Luật học của tác giả Trần Ngọc Đường, Học viện

Nguyễn Ái Quốc năm 1986 [48]. Tác giả cho rằng: Trong điều kiện đổi mới của đất nước, yêu cầu đặt ra là nhà nước phải quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng pháp luật. Đặc biệt, công tác GDPL cho người lao động là rất quan trọng và cần phải được các cấp, các ngành quan tâm, đồng thời, tác giả đã lý giải các vấn đề lý luận, thực trạng GDPL cho người lao động và chỉ rõ để CLGDPL cho người lao động trong điều kiện đổi mới của Việt Nam ngày càng được nâng cao thì yêu cầu đặt ra cần phải kết hợp và sử dụng các biện pháp, hình thức và nội dung GDPL khác nhau một cách phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho người lao động trong điều kiện đổi mới của Việt Nam.

- *“Ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam”* - Luận án Phó tiến sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Đình Lộc, được bảo vệ tại trường Đại học Tổng hợp Matxcova (Liên Xô cũ) năm 1987 [85]. Tác giả đã đi sâu phân tích và làm rõ các vấn đề lý luận về YTPL và giáo dục ý thức pháp luật như khái niệm, đặc điểm và cấu trúc của ý thức pháp luật, GDPL; tầm quan trọng và sự cần thiết của công tác giáo dục YTPL đối với quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Từ đó, tác giả đánh giá thực trạng, chỉ ra ưu điểm, những vấn đề còn tồn tại, hạn chế và đề xuất một số giải pháp hữu hiệu nhằm xây dựng, thúc đẩy YTPL và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam.

- *“Giáo dục pháp luật trong các trường Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay”* - Luận án Phó tiến sĩ khoa học Luật học của tác giả Đinh Xuân Thảo, HVCTQG HCM, năm 1996 [117]. Tác giả luận án đã tập trung và đi sâu làm rõ các vấn đề cơ sở lý luận của GDPL trong các trường Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta như khái niệm, vai trò của GDPL; làm rõ tính chất đặc thù của công tác GDPL cho sinh viên ở các trường Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật), theo tác giả các tính chất đặc thù đó là: Tính đặc

thù về mục đích của GDPL; về đối tượng của GDPL và nội dung GDPL. Đồng thời, tác giả chỉ ra tính tất yếu khách quan của GDPL trong các trường Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật). Trên cơ sở đánh giá thực trạng về GDPL, bài học kinh nghiệm của nước ta và của một số nước về GDPL trong nhà trường; tác giả đã nêu ra các phương hướng và một số giải pháp cụ thể để tăng cường công tác GDPL góp phần nâng cao CLGDP L trong các trường Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật); trong đó, tác giả quan tâm và nhấn mạnh đối với quá trình xây dựng chương trình, nội dung GDPL cho từng đối tượng cụ thể; cần phải tích cực hơn nữa trong công tác đào tạo và bồi dưỡng đối với giáo viên làm công tác giảng dạy pháp luật; cần phải xây dựng cơ chế phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện GDPL để công tác GDPL trong các trường Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) đạt được hiệu quả cao hơn trong thực tiễn.

- *“Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam (bằng thực tiễn của Tòa án và Luật sư)”* - Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Luật học của tác giả Dương Thanh Mai, HVCTQG HCM, năm 1996 [91]. Đây là công trình khoa học nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư pháp về mặt lý luận và thực tiễn. Luận án đã đi sâu làm rõ khái niệm của GDPL qua hoạt động tư pháp với tư cách là một hình thức đặc thù của GDPL, vai trò của giáo dục pháp luật trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam ; làm rõ các đặc trưng của hai loại hình GDPL cụ thể là GDPL qua hoạt động xét xử và GDPL qua hoạt động bào chữa, bảo vệ và tư vấn pháp luật của luật sư. Bên cạnh đó, tác giả đã xác định mục tiêu GDPL, các căn cứ để xác định, phân loại chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức và hiệu quả của GDPL, làm rõ các yêu cầu khách quan đối với việc nâng cao hiệu quả GDPL thông qua hoạt động tư pháp trong quá trình cải cách tư pháp. Trên cơ sở đánh

giá thực tiễn, kinh nghiệm GDPL qua hoạt động của Tòa án, của luật sư, tác giả đã đưa ra phương hướng tổng quát và đề xuất các giải pháp cụ thể, toàn diện, có căn cứ khoa học nhằm nâng cao hơn nữa về chất lượng, hiệu quả đối với hoạt động GDPL qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam.

- *“Giáo dục pháp luật trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam”* - Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Vũ Thị Hoài Phương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2008 [104]. Tác giả luận án đã tập trung làm rõ các vấn đề lý luận về GDPL trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam như khái niệm, đặc điểm, vai trò của công tác GDPL trong môi trường đặc thù đó là các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam; đánh giá thực trạng và tìm ra nguyên nhân của thực trạng công tác GDPL, chỉ ra những ưu điểm và những vấn đề còn tồn tại về GDPL đối với các doanh nghiệp nhà nước. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra những yêu cầu và một số giải pháp cụ thể để thực hiện công tác GDPL được thường xuyên hơn và có hệ thống nhằm nâng cao hơn nữa CLGDPL trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam trong thời gian tới.

- *“Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”* - Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Quốc Sửu, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2010 [114]. Luận án đã đề cập và phân tích tương đối toàn diện, có hệ thống cả về phương diện lý luận cũng như thực tiễn đối với công tác GDPL cho đối tượng là những cán bộ, công chức hành chính phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; tập trung và đi sâu làm rõ các vấn đề lý luận về GDPL như khái niệm, mục đích, mục tiêu, đặc thù của công tác GDPL đối với cán bộ, công chức hành chính. Bên cạnh đó, tác giả đã đánh giá tổng quan về thực trạng công tác GDPL; về trình độ, kiến thức hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật của cán bộ, công chức hành chính và các yếu tố ảnh hưởng

đến hoạt động GDPL đối tượng này; chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến những bất cập, hạn chế trong quá trình GDPL. Từ đó, tác giả đã đưa ra một số quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao CLGDPL đối với đội ngũ cán bộ, công chức hành chính cho phù hợp với điều kiện, thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- *“Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam”* - Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Phan Hồng Dương, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2014 [29]. Tác giả đã đi sâu làm rõ cơ sở lý luận của GDPL nói chung và xây dựng khái niệm về GDPL cho đối tượng là sinh viên đang học tập, nghiên cứu tại các trường Đại học không chuyên luật ở Việt Nam nói riêng. Bên cạnh đó, tác giả luận án cũng tập trung làm rõ vai trò, mục đích, các yếu tố tác động đến quá trình GDPL cho đối tượng là những sinh viên đang học tập trong các trường đại học không chuyên luật. Đồng thời, tác giả luận án đã đánh giá, phân tích thực trạng GDPL, nội dung, chương trình GDPL ở một số trường đại học; từ đó, luận án đã xây dựng và đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường và nâng cao CLGDPL cho sinh viên trong các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam.

- *“Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam”* - Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Ngô Văn Trù, HVCTQG HCM, năm 2015 [134]. Tác giả đã đi sâu làm rõ cơ sở lý luận về khái niệm, vai trò và đặc trưng của GDPL cho đối tượng đặc thù là phạm nhân trong các trại giam; chỉ ra các yếu tố cấu thành và ảnh hưởng đến hoạt động GDPL cho phạm nhân, nghiên cứu và tham khảo công tác GDPL cho phạm nhân trong các nhà tù của một nước trên thế giới. Tác giả thực hiện khảo sát tình hình ý thức pháp luật, tuân thủ chấp hành pháp luật của phạm nhân trong một số trại giam ở nước ta, phân tích thực trạng công tác GDPL và đề cập một số vấn đề cần đặt ra về công tác GDPL cho

phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời, luận án đưa ra các quan điểm mang tính chỉ đạo và đề xuất một số nhóm giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa CLGDPL cho phạm nhân để phù hợp với tình hình, đặc điểm, đặc thù của các trại giam ở Việt Nam trong thời gian tới.

- *“Giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay”* - Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Thị Tĩnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2016 [127]. Tác giả đã tập trung làm rõ và vận dụng cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật trong điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của nhân dân, các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó cần phải đổi mới các hình thức giáo dục pháp luật cho phù hợp với đối tượng được GDPL đó là người dân tỉnh Đắk Lắk. Bên cạnh đó, theo tác giả để CLGDPL cho người dân tỉnh Đắk Lắk ngày càng được nâng cao hơn nữa thì yêu cầu đặt ra cần phải kết hợp hài hòa giữa công tác GDPL với công tác giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và các phong tục tập quán của nhân dân các dân tộc đang sinh sống ở tỉnh Đắk Lắk; kết hợp GDPL trong gia đình với giáo dục trong nhà trường và ngoài xã hội cần phải được triển khai một cách đồng bộ, nghiêm túc, triệt để.

- *“Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam”* - Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Dương Thành Trung, HVCTQG HCM, năm 2016 [137]. Tác giả đã đi sâu làm rõ cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam như khái niệm, đặc trưng, vai trò, các thành tố của GDPL nói chung và GDPL cho đối tượng là đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, làm rõ các yếu tố chủ quan, khách quan và đặc thù tác động và ảnh hưởng đến công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Khmer như: lối sống, tâm lý, trình độ học vấn, hiểu biết xã hội, kinh nghiệm thực tiễn,... Qua đánh giá thực trạng, thực tiễn công tác GDPL, tác giả chỉ ra những hạn chế còn tồn tại

trong nhận thức về tầm quan trọng của GDPL là nhằm trang bị kiến thức, hình thành lối sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của đồng bào dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, góp phần bảo đảm để Nhà nước thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật có hiệu quả. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra các giải pháp cụ thể và đặc thù, có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn GDPL cho đồng bào dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới.

- *“Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông từ thực tiễn Thành phố Hà Nội”* - Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương, Học viện Khoa học xã hội, năm 2019 [75]. Tác giả đã đi sâu làm rõ cơ sở lý luận về GDPL nói chung, GDPL cho đối tượng đặc thù là học sinh trong các trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội nói riêng như khái niệm, đặc điểm, vai trò, các thành tố của GDPL ở trường trung học phổ thông và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động GDPL cho học sinh trung học phổ thông. Bên cạnh đó, tác giả đánh giá thực trạng công tác GDPL trong các nhà trường trung học phổ thông hiện nay, chỉ rõ những kết quả đã đạt được và những mặt còn hạn chế, bất cập cần phải tiếp tục khắc phục; đồng thời, tác giả đưa ra một số nhận xét, đánh giá chung về thực trạng và nguyên nhân của thực trạng GDPL cho học sinh phổ thông. Từ thực trạng đó, luận án đã đưa ra một số yêu cầu và các giải pháp nhằm bảo đảm cho GDPL đối với học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới ngày càng hiệu quả hơn.

Ngoài các công trình khoa học nêu trên, còn có một số công trình khoa học đề cập đến các vấn đề, khía cạnh có liên quan đến CLGDPL như: Luận án Phó tiến sĩ Luật học: *“Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở nước ta hiện nay”* của tác giả Lê Đình Khiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2002 [77]; Luận án Tiến sĩ Luật học: *“Sự phát triển ý thức pháp luật của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam”* của

tác giả Hồ Việt Hiệp, HVCTQGHCM, năm 2004 [52]; Luận án Tiến sĩ Triết học *“Giáo dục ý thức pháp luật cho sinh viên các trường đại học ở các tỉnh Trung Trung Bộ trong giai đoạn hiện nay”* của tác giả Đỗ Thành Đô, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2016 [46]; Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục: *“Quản lý hoạt động tham gia giáo dục pháp luật cho sinh viên không chuyên luật trong các trường đại học”* của tác giả Đỗ Thị Thu Hằng, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2017 [51];....

*** Tạp chí**

- *“Chất lượng giáo dục pháp luật và các tiêu chí đánh giá”* - của tác giả Nguyễn Thu Thủy đăng trên Tạp chí Luật học, số 05/2006 [128]. Theo tác giả, với vị trí là cầu nối để chuyển tải và đưa pháp luật đi vào đời sống xã hội, GDPL có vai trò quan trọng thúc đẩy và nâng cao YTPL cho nhân dân, nhằm tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Do đó, CLGDPL có thể được xem xét từ nhiều khía cạnh khác nhau tùy thuộc vào mục đích đánh giá chất lượng. Xuất phát từ tính chất, đặc điểm của GDPL, tác giả đã đưa ra một số tiêu chí cơ bản để đánh giá CLGDPL như nội dung, chủ thể, hình thức, phương pháp, nhận thức của đối tượng được giáo dục và các điều kiện hỗ trợ phục vụ cho công tác GDPL; đồng thời chỉ ra một số nhân tố khác như bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và các hoạt động giáo dục khác như giáo dục văn hóa, đạo đức... cũng ảnh hưởng nhất định đến chất lượng giáo dục pháp luật.

- *“Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức hành chính ở nước ta hiện nay”* - của tác giả Nguyễn Quốc Sửu đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 04 (264)/2010 [115]. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu và làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL đối với đội ngũ cán bộ, công chức hành chính ở nước ta đó là yếu tố chính trị, kinh tế, pháp lý, văn hóa, xã hội. Theo tác giả, để chất lượng, hiệu quả GDPL

cho cán bộ, công chức hành chính ở nước ta được nâng cao trong thời gian tới cần phải dự báo và thấy rõ được những ảnh hưởng, tác động qua lại giữa các yếu tố chính trị, pháp lý, kinh tế, văn hóa, xã hội đối với hoạt động GDPL.

- “*Một số tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*” - của tác giả Đặng Vũ Huân, bài đăng trên tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 10/2011 [69]. Tác giả cho rằng, công tác phổ biến, GDPL giữ vai trò quan trọng trong đời sống xã hội nhằm nâng cao sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân. Do đó, theo tác giả để đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cần phải dựa trên các tiêu chí khác nhau, thông qua các tiêu chí là cơ sở để xác định các biện pháp phổ biến, giáo dục pháp luật cho phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Ngoài ra còn có các bài báo, tạp chí khác đã tiếp cận và nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến chất lượng giáo dục pháp luật trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như: “*Đưa cuộc sống vào pháp luật và đưa pháp luật vào cuộc sống*” của tác giả Hoàng Thị Kim Quế đăng trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật (Số chuyên đề về thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư), năm 2004 [106]; “*Thực trạng công tác phổ biến, GDPL và những biện pháp nâng cao hiệu quả của phổ biến, GDPL trong thời gian tới*” của tác giả Nguyễn Tất Viễn, đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề năm 2006 [149]; “*Giáo dục pháp luật trong Nhà trường - những vấn đề đặt ra hiện nay*” của tác giả Phạm Kim Dung, đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2006 [26]; “*Kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức và văn hóa đối với doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam*” của tác giả Vũ Thị Hoài Phương, đăng trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 04 năm 2007 [103]; “*Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học*” của tác giả Phan Hồng Dương, đăng trên Tạp chí Giáo dục, số 190 năm 2008 [28]; “*Bàn về hiệu*

quả phổ biến, giáo dục pháp luật ở nước ta hiện nay” của tác giả Hoàng Thị Kim Quế đăng trên Tạp chí Khoa học pháp lý, số 08 năm 2011[107]; “*Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông hiện nay*” của tác giả Bùi Văn Dũng, đăng trên Tạp chí Giáo dục, số 337 năm 2014 [27]; “*Giáo dục pháp luật cho sinh viên Việt Nam hiện nay*” của tác giả Vũ Thị Hồng Vân, đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 12 năm 2017 [146]; “*Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho thanh niên nước ta hiện nay*” của tác giả Ngô Thị Khánh đăng trên Tạp chí Triết học, số 03 năm 2018 [76].

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng giáo dục pháp luật ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

*** Đề tài khoa học**

- “*Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam*” - Đề tài cấp Tổng cục Chính trị - QĐNDVN của tác giả Lê Đức Tụ chủ nhiệm đề tài, năm 1998 [132]. Đề tài đã đi sâu nghiên cứu các vấn đề lý luận của hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trong môi trường mang tính đặc thù là QĐNDVN. Chỉ ra những kết quả đã đạt được, phân tích làm rõ những điểm còn hạn chế, bất cập cần phải được đổi mới đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong QĐNDVN thời gian qua. Nhận thấy rõ tầm quan trọng của công tác phổ biến, GDPL trong QĐNDVN, đề tài đã đưa ra một số giải pháp theo hướng bám sát thực tiễn hoạt động quân sự để tiến hành đổi mới công tác phổ biến, GDPL trong QĐNDVN sao cho chất lượng, hiệu quả ngày càng được nâng cao.

- “*Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật trong các học viện, trường sĩ quan quân đội*” - Đề tài cấp Tổng cục Chính trị - QĐNDVN của tác giả Phạm Xuân Mát làm chủ nhiệm đề tài, năm 2012 [92]. Nhận thấy sự cần thiết của công tác giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật trong các học viện, trường sĩ quan quân đội cũng như việc đổi mới chương

trình, nội dung, phương pháp giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật trong các học viện, trường sĩ quan quân đội cho phù hợp với thực tiễn hoạt động trong môi trường quân sự; các tác giả đề tài đã tập trung đi sâu làm rõ thực trạng về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật trong các học viện, trường sĩ quan quân đội; chỉ ra những ưu điểm và hạn chế về chương trình, nội dung, phương pháp trong quá trình giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật trong thời gian qua. Đồng thời, đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm đổi mới về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật cho phù hợp với đặc thù của môi trường quân đội, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Nhà nước và pháp luật.

- *“Nghiên cứu nâng cao chất lượng dạy học pháp luật ở Học viện Biên phòng”* - Đề tài cấp Bộ Tổng tham mưu - QĐNDVN của tác giả Phạm Văn Trường làm chủ nhiệm đề tài, năm 2015 [14]. Đề tài đã nghiên cứu và làm rõ các vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn đối với hoạt động dạy học pháp luật cho các đối tượng học viên ở Học viện Biên phòng. Đồng thời, các tác giả cũng chỉ ra công tác dạy học pháp luật ở Học viện Biên phòng là tổng hợp các hoạt động của chủ thể tác động vào quá trình dạy học nhằm mục đích tạo ra sự chuyển biến về chất, góp phần đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu dạy học của nhà trường. Thông qua việc xác định và luận giải các tiêu chí đánh giá chất lượng dạy học pháp luật, những yêu cầu và nội dung nâng cao chất lượng dạy học pháp luật, các tác giả đã đề xuất một số biện pháp cơ bản để tác động vào các thành tố của quá trình dạy học pháp luật nhằm nâng cao chất lượng dạy học pháp luật trong thời gian tới.

*** Luận án**

- *“Bồi dưỡng văn hóa pháp luật của học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội”* - Luận án Tiến sĩ Chính trị học của tác giả Vũ Văn Thường, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, năm 2009 [126]. Tác giả luận án đã tập

trung làm rõ các vấn đề lý luận về văn hóa pháp luật, công tác bồi dưỡng để hình thành văn hóa pháp luật của học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội, tác giả luận án cho rằng văn hóa pháp luật là bộ phận cấu thành của văn hóa, phản ánh các giá trị của con người trong quá trình “sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật”. Trên cơ sở thực tiễn, tác giả đánh giá thực trạng, rút ra một số kinh nghiệm bồi dưỡng văn hóa pháp luật; đưa ra một số phương hướng, yêu cầu và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm tăng cường công tác bồi dưỡng văn hóa pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội.

- *“Giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam”* - Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Văn Vi, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2018 [148]. Luận án đã phân tích một cách toàn diện cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật như khái niệm, đặc điểm, các thành tố cơ bản của GDPL trong QĐNDVN; đồng thời, tác giả đã đi sâu làm rõ sự cần thiết, vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật trong QĐNDVN. Bên cạnh đó, tác giả đánh giá thực tiễn triển khai thực hiện GDPL, những bài học kinh nghiệm và yêu cầu đặt ra từ thực tiễn triển khai công tác GDPL trong QĐNDVN. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, tác giả đưa ra các quan điểm và một số nhóm giải pháp tăng cường GDPL trong QĐNDVN phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay. Trong đó, tập trung nâng cao nhận thức, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức công tác giáo dục pháp luật; đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật và chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- *“Giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan Quân đội hiện nay”*
- Luận án Tiến sĩ Giáo dục học của tác giả Trần Văn Hòa, Học viện Chính trị, BQP, năm 2018 [56]. Tác giả đã xây dựng khung lý luận về GDPL cho học viên ở

các trường sĩ quan Quân đội như khái niệm pháp luật và GDPL, bản chất, đặc điểm, vai trò của quá trình GDPL. Bên cạnh đó, luận án còn xác định cơ sở khoa học về chủ thể, đối tượng, chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, các yếu tố tác động và những yêu cầu đặt ra đối với công tác GDPL cho học viên ở các trường sĩ quan quân đội trong bối cảnh hiện nay. Theo tác giả, GDPL là hoạt động có ảnh hưởng và chi phối đến các hoạt động khác của người học viên, nhằm định hướng cho họ thực hiện và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, kỷ luật trong quá trình học tập, rèn luyện cũng như công tác sau này. Đồng thời, tác giả luận án đã tiến hành khảo sát nhận thức về pháp luật và GDPL cho học viên ở các trường sĩ quan quân đội, đánh giá thực trạng, phân tích những nguyên nhân, làm cơ sở đề xuất các biện pháp GDPL cho học viên ở các trường sĩ quan quân đội. Bên cạnh đó, tác giả đã tiến hành thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính đúng đắn của giả thuyết và tính khả thi của các giải pháp GDPL đã đề xuất.

- *“Giáo dục phẩm chất kỷ luật cho học viên ở các trường sĩ quan quân đội trong bối cảnh hiện nay”* - Luận án Tiến sĩ Giáo dục học của tác giả Hoàng Phổ Thông, Học viện Chính trị, BQP, năm 2020 [120]. Luận án đã xây dựng khung lý luận về giáo dục phẩm chất kỷ luật cho học viên ở các trường sĩ quan quân đội trong bối cảnh hiện nay bao gồm: Khái niệm, cấu trúc, đặc trưng của quá trình hình thành, phát triển phẩm chất kỷ luật của học viên ở các trường sĩ quan quân đội; khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và các yếu tố tác động đến giáo dục phẩm chất kỷ luật cho học viên các trường sĩ quan quân đội hiện nay. Bên cạnh đó, tác giả luận án đã tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng phẩm chất kỷ luật của học viên, giáo dục phẩm chất kỷ luật của học viên và mức độ tác động của các yếu tố đến giáo dục phẩm chất kỷ luật của học viên ở các trường sĩ quan quân đội. Đồng thời, luận án đề xuất hệ thống biện

pháp giáo dục phẩm chất kỷ luật cho học viên và tiến hành thực nghiệm biện pháp đề xuất, phân tích kết quả cả về mặt định lượng và định tính.

*** Tạp chí**

- “*Giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay* của tác giả Đào Văn Minh, đăng trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 05 năm 2013” [93]. Trên cơ sở làm rõ cơ sở lý luận về chất lượng GDPL, tác giả đưa ra những đánh giá, phân tích về thực trạng CLGDPL cho cán bộ, chiến sĩ trong QĐNDVN và chỉ rõ những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện công tác này. Từ thực trạng CLGDPL cho cán bộ, chiến sĩ trong QĐNDVN, tác giả đã đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm cung cấp những kiến thức, thông tin về pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ thông qua chương trình đào tạo chính khóa, các hoạt động ngoại khóa, các lớp tập huấn và việc lồng ghép các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thi tìm hiểu pháp luật...ở các đơn vị trong toàn quân nhằm nâng cao hơn nữa CLGDPL cho cán bộ, chiến sĩ trong QĐNDVN thời gian tới.

- “*Mấy giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong Quân đội hiện nay*” của tác giả Nguyễn Văn Vi, đăng trên Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 01/2018 [148]. Trên cơ sở làm rõ tầm quan trọng và sự cần thiết của GDPL trong Quân đội hiện nay; qua khảo sát ở một số đơn vị trong quân đội, tác giả đã chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của hạn chế, dẫn đến kết quả chưa đạt được với mục đích, yêu cầu đề ra. Theo tác giả, để khắc phục những hạn chế đó góp phần nâng cao CLGDPL trong QĐNDVN cần thực hiện tốt một số biện pháp cơ bản như: xác định mục tiêu giáo dục pháp luật cho phù hợp; đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức GDPL; tổ chức hoạt động trải nghiệm rèn luyện thói quen hành vi pháp luật cho học viên.

Ngoài ra, còn có rất nhiều các bài báo, tạp chí khác nghiên cứu và đề cập đến những vấn đề liên quan đến CLGDPL trong Quân đội dưới các khía cạnh, góc độ khác nhau như: “*Đẩy mạnh hơn nữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các lực lượng vũ trang*”, của tác giả Nguyễn Huy Hiệu, đăng trên Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 01/2003 [54]; “*Nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật - Một nhiệm vụ quan trọng trong Quân đội hiện nay*” của tác giả Lê Thanh Trung, đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề Phổ biến, GDPL/2006 [135]; “*Kết hợp giữa giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức cho thanh niên quân đội hiện nay*” của tác giả Đào Văn Minh, đăng trên Tạp chí Giáo dục, số 01/2014 [94]; “*Xác định chuẩn đầu ra về pháp luật cho các đối tượng đào tạo - biện pháp cơ bản đổi mới nội dung, phương pháp dạy học pháp luật ở Học viện Biên phòng*” của tác giả Trần Hữu Phúc, đăng trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Biên phòng, số 42/2015 [102]; “*Nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục, phổ biến và tư vấn pháp luật cho học viên*” của tác giả Hoàng Đức Minh, đăng trên Tạp chí Nhà trường Quân đội, số 02/2015 [96]; “*Tăng cường công tác giáo dục, quản lý, chấp hành pháp luật, kỷ luật Quân đội*” của tác giả Nguyễn Văn Minh, đăng trên Tạp chí Quân huấn, số 606/2017 [95];....

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI

* *Đề tài khoa học*

Tác giả T.I. Akimova và K.V. Naumenkova với đề tài “*Правовое воспитание в Российской Федерации - Giáo dục pháp luật ở Liên bang Nga*”, năm 2014 [162], theo các tác giả thì giáo dục pháp luật là một hệ thống các biện pháp nhằm đưa vào ý thức của cá nhân và các giá trị pháp lý và đạo đức, các nguyên tắc của pháp luật, niềm tin vào sự cần thiết và công bằng của các chuẩn mực. Bên cạnh đó, các tác giả đã đưa ra một số quan niệm về giáo dục pháp luật theo các cách tiếp cận khác nhau và đưa ra mục tiêu của giáo dục pháp luật là nhằm

đạt được kiến thức vững chắc của con người về luật pháp, tính hợp pháp, quyền và nghĩa vụ của cá nhân, trước hết là những quy phạm liên quan trực tiếp đến con người. Theo các tác giả thì pháp luật có giá trị xã hội to lớn và quan hệ mật thiết với mỗi cá nhân trong xã hội. Do đó, thông qua công tác giáo dục pháp luật nhằm hình thành ở mỗi con người những tri thức pháp luật, các chuẩn mực pháp luật, từ đó, tạo ra những thói quen, hành vi xử sự tích cực theo các quy định của pháp luật và xây dựng văn hóa pháp luật trong cộng đồng xã hội.

*** Sách**

Trong cuốn sách *“Legal Education in the Digital Age - Giáo dục pháp luật trong thời đại kỹ thuật số”* của tác giả Edward Rubin, xuất bản năm 2012” [154]. Cuốn sách bao gồm tập hợp các bài viết xoay quanh những vấn đề đặt ra đối với công tác giáo dục pháp luật trong thời đại kỹ thuật số. Tác giả cho rằng trong thời gian tới với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, trong đó có cuộc cách mạng kỹ thuật số sẽ kéo theo sự cải cách, thay đổi hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục pháp luật nói riêng. Đặc biệt, tác giả quan tâm đến quá trình sản xuất và phân phối các nguồn tài liệu kỹ thuật số sẽ ảnh hưởng và tác động như thế nào đến nội dung, phương pháp GDPL trong các nhà trường, tiến hành khảo sát thực tiễn để đánh giá sự tác động của tài liệu số đối với quá trình giảng dạy và học tập mà các tài liệu số có thể tạo ra đối với công tác giáo dục pháp luật.

*** Luận án**

- Luận án Phó Tiến sĩ của Matvienko L.M “Правовое воспитание старшеклассников в процессе изучения дисциплин гуманитарного цикла - *Quá trình giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông trong quá trình học tập bộ môn nhân văn*”, Đại học sư phạm bang Volgograd, năm 2004 [160]. Tác giả đã làm rõ các vấn đề về cơ sở khoa học về quá trình giáo dục pháp luật theo cách tiếp cận của khoa học giáo dục, sư phạm cho đối tượng được GDPL là học sinh phổ

thông. Trên cơ sở xác định nội dung, hình thức và các mục tiêu, yêu cầu GDPL cho học sinh phổ thông; cũng như các điều kiện bảo đảm, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDPL và đặt nó trong mối liên hệ với quá trình giáo dục các nội dung khác trong nhà trường. Trên cơ sở đó, tác giả luận án đã xác định một số giải pháp, mô hình GDPL nhằm phát huy hiệu quả của quá trình giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông.

- Luận án Tiến sĩ Luật học “*Правовое воспитание в условиях становления правового государства - Giáo dục pháp luật trong việc hình thành Nhà nước pháp quyền*” của tác giả Strelaieva, Đại học Bộ Nội vụ Nga, năm 2006 [161]. Theo tác giả, hoạt động giáo dục pháp luật đóng một vai trò quan trọng trong việc dịch chuyển pháp luật vào thực tiễn, bảo đảm pháp quyền trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Giáo dục pháp luật là một phần của toàn bộ quá trình hình thành nhân cách, không thể thiếu khi thực hiện các mục tiêu xây dựng Nhà nước hợp pháp ở Nga. Từ đó, tác giả đưa ra những yêu cầu, đòi hỏi cần phải tiếp tục tăng cường công tác giáo dục pháp luật nhằm xây dựng và hình thành Nhà nước pháp quyền.

- Luận án Tiến sĩ Luật học “*Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” của tác giả Súc Ni Lăn Đon Kun La Vông, HVCTQGHCM, năm 2015 [113]. Tác giả đã tập trung làm rõ các vấn đề lý luận, xây dựng khái niệm về GDPL nói chung, GDPL trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nói riêng. Phân tích làm rõ đặc điểm, vai trò của GDPL, các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến GDPL. Đồng thời, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng GDPL, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế đó. Thông qua việc đánh giá thực trạng, tác giả luận án đã đưa ra một số quan điểm, phương hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể góp phần nâng cao chất

lượng, hiệu quả GDPL trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Luận án Tiến sĩ Luật học “*Giáo dục pháp luật cho công chức hành chính ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*” của tác giả Vilay Philavong, HVCTQG HCM, năm 2017 [152]. Tác giả đã tập trung làm rõ các vấn đề lý luận như khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho đội ngũ công chức hành chính ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nói riêng. Bên cạnh đó, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng, đưa ra những kết quả đã đạt được và những hạn chế, chỉ ra những nguyên nhân của kết quả và hạn chế. Qua đó, tác giả đưa ra một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao CLGDPL cho đội ngũ công chức hành chính ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong thời gian tới.

*** Tạp chí**

Bài viết "Legal education of military personnel-*Giáo dục pháp luật của quân nhân*" của tác giả Isayev và S.I. Pustovalov đăng trên Tạp chí “*Tư tưởng quân sự*” năm 2002 [157]. Các tác giả đã làm rõ về vai trò, tầm quan trọng của giáo dục pháp luật đối với quân nhân trong Quân đội Liên bang Nga. Bởi vì, không có lĩnh vực, quan hệ xã hội nào được pháp luật điều chỉnh một cách cặn kẽ, chi tiết như trong quân đội. Hiến pháp của Nga, các công ước và thỏa thuận quốc tế, Luật Liên bang, sắc lệnh của Tổng thống, Nghị quyết của Chính phủ, quy định của quân đội, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, các văn bản pháp lý và các quy định khác quy định tất cả các khía cạnh của hoạt động quân sự, nghĩa vụ và tình trạng pháp lý của quân nhân. Do đó, các tác giả cho rằng, giáo dục pháp luật không chỉ giúp cho các quân nhân nắm chắc kiến thức pháp luật mà còn là điều kiện cần thiết để tổ chức các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp của họ, giúp họ hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Qua nghiên cứu các công trình khoa học liên quan đến CLGDPL được các tác giả nghiên cứu ở nước ngoài, kể cả người nước ngoài nghiên cứu tại Việt Nam, tác giả nhận thấy các công trình khoa học trên mới đi sâu nghiên cứu một mặt hoặc một vấn đề cụ thể nào đó của GDPL như mới chỉ nêu khái niệm, đặc điểm, cấu trúc, chức năng, vai trò của GDPL, YTPL trên một số lĩnh vực khác nhau, đồng thời đưa ra những giải pháp giáo dục YTPL, nâng cao CLGDPL cho các đối tượng khác nhau từ kinh nghiệm của một số nước trên thế giới.

1.3. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ; NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU; GIẢI THUYẾT KHOA HỌC VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.3.1. Nhận xét, đánh giá về các công trình đã được công bố

Qua nghiên cứu các công trình tiêu biểu đã được công bố có liên quan đến đề tài luận án cho thấy, các công trình khoa học, các đề tài, bài viết nêu trên đã có những đóng góp quan trọng trên những khía cạnh nhất định về lý luận và thực tiễn về GDPL, chất lượng giáo dục pháp luật, có thể tham khảo, kế thừa chọn lọc trong quá trình nghiên cứu luận án. Tuy nhiên, các công trình khoa học mới chỉ đề cập các vấn đề lý luận liên quan đến đề tài như GDPL, YTPL còn mang tính khái quát, chung chung cho nhiều đối tượng khác nhau trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, chưa có công trình, đề tài nào tiếp cận và nghiên cứu cụ thể cơ sở lý luận, thực tiễn về CLGDPL cho đối tượng mang tính đặc thù riêng trong hoạt động quân sự đó là học viên đang học tập và rèn luyện ở các nhà trường QĐNDVN. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống về cơ sở lý luận như khái niệm, vai trò, đặc điểm, đặc thù, nội dung, hình thức, phương pháp, xác định các tiêu chí đánh giá CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN cho phù hợp với quá trình học tập, rèn luyện, đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các nhà trường quân đội, cũng như chức năng, nhiệm vụ, chức trách của người học viên sau khi tốt nghiệp ra trường trở thành những sĩ

quan trong QĐNDVN. Đó là những chức năng, nhiệm vụ mang tính đặc thù trong hoạt động quân sự chưa được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu một cách cụ thể.

Các công trình khoa học nêu trên đều cho rằng GDPL có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội nói chung, hoạt động quân sự nói riêng, chỉ ra sự cần thiết phải nâng cao CLGDPL cho các đối tượng học viên ở các nhà trường QĐNDVN. Đồng thời, thông qua hoạt động GDPL giúp cho học viên khi ra trường nắm vững các kiến thức pháp luật và trình độ hiểu biết pháp luật, đây là cơ sở bảo đảm cho sự trưởng thành, phát triển và chiến thắng của QĐNDVN. Một số công trình mới chỉ có hướng nghiên cứu liên quan đến vấn đề GDPL trong QĐNDVN và cho học viên ở các trường sĩ quan QĐNDVN, đó là cơ sở giúp tác giả luận án tiếp tục làm rõ các vấn đề lý luận, có thêm cứ liệu đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN.

Mặc dù các đề tài, công trình khoa học nêu trên mới chỉ đề cập từng mặt, từng khía cạnh của quá trình GDPL nói chung, nhưng tất cả các công trình khoa học, đề tài, bài viết đã được công bố có nội dung liên quan đến đề tài của tác giả là những tài liệu tham khảo có giá trị sẽ được tác giả luận án kế thừa có chọn lọc. Trong đó có một số nội dung có giá trị tham khảo tốt như: Một số công trình đã đưa ra cách tiếp cận khái niệm, đặc điểm, vai trò, các điều kiện bảo đảm của công tác giáo dục pháp luật trên một số hoạt động, lĩnh vực khác nhau; các công trình nghiên cứu đã phân tích về các yếu tố ảnh hưởng, thực trạng GDPL. Từ thực trạng đó, các công trình cũng đề xuất các quan điểm, yêu cầu, giải pháp ở những khía cạnh khác nhau để nâng cao CLGDPL cho các đối tượng cụ thể.

Tuy nhiên, với những mục đích, yêu cầu nghiên cứu khác nhau nên các công trình nghiên cứu nêu trên mới chỉ đề cập, nghiên cứu, tiếp cận ở một số khía cạnh cụ thể của chất lượng giáo dục pháp luật. Xét một cách tổng quan, cho

đến nay ở phạm vi nghiên cứu khoa học chưa có công trình khoa học nào đề cập, tập trung đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện, cụ thể, có hệ thống về vấn đề CLGDPL trong môi trường quân sự cho đối tượng cụ thể là học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường QĐNDVN. Vì vậy, đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách cơ bản, chuyên sâu và có hệ thống cả về mặt lý luận và thực tiễn về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN hiện nay.

1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Thông qua những kết quả nghiên cứu của các công trình nêu trên đã cung cấp, gợi mở cách tiếp cận vấn đề, phương pháp nghiên cứu trong nhiều nội dung của luận án. Tuy nhiên, nhiều vấn đề liên quan đến CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN chưa được nghiên cứu đầy đủ, toàn diện, có tính hệ thống. Vì vậy, để đạt được mục đích của luận án là nghiên cứu toàn diện, hệ thống về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN dưới góc độ của chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật, luận án sẽ kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học nêu trên và tiếp tục bổ sung, làm rõ một số vấn đề như:

*** Về lý luận**

- Tiếp tục nghiên cứu, làm rõ thêm các vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài như khái niệm về GDPL, CLGDPL; đặc điểm, vai trò của GDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Trên cơ sở phân tích, làm rõ các vấn đề lý luận về CLGDPL, luận án xây dựng và làm rõ khái niệm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội và xác định các tiêu chí đánh giá CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội.

- Đi sâu làm rõ các điều kiện bảo đảm đối với CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN như tổ chức, quản lý GDPL; chương trình, nội dung, hình thức, phương pháp GDPL ở các nhà trường quân đội.

**** Về thực tiễn***

- Đi sâu phân tích các yếu tố tác động đến CLGDPL cho học viên về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ đào tạo của các nhà trường QĐNDVN.
- Làm rõ tính đặc thù trong môi trường quân sự, những thuận lợi, khó khăn và đặc điểm tình hình học viên ở các nhà trường quân đội.
- Làm rõ thực trạng CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại; xác định nguyên nhân của kết quả, hạn chế về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN.
- Xây dựng hệ thống các quan điểm và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội trong tình hình mới.

1.3.3. Giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu

**** Giả thuyết khoa học***

Học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ trở thành những sĩ quan trong QĐNDVN; yêu cầu, đòi hỏi họ cần phải hiểu rõ và nắm chắc các kiến thức, các quy định của pháp luật để vận dụng vào trong quá trình quản lý, chỉ huy bộ đội và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao. Để bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội cần nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này trong điều kiện xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; góp phần xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại; nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Từ đó, có những giải pháp mang tính toàn diện về nhận thức, tổ chức thực hiện và điều kiện bảo đảm, đáp ứng được với mục tiêu, yêu cầu đào tạo ở các nhà trường quân đội nhằm nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội trong thời gian tới.

**** Câu hỏi nghiên cứu***

Từ giả thuyết nêu trên, luận án cần phải trả lời các câu hỏi sau đây:

1 - Tại sao phải nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội?

2 - Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội được hiểu như thế nào? Các tiêu chí đánh giá và điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội?

3 - Thực trạng chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay như thế nào? Kết quả, hạn chế cụ thể ra sao và nguyên nhân nào dẫn đến kết quả và hạn chế đó?

4 - Quan điểm chỉ đạo và giải pháp nào bảo đảm chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội ngày càng được nâng cao?

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Xuất phát từ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật trong đời sống xã hội, các vấn đề có liên quan đến CLGDPL luôn nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài trên đây cho thấy, trong thời gian qua, các vấn đề liên quan đến CLGDPL nói chung, đặc biệt là CLGDPL cho học viên trong các nhà trường QĐNDVN nói riêng đã được các nhà khoa học trên thế giới, trong nước và trong quân đội tiếp cận và quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ và ở nhiều khía cạnh thuộc các chuyên ngành khác nhau. Bên cạnh đó, các nhà khoa học mới chỉ tập trung luận giải và đi sâu nghiên cứu các vấn đề về cơ sở lý luận liên quan đến giáo dục pháp luật, CLGDPL trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội; chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống về CLGDPL cho đối tượng mang tính đặc thù là học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường QĐNDVN. Đặc biệt, các vấn đề về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội trong bối cảnh, điều kiện xây

dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay thì nó là một vấn đề mới, hầu như chưa có công trình trong nước và ngoài nước nào nghiên cứu, do đó, cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ. Trên cơ sở nghiên cứu các công trình khoa học này, tác giả đã chỉ ra và chốt lọc được những nội dung có giá trị tham khảo đối với luận án, từ đó chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án. Đồng thời, tác giả đã đặt ra giả thuyết khoa học và các câu hỏi nghiên cứu, đây là những câu hỏi cần được trả lời, giải quyết ở các phần tiếp theo của luận án.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

2.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

** Khái niệm giáo dục pháp luật*

Khái niệm giáo dục pháp luật là một trong những vấn đề lý luận cơ bản của khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật. Thông qua việc nghiên cứu và làm rõ nội hàm của khái niệm giáo dục pháp luật để chúng ta xác định và xây dựng các khái niệm có liên quan đến giáo dục pháp luật trên các lĩnh vực cho các đối tượng khác nhau trong xã hội.

Giáo dục là một hoạt động nảy sinh, tồn tại và phát triển cùng với sự ra đời, phát triển của xã hội loài người. Việc truyền thụ và lĩnh hội những kinh nghiệm, kiến thức là nét đặc trưng cơ bản của hoạt động giáo dục với tư cách một hiện tượng xã hội đặc biệt, là nhu cầu quan trọng của xã hội loài người. Theo Đại từ điển Tiếng Việt thì “Giáo dục là tác động có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của con người, để họ dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra” [138, tr734]. Theo Từ điển Giáo dục học cho rằng: “Giáo dục là hoạt động hướng tới con người thông qua các biện pháp tác động nhằm truyền thụ những tri thức và kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng và lối sống, bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng, giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách phù hợp với mục đích, mục tiêu chuẩn bị cho đối tượng tham gia lao động sản xuất và đời sống xã hội” [143, tr97].

Như vậy, giáo dục là một hoạt động được tiến hành một cách thường xuyên,

kiên trì và bền bỉ thể hiện ở tính mục đích, hệ thống nhằm hình thành và chuyển biến những phẩm chất và năng lực cần thiết. Đây là quá trình tác động qua lại giữa hai yếu tố là “*truyền thụ*” tức là hoạt động chuyển tải các kinh nghiệm, kiến thức một cách có hệ thống và “*lĩnh hội*” tức là việc tiếp nhận được những gì thông qua hoạt động truyền thụ để hình thành những giá trị mới của con người với tư cách là đối tượng được giáo dục.

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế. Đó là những khuôn mẫu, những chuẩn mực xã hội và các quy tắc hành vi do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận có giá trị bắt buộc đối với mọi chủ thể trong xã hội. Do đó, để tham gia vào các quan hệ xã hội, buộc các chủ thể phải có những kiến thức hiểu biết pháp luật để tạo hành lang pháp lý và trách nhiệm của các chủ thể biết được phạm vi, giới hạn hành vi của mình mà pháp luật cho phép thực hiện. Nếu như pháp luật được ban hành mà không được các chủ thể trong xã hội nhận thức, hiểu biết để tuân thủ thực hiện thì hiệu quả, tác dụng sẽ không có. Do đó khi pháp luật ra đời thì đồng thời cũng phải đặt ra yêu cầu về giáo dục pháp luật.

Khái niệm GDPL xuất hiện từ lâu trong lịch sử, đây là một hoạt động giữ vai trò quan trọng trong quá trình tổ chức và thực hiện pháp luật; là cầu nối để đưa pháp luật vào đời sống xã hội, giúp cho nhân dân hiểu được nội dung, ý nghĩa, mục đích của các quy phạm pháp luật hiện hành, góp phần hình thành tình cảm, niềm tin và thói quen chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Trong các đề tài khoa học, sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng đã được công bố, có nhiều các quan điểm, ý kiến khác nhau về khái niệm GDPL. Theo tác giả Đinh Xuân Thảo thì GDPL được hiểu là “hoạt động định hướng có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục tác động lên đối tượng giáo dục một

cách có hệ thống và thường xuyên nhằm mục đích hình thành ở họ tri thức pháp lý, tình cảm và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành” [117]. Khi phân tích về khái niệm GDPL, tác giả Dương Thanh Mai cho rằng: “Khi tham gia vào các quan hệ pháp luật, con người phải suy nghĩ lựa chọn cách xử sự dựa trên nền tảng là ý thức pháp luật của cá nhân (bao gồm cả yếu tố tri thức, nhận thức, tâm lý, tình cảm pháp luật) được hình thành dưới tác động liên tục, thường xuyên của các điều kiện khách quan (thực tiễn pháp luật) và các nhân tố chủ quan (hoạt động giáo dục pháp luật). Trong đó, GDPL là yếu tố chủ quan có vai trò tác động quyết định còn thực tiễn pháp luật là yếu tố khách quan ảnh hưởng đến quá trình hình thành ý thức pháp luật của cá nhân” [91].

Trong thực tiễn, khi nghiên cứu về khái niệm GDPL vẫn thường được hiểu với các cấp độ khác nhau theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp. “Theo nghĩa rộng thì giáo dục pháp luật là quá trình hình thành ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý của các thành viên trong xã hội, quá trình đó chịu sự tác động của những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, trong đó điều kiện khách quan (chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường sống...) là nhân tố ảnh hưởng, nó có thể tác động tự phát theo chiều tích cực hoặc tiêu cực, còn nhân tố chủ quan bao giờ cũng là sự tác động tự giác, tích cực, có ý thức, có chủ định theo chiều hướng xác định nhằm đạt được mục đích của chủ thể tác động. Theo nghĩa hẹp, GDPL là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của cơ quan, tổ chức và cá nhân (chủ thể giáo dục) tác động lên đối tượng giáo dục nhằm cung cấp tri thức pháp luật, bồi dưỡng tình cảm pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật” [48]. Như vậy, GDPL là sự tác động một cách có định hướng, có mục đích và thường xuyên đến nhận thức của mỗi người trong xã hội nhằm trang bị cho họ có những hiểu biết, kiến thức pháp luật nhất định để từ đó mỗi người có ý thức đúng đắn, đồng thời tôn trọng và tự giác chấp hành theo yêu cầu của pháp luật Nhà

nước. Trong khoa học pháp lý, GDPL được hiểu là một hoạt động bao gồm đầy đủ các nội dung, tính chất của hoạt động giáo dục nói chung; tuy nhiên, nó cũng có những nét mang tính đặc thù riêng trong mối liên hệ chặt chẽ với các hoạt động giáo dục khác như giáo dục chính trị, đạo đức, tư tưởng,....

Về tính đặc thù của GDPL được thể hiện ở cả mục đích, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục; trong đó thể hiện rõ nét nhất là ở mục đích của GDPL. Do đó, việc xác định rõ mục đích của GDPL có ý nghĩa rất quan trọng đối với các chủ thể trực tiếp thực hiện công tác giáo dục pháp luật; giúp cho các cơ quan, tổ chức quản lý giáo dục pháp luật có cơ sở để xác định chương trình, nội dung, hình thức, phương pháp, phương tiện GDPL trong quá trình tổ chức thực hiện. Theo tác giả, mục đích của GDPL bao gồm:

Thứ nhất, giáo dục pháp luật góp phần hình thành quá trình nhận thức và lĩnh hội tri thức về pháp luật

Nhà nước ban hành ra pháp luật, trong đó thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân lao động, nhưng không phải khi nào các quy định của pháp luật cũng được mọi người trong xã hội nhận thức, hiểu biết và tuân thủ thực hiện nghiêm chỉnh. Do nhiều lý do khác nhau về điều kiện, đời sống kinh tế ở các vùng, miền còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn chưa cao, môi trường giáo dục,...dẫn đến việc tiếp cận, nắm bắt và hiểu biết các quy định của pháp luật vẫn còn có những hạn chế nhất định. Vì vậy, thông qua công tác giáo dục pháp luật sẽ góp phần hình thành quá trình nhận thức và từng bước mở rộng hệ thống tri thức về pháp luật cho nhân dân. Quá trình nhận thức về pháp luật được thể hiện ở các bước sau: Tiếp nhận tri thức pháp luật ➔ Hình thành tri thức pháp luật ➔ Tiếp tục mở rộng và làm sâu sắc thêm tri thức pháp luật ➔ Am hiểu thấu đáo về pháp luật ➔ Vận dụng và đánh giá đúng đắn về các hành vi pháp luật.

Như vậy, giáo dục pháp luật là hoạt động nhằm để truyền tải những nội dung, thông tin, yêu cầu về các quy định của pháp luật đến với mọi người, giúp cho họ kịp thời nắm bắt và hiểu biết được các quy định của pháp luật hiện hành. Đây là một hoạt động hỗ trợ tích cực, có định hướng cho đối tượng được GDPL nhằm hình thành và nâng cao nhận thức về pháp luật của họ.

Thứ hai, giáo dục pháp luật góp phần xây dựng và hình thành niềm tin, tình cảm đúng đắn đối với pháp luật

Thông qua quá trình được GDPL thì mọi người sẽ nắm bắt và hiểu biết được các quy định của pháp luật về các lĩnh vực trong đời sống xã hội, hiểu biết về quá trình thực hiện pháp luật, về quy trình, thủ tục của quá trình áp dụng pháp luật. Qua đó, từng bước xây dựng và hình thành niềm tin, tình cảm của mỗi người đối với pháp luật và tạo ra sự quan tâm, tình cảm của mọi người đối với pháp luật. Chỉ khi nào mọi người đều nhận thức, niềm tin, tình cảm và tin tưởng vào các quy định của pháp luật thì lúc đó họ sẽ tự giác thực hiện nghiêm chỉnh. Thực tiễn cho thấy, hoạt động GDPL đã tác động trực tiếp đến ý thức của đối tượng được GDPL, làm cho họ từ chỗ không quan tâm, thờ ơ, không để ý đến các quy định của pháp luật đã bắt đầu dành sự quan tâm, hiểu đúng về bản chất của pháp luật, đồng tình, ủng hộ pháp luật và từng bước nâng cao sự hiểu biết về các quy định của pháp luật. Đồng thời, công tác GDPL còn giúp cho đối tượng được GDPL nhận thức được mục đích cảm xúc của hoạt động này đó là việc giáo dục tình cảm về tính công bằng, trách nhiệm, không khoan nhượng và pháp chế; thấy được vị trí, vai trò và giá trị của pháp luật đối với việc bảo đảm, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình để từ đó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống hàng ngày. Trong đời sống xã hội vẫn còn có không ít người có kiến thức và hiểu biết pháp luật nhưng không có niềm tin, tình cảm đúng đắn với các quy định của pháp luật nên đã xử sự trái với các quy định của pháp luật.

Thứ ba, giáo dục pháp luật góp phần hình thành động cơ và tự giác thực hiện hành vi tích cực theo quy định của pháp luật

Quá trình GDPL sẽ góp phần nâng cao sự hiểu biết, xây dựng và củng cố tình cảm tốt đẹp của con người đối với các quy định của pháp luật, từ đó hình thành động cơ và thực hiện hành vi tích cực theo quy định của pháp luật, tức là ý thức tự giác chấp hành pháp luật. Theo tác giả Nguyễn Đình Đăng Lục thì “Giáo dục pháp luật là nhằm hình thành một cách bền vững thói quen xử sự hợp pháp, những tình huống pháp luật cho mọi thành viên của xã hội, tạo nên nếp sống và làm việc theo pháp luật” [86]. Vì vậy, để nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật thì công tác GDPL phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, kịp thời và có tính thuyết phục cao. Quá trình GDPL không chỉ có việc truyền đạt những kiến thức về các quy định của pháp luật đang có hiệu lực trong thực tiễn, mà còn góp phần hình thành dư luận và tâm lý, thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi hợp pháp; kết hợp với việc lên án, phê phán các hành vi trái pháp luật. Đồng thời, sự hình thành động cơ và thực hiện hành vi tích cực theo pháp luật là kết quả cuối cùng của hoạt động GDPL. Những mục đích về quá trình nhận thức, lĩnh hội tri thức, xây dựng niềm tin, tình cảm đối với pháp luật là phục vụ cho quá trình hình thành động cơ và hành vi tích cực theo pháp luật.

Như vậy, mục đích của hoạt động GDPL là nhằm hình thành và từng bước phát triển cho đối tượng được giáo dục pháp luật những tri thức, tình cảm, niềm tin và hành vi xử sự phù hợp với các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động của GDPL sẽ giúp cho mọi người hình thành vững chắc ý thức pháp luật, có ý thức tuân thủ và tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình tổ chức, thực hiện pháp luật trong thực tiễn đời sống xã hội. Hoạt động GDPL có mối quan hệ chặt chẽ, đan xen với các dạng giáo dục khác, nhưng nó cũng có tính độc lập tương

đối của mình. Vì vậy, GDPL phải được đặt trong hệ thống giáo dục pháp luật nói chung, kết hợp với các biện pháp giáo dục pháp luật mang tính đặc thù nhằm xây dựng và nâng cao trình độ văn hóa pháp luật trong xã hội. Về hình thức thì GDPL cũng có những nét riêng biệt so với các hình thức giáo dục khác ở chỗ GDPL là quá trình tác động thường xuyên, liên tục và lâu dài hơn chứ không phải chỉ là sự tác động một lần của chủ thể lên đối tượng được giáo dục.

Từ những phân tích ở trên, theo tác giả khái niệm về GDPL được hiểu như sau: *“Giáo dục pháp luật là hoạt động có định hướng, có mục đích và có tổ chức của chủ thể tiến hành giáo dục pháp luật nhằm xây dựng và hình thành cho đối tượng được giáo dục pháp luật những tri thức pháp luật, trình độ hiểu biết, niềm tin, tình cảm và hành vi xử sự hợp pháp theo quy định của pháp luật”*.

**** Khái niệm giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam***

Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước và bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra chủ trương và đẩy mạnh việc nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Vì vậy, trong các văn kiện của Đảng qua các nhiệm kỳ đều đề cập và quan tâm đến vấn đề giáo dục pháp luật. Để thực hiện chủ trương giáo dục pháp luật của Đảng, ngày 07 tháng 10 năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chỉ thị số 02/1998 CT-TTg và Quyết định số 03/QĐ-TTg về việc: *“tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, thành lập hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”*. Tại Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ IX chỉ rõ: *“Đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, ban hành và thực thi pháp luật, trong đó chú trọng việc tuyên truyền giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật một cách nghiêm chỉnh”* [37].

Học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội sau khi tốt nghiệp ra trường công tác sẽ trở thành những sĩ quan QĐNDVN, là lực lượng vũ trang

luôn trung thành với Đảng, Nhà nước, có chức năng bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ chủ quyền và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Để thực hiện tốt các chức năng đó thì không chỉ bằng sức mạnh quân sự, chính trị mà còn cần phải có cả kiến thức và năng lực về pháp luật. Vì vậy, học viên ở các nhà trường quân đội cần phải được giáo dục pháp luật một cách thường xuyên, liên tục, vững chắc, tạo điều kiện cho họ nắm chắc kiến thức và tự giác chấp hành pháp luật trong quá trình học tập, quản lý bộ đội, trong đời sống hàng ngày và khi tham gia các hoạt động xã hội.

Đối với các nhà trường QĐNDVN thì công tác GDPL cho học viên được xác định là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm xây dựng bản lĩnh chính trị, thái độ, động cơ và ý thức pháp luật cho mỗi học viên. Thông qua hoạt động GDPL để mọi học viên nắm được các quy định của pháp luật, nâng cao về nhận thức, thái độ, tình cảm, niềm tin pháp luật, từ đó điều chỉnh hành vi xử sự của mình cho phù hợp với các yêu cầu của pháp luật. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ huy, duy trì pháp luật, kỷ luật quân đội của người sĩ quan chỉ huy sau này khi đảm nhiệm các chức trách, nhiệm vụ khác nhau ở các cơ quan, đơn vị nơi đóng quân. Do đó, công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội có ý nghĩa quan trọng, góp phần đào tạo đội ngũ sĩ quan tương lai trở thành nguồn nhân lực vững chắc cho QĐNDVN. Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã có những Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị liên quan đến công tác GDPL; trong đó khẳng định để nâng cao YTPL cho học viên trong QĐNDVN đòi hỏi phải thực hiện tốt việc đẩy mạnh công tác GDPL cho học viên trong các nhà trường quân đội. Đây là một chiến lược cơ bản, lâu dài góp phần xây dựng Quân đội “*Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*”, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Học viên đang học tập, rèn luyện ở các nhà trường QĐNDVN được đào tạo các chuyên ngành thuộc các nhóm ngành sĩ quan khác nhau theo quy định của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, bao gồm có các nhóm đối tượng sau:

- Nhóm học viên đào tạo sĩ quan chỉ huy, tham mưu;
- Nhóm học viên đào tạo sĩ quan chính trị;
- Nhóm học viên đào tạo sĩ quan hậu cần;
- Nhóm học viên đào tạo sĩ quan kỹ thuật;
- Nhóm học viên đào tạo sĩ quan chuyên môn khác;

Các nhóm đối tượng học viên là nguồn sĩ quan của QĐNDVN, khi tốt nghiệp ra trường sẽ làm nhiệm vụ ở các đơn vị trên mọi miền đất nước, đảm nhiệm các chức vụ khác nhau góp phần xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Trong điều kiện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, người cán bộ, sĩ quan chỉ huy đơn vị ngoài việc nắm vững chức trách, nhiệm vụ theo quy định, còn phải hiểu và nắm chắc các nội dung, kiến thức và quy định của pháp luật; tự giác tuân thủ chấp hành và vận dụng vào thực tiễn trong quá trình thực thi nhiệm vụ; đồng thời tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho quân nhân trong đơn vị và mọi người xung quanh hiểu rõ vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

Từ những phân tích trên, theo tác giả khái niệm về GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN được hiểu như sau:

“Giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội là hoạt động có mục đích, định hướng và có tổ chức của chủ thể tiến hành giáo dục pháp luật đối với học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam; nhằm xây dựng và hình thành cho họ những kiến thức pháp luật, niềm tin, tình cảm và hành vi xử sự hợp pháp theo quy định của pháp luật”.

2.1.2. Đặc điểm giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Với đặc thù của môi trường quân sự, GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội có những điểm khác biệt so với GDPL nói chung ở một số điểm sau:

Thứ nhất, giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội được thực hiện bởi hệ thống các chủ thể rất đa dạng, đó là lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ quản lý đơn vị.

Công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội do nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nhau thực hiện và được tổ chức có hệ thống, thống nhất từ trên xuống dưới.

- Chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo về giáo dục pháp luật là Đảng ủy, Ban giám đốc (Ban giám hiệu) nhà trường.

Xuất phát từ nguyên tắc Đảng lãnh đạo quân đội tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, yêu cầu đặt ra đối với các tổ chức Đảng các cấp trong QĐNDVN là chủ thể lãnh đạo toàn diện đối với CLGDPL. Do đó, Đảng ủy, Ban giám đốc (Ban giám hiệu) ở các nhà trường là chủ thể chịu trách nhiệm lãnh đạo đối với công tác tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện công tác này. Để tham mưu giúp Thủ trưởng Nhà trường trong công tác chỉ đạo, quán triệt, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác GDPL trong toàn trường có các cơ quan chức năng như: Phòng Chính trị, Phòng Đào tạo kết hợp với Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Đội ngũ giảng viên; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; cán bộ quản lý đơn vị và các tổ chức quần chúng đều tham gia và có sự tác động một cách tích cực đến CLGDPL cho học viên. Đây là lực lượng tham gia thường xuyên, trực tiếp quyết định đến hiệu quả và chất lượng của công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN.

Thứ hai, đối tượng được giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội là những học viên đang học tập, rèn luyện trong môi trường quân sự đặc thù có trình độ văn hóa, phẩm chất đạo đức, có ý thức pháp luật, kỷ luật quân đội.

Học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội là những học sinh, sinh viên, quân nhân có đủ tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức, độ tuổi, trình độ học vấn và sức khỏe đã trúng tuyển qua thi tuyển sinh, xét tuyển quân sự hoặc cử tuyển theo quy chế của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ Quốc phòng, được học tập, rèn luyện ở các nhà trường quân đội theo chương trình, nội dung đã xác định. Đó là những nam, nữ thanh niên ngoài Quân đội (kể cả quân nhân đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân); Hạ sĩ quan - binh sĩ đang phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ tại ngũ từ 12 tháng trở lên, tính đến thời điểm tuyển sinh; Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng phục vụ trong Quân đội đủ 12 tháng trở lên, tính đến thời điểm tuyển sinh. Sau khi tốt nghiệp ra trường, được phong quân hàm sĩ quan và được điều động, bổ nhiệm chức vụ cán bộ trong các cơ quan, đơn vị, nhà trường quân đội theo yêu cầu, nhiệm vụ. Học viên trong các nhà trường quân đội cơ bản có động cơ học tập, rèn luyện và xu hướng nghề nghiệp rõ ràng, có khả năng nhận thức nhanh. Quá trình học tập, rèn luyện là quá trình người học làm quen dần với môi trường quân sự chính quy, mẫu mực, được biên chế, tổ chức chặt chẽ, được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật và hình thành tính tự giác chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội. Bên cạnh đó, học viên ở các nhà trường quân đội phần lớn đã kế thừa, phát huy được những phẩm chất, giá trị truyền thống của quân đội, của Bộ đội cụ Hồ, trung thành với Đảng, với nhân dân, tin tưởng vào con đường xã hội chủ nghĩa, vào sự nghiệp đổi mới đất nước, có nhận thức trong việc nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của bản thân để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chức trách của người sĩ quan sau khi ra trường công tác.

Thứ ba, nội dung giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội tập trung vào kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, các văn bản pháp luật quốc gia, văn kiện pháp lý quốc tế, đặc biệt là pháp luật về quốc phòng an ninh.

Trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu đào tạo nói chung và mục đích GDPL nói riêng để xác định và xây dựng nội dung GDPL cho học viên. Hiện nay, ngoài việc tuân theo chương trình khung môn học Nhà nước và pháp luật trong nhà trường quân đội của Tổng cục chính trị (Ban hành kèm theo Quyết định số 1650/QĐ-CT ngày 20/10/2018 của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị) [Phụ lục 1], thì các nhà trường căn cứ vào đặc thù và sự cần thiết của các chuyên ngành đào tạo để xây dựng nội dung GDPL cho phù hợp với từng đối tượng học viên.

Đối với học viên đang học tập, rèn luyện trong các nhà trường quân đội, sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ đảm nhiệm trên cương vị là người chỉ huy đơn vị, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo chức trách còn phải tham gia tích cực vào các hoạt động pháp lý, tuyên truyền, phổ biến và vận động quần chúng nhân dân tuân thủ chấp hành pháp luật, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đóng quân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng vững chắc. Vì vậy, việc xác định nội dung, chương trình GDPL cho phù hợp là rất cần thiết. Theo đó, nội dung GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội ngoài việc nghiên cứu các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước và pháp luật XHCN nói riêng, một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, thì nội dung GDPL còn tập trung, chú trọng đến các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh như: Luật Quốc phòng, Luật an ninh quốc gia, Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật Biên, Luật Biên giới quốc gia; các văn kiện pháp lý quốc tế như: Công ước của Liên hiệp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người....

Thứ tư, giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội được tiến hành bởi các hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với đặc thù của quá trình học tập, rèn luyện trong môi trường quân sự.

Hình thức của giáo dục pháp luật là cách thức chủ thể giáo dục pháp luật thực hiện để chuyển tải các kiến thức về pháp luật cho đối tượng GDPL trên cơ sở các nội dung, chương trình và mục đích của GDPL. Do hoạt động GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội có những đặc điểm mang tính đặc thù, khác với GDPL cho các đối tượng khác trong xã hội như mục tiêu, nội dung giáo dục dẫn đến trong quá trình tổ chức thực hiện GDPL cho học viên, các nhà trường quân đội đã lựa chọn đa dạng các hình thức khác nhau cho phù hợp với môi trường quân đội, với từng chuyên ngành đào tạo, nội dung và điều kiện về trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ của các nhà trường. Hiện nay, các nhà trường quân đội chủ yếu thực hiện hai hình thức GDPL, đó là hình thức giáo dục chính khóa và hình thức giáo dục ngoại khóa. Hình thức giáo dục chính khóa là hoạt động dạy và học môn Nhà nước và pháp luật trên lớp; Hình thức giáo dục ngoại khóa bao gồm: giới thiệu chuyên đề pháp luật, tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật tại đơn vị, sân khấu hóa, tọa đàm, qua khai thác tủ sách pháp luật...

Thứ năm, giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội được tổ chức trong môi trường quân sự chặt chẽ, nghiêm túc và kỷ luật

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “*Quân đội mạnh là nhờ giáo dục khéo, nhờ chính sách đúng, nhờ kỷ luật nghiêm*” [66.tr 483]. Với tư cách là cơ sở giáo dục đào tạo của QĐNDVN nên các nhà trường quân đội được tổ chức một cách chặt chẽ, tính kỷ luật nghiêm, có nhiều hoạt động phong phú đa dạng; do vậy, có ảnh hưởng tốt đến quá trình học tập, rèn luyện của học viên và hạn chế được các tác động tiêu cực của xã hội. Nét đặc trưng của các đơn vị học viên là quá trình dạy và học các môn học nói chung, môn nhà nước và pháp luật nói riêng được tổ

chức theo đơn vị như tiểu đội, trung đội, đại đội, được tiến hành trong một trật tự quân sự nghiêm túc và quan hệ quân nhân theo đúng điều lệnh đã tạo điều kiện cho học viên nhận thức tốt về pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết cao, ý thức chấp hành điều lệnh, điều lệ, kỷ luật quân đội. Bên cạnh đó, do quá trình học tập của học viên được thực hiện trong môi trường quân sự đặc thù, theo khuôn khổ, có tính kỷ luật cao, điều này dẫn đến ý thức tự học tập, tự nghiên cứu được học viên thực hiện một cách nghiêm túc, chặt chẽ hơn so với học viên ở các trường dân sự.

2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Thứ nhất, giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội góp phần hình thành ý thức pháp luật, tình cảm pháp luật và hành vi xử sự đúng đắn cho học viên

Ý thức pháp luật phản ánh quan điểm, trình độ nhận thức, sự hiểu biết, hệ thống tri thức về pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật cũng như thái độ, xử sự của chủ thể đối với việc thực hiện pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể khác. Dưới góc độ luật học thì “Ý thức pháp luật là tổng thể những quan điểm lý luận khoa học, tư tưởng, tình cảm, thái độ, sự đánh giá của con người về pháp luật, về những hành vi của con người và hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong xã hội trong việc thực hiện pháp luật” [57, tr428].

Học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường QĐNDVN là những thanh niên vừa mới tốt nghiệp phổ thông, tuổi đời còn trẻ, kiến thức và trình độ hiểu biết các quy định của pháp luật chưa nhiều, họ mới chỉ được tiếp cận với một số quy định của pháp luật thông qua việc học tập môn giáo dục công dân ở nhà trường của các cấp học phổ thông. Do đó, để hình thành ý thức pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN thì công tác GDPL giữ vai trò rất quan trọng; từng bước nâng cao trình độ hiểu biết, kiến thức và văn hóa pháp luật cho học viên.

Thực tiễn cho thấy, pháp luật là công cụ để quản lý mọi hoạt động của quân nhân, điều chỉnh hành vi xử sự trong quá trình học tập, rèn luyện và sinh hoạt hàng ngày ở đơn vị. Nếu như pháp luật được ban hành mà không được giáo dục, tuyên truyền, phổ biến cho họ thì sẽ rất khó đi vào thực tiễn quá trình học tập và công tác sau này. Do đó, công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội ngoài trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật và hình thành ý thức tuân thủ, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật, kỷ luật quân đội còn nhằm để học viên tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật, kỷ luật quân đội một cách chủ động, tích cực và tự giác.

Thứ hai, giáo dục pháp luật góp phần hình thành phẩm chất, nhân cách, năng lực của người quân nhân cách mạng cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Phẩm chất, nhân cách và năng lực của người quân nhân trong QĐNDVN là tổng hòa những phẩm chất xã hội của người quân nhân được hình thành trong hoạt động xã hội và thực tiễn hoạt động quân sự. Công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội không chỉ góp phần hình thành tri thức pháp luật, ngăn ngừa, phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội cho học viên mà còn góp phần bồi dưỡng tình cảm và hành vi hợp pháp cho học viên và hình thành những phẩm chất, nhân cách, năng lực của người quân nhân cách mạng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội. Bên cạnh đó, thông qua GDPL giúp cho học viên ở các nhà trường quân đội nắm được những kiến thức về hệ thống pháp luật hiện hành và sự gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, từ đó hình thành ở học viên ý thức, lối sống và học tập theo pháp luật, đó là những yêu cầu về phẩm chất, nhân cách và năng lực của người sĩ quan chỉ huy trong tương lai.

Thứ ba, giáo dục pháp luật cho học viên các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam góp phần xây dựng môi trường văn hóa pháp luật trong các đơn vị học viên.

Thông qua giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội sẽ góp phần thúc đẩy công tác xây dựng môi trường văn hóa pháp luật tại các đơn vị học viên. Đây là cơ sở, động lực để mỗi học viên tự ghép mình vào khuôn khổ, môi trường rèn luyện tích cực, tự giác của quân đội, định hướng bản thân người quân nhân theo những giá trị tích cực và từng bước hoàn thiện bản thân mình, tích cực cống hiến tài năng và xây dựng đơn vị ngày càng vững mạnh toàn diện. Đồng thời, môi trường văn hóa pháp luật trong các nhà trường quân đội là môi trường giáo dục tích cực, nếu được xây dựng tốt là điều kiện thuận lợi để xây dựng, phát triển và hoàn thiện người quân nhân về phẩm chất, nhân cách, có định hướng nhận thức, hành động đúng đắn trong quá trình học tập, rèn luyện, sinh hoạt hàng ngày; góp phần thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thứ tư, giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam có vai trò quan trọng, góp phần xây dựng quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại” trong tình hình mới

Giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội góp phần xây dựng đội ngũ sĩ quan trong tương lai có trình độ kiến thức, bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, thúc đẩy tiềm lực về quốc phòng và sức mạnh quân sự nhằm thực hiện nhiệm vụ cao cả là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xây dựng QĐNDVN ngày càng phát triển theo hướng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

Trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá nước ta bằng “*diễn biến hòa bình*” nhằm bóp méo và xuyên tạc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhằm vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quản lý của Nhà nước đối với xã hội. Để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh thì yêu cầu đặt ra ngày càng cao cả về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ cũng như việc nâng cao trình độ hiểu biết các kiến thức về

pháp luật của toàn quân, toàn dân. Do đó, GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội có vai trò rất quan trọng, giúp cho mỗi học viên có nhận thức sâu sắc và đúng đắn về những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, trang bị những kiến thức pháp luật làm cơ sở pháp lý, bồi dưỡng phương pháp để sau này trên cương vị là người cán bộ, sĩ quan trong QĐNDVN tích cực tham gia đấu tranh, phản bác các quan điểm thù địch, làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch; bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân; hình thành bản lĩnh và phẩm chất, nhân cách của người quân nhân cách mạng trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, trong bối cảnh tình hình đất nước hiện nay đang đặt ra yêu cầu về công tác quốc phòng, quân sự cũng như các hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân phải ngày càng gắn kết với pháp luật một cách toàn diện và chặt chẽ hơn.

2.2. KHÁI NIỆM VÀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

2.2.1. Khái niệm chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Thuật ngữ “*chất lượng*” được hiểu là tổng thể những tính chất, thuộc tính cơ bản của sự vật, hiện tượng. Theo Đại từ điển tiếng Việt thì: “Chất lượng là một khái niệm chỉ cái làm nên phẩm chất, giá trị của sự vật, hiện tượng, là cái tạo nên bản chất sự vật, hiện tượng này khác với sự vật hiện tượng kia” [138, tr331]. Còn theo Từ điển Tiếng Việt thì “chất lượng là cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một con người, một sự vật, sự việc” [150, tr144]. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam thì “chất lượng là biểu thị những thuộc tính của sự vật, chỉ rõ nó là cái gì, tính ổn định tương đối của sự vật phân biệt nó với các sự vật khác” [143, tr120]. Trong thực tiễn, khái niệm “*chất lượng*” được sử dụng phổ biến để chỉ tổng thể các tính chất, giá trị mà sự vật, hiện tượng có được đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi về

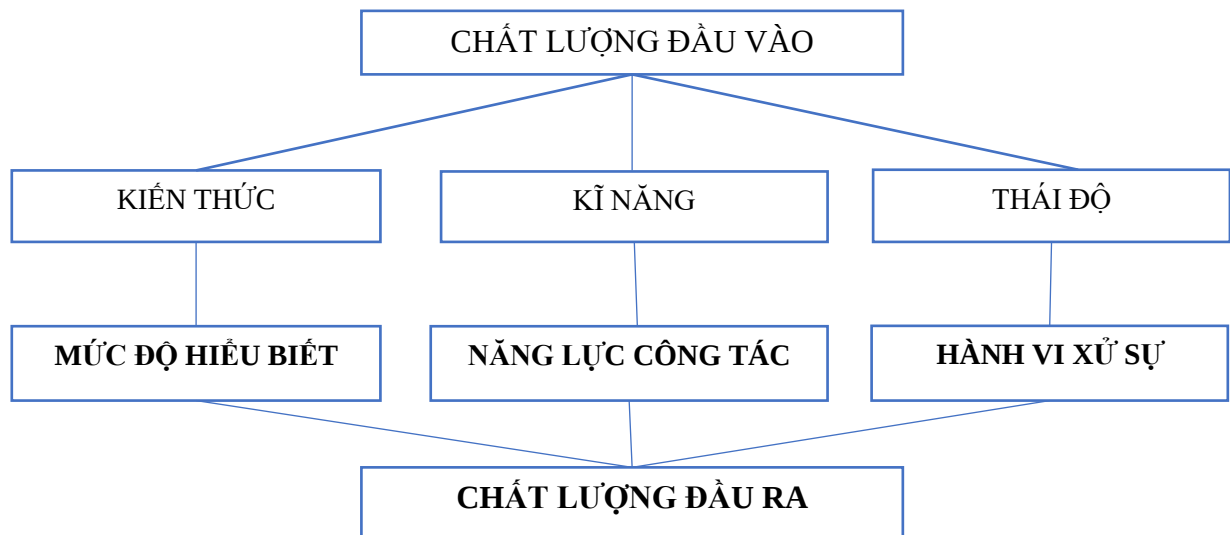
vật chất, tinh thần nhất định; luôn gắn với từng sự vật, hiện tượng hoặc lĩnh vực nhất định, thể hiện tính đặc trưng của sự vật, hiện tượng, lĩnh vực đó.

Xét ở khía cạnh Triết học thì “*chất*” là tính quy định, là tổng hợp hữu cơ những thuộc tính để khẳng định bản chất của sự vật, hiện tượng; khiến cho nó là sự vật, hiện tượng này chứ không phải là sự vật, hiện tượng khác. “*Lượng*” là tính quy định về quy mô lớn hay nhỏ, trình độ cao hay thấp, số lượng ít hay nhiều để làm rõ chất của sự vật. “*Chất lượng*” là phạm trù liên quan đến sự đánh giá về mức độ đạt được đối với những tiêu chuẩn đã được quy định, là sự thể hiện những yếu tố khách quan để tạo ra nó với những nỗ lực chủ quan để đạt tới nó. Bên cạnh đó, “*chất lượng*” còn có thể được hiểu là tính phù hợp với mục đích, hay đạt được các mục đích đề ra trước đó. Vì vậy, chúng ta có thể hiểu khái niệm về chất lượng như sau: “*Chất lượng là tổng thể những tính chất, thuộc tính cơ bản của sự vật, hiện tượng; cái làm cho sự vật này phân biệt với sự vật khác và tạo nên phẩm chất, giá trị của sự vật, hiện tượng đó*”.

Đối với “*chất lượng giáo dục*” được coi là sự tổng hòa của những kết quả giáo dục - đào tạo toàn diện, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu giáo dục cụ thể của từng môn học, cấp học, bậc học nói riêng và mục tiêu giáo dục cuối cùng nói chung, đó là đào tạo được những con người đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Chất lượng giáo dục pháp luật là một phạm trù “*động*”, “*đa chiều*”. Tính động của CLGDPL thể hiện ở chỗ nếu xem xét nó trong những bối cảnh khác nhau thì CLGDPL sẽ khác nhau. Cùng một quá trình GDPL với một kết quả nhất định nhưng nếu đặt nó trong những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau thì CLGDPL có thể không giống nhau. Chúng ta có thể xem xét CLGDPL từ nhiều khía cạnh khác nhau, căn cứ vào mục đích đánh giá chất lượng. CLGDPL có thể được xem xét từ khía cạnh sự phạm, bởi vì GDPL là một hoạt động mang tính sự phạm nhằm cung cấp tri thức, nâng cao nhận thức

về pháp luật cho các chủ thể khác nhau và được thực hiện với những hình thức và phương pháp cụ thể. Do đó, CLGDPL là khái niệm dùng để chỉ tính phù hợp của toàn bộ quá trình GDPL với mục đích của nó và được đánh giá theo những tiêu chuẩn nhất định. Bên cạnh đó, CLGDPL được đánh giá và sự thừa nhận của xã hội và của người được giáo dục. Chất lượng đó không đứng yên, mà thay đổi theo thời gian, theo nhu cầu của xã hội, của các nhà trường quân đội.

Xuất phát từ tầm quan trọng đặc biệt của sự nghiệp giáo dục đào tạo nói chung, công tác GDPL nói riêng; hiện nay không chỉ ở Việt Nam mà ở các quốc gia khác trên thế giới đều coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, luôn coi trọng và quan tâm đến chất lượng công tác giáo dục nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền giáo dục thực sự vững mạnh và có chất lượng góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Do đó, CLGDPL có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo của đất nước. Nếu giáo dục pháp luật có chất lượng sẽ góp phần hình thành ý thức pháp luật, nhân cách con người, năng lực công tác, từ đó thu hút và kích thích được say mê học tập, nghiên cứu, tìm tòi các kiến thức pháp luật của đối tượng được giáo dục pháp luật. Để thấy được chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên cần phải thấy được mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với kết quả là chất lượng đầu ra thông qua các yếu tố thể hiện ở sơ đồ sau:



Nếu trong quá trình giáo dục pháp luật cho học viên, chỉ tập trung vào mục tiêu, yêu cầu cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành thái độ và tiến hành đánh giá những yếu tố đó thì mới dừng lại ở chất lượng đầu vào. Để đánh giá một cách toàn diện về trình độ, năng lực, phẩm chất của học viên thì chúng ta còn phải xem xét, đánh giá về mức độ hiểu biết, năng lực công tác, hành vi xử sự của học viên sau khi được giáo dục pháp luật, tức là chất lượng đầu ra.

Bên cạnh đó, chất lượng GDPL không chỉ là chất lượng về hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên mà còn thể hiện thông qua sự lãnh đạo, chỉ đạo, mức độ quan tâm của các cấp, các ngành, cán bộ quản lý, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đối với học viên ở các nhà trường quân đội. Thông qua CLGDPL sẽ giúp cho lãnh đạo, chỉ huy các cấp của Bộ Quốc phòng; các cơ quan, khoa, bộ môn Nhà nước và pháp luật, đơn vị học viên của các nhà trường quân đội có cơ sở để nhìn nhận một cách tổng quan và đánh giá toàn bộ hoạt động giáo dục pháp luật có chiều sâu, hệ thống, từ đó điều chỉnh hoạt động GDPL của nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động quân sự của học viên.

Chất lượng giáo dục pháp luật là tổng hợp giá trị các yếu tố, các bộ phận tham gia vào quá trình giáo dục pháp luật và sự chuyển biến tiến bộ về phẩm chất và năng lực pháp luật của đối tượng được giáo dục. Đối với CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN đó là kết quả tổng hợp của hai yếu tố cơ bản là chất lượng hoạt động giáo dục của người dạy và chất lượng hoạt động tự giáo dục, rèn luyện pháp luật, kỷ luật Quân đội của người học tạo thành. Chất lượng đó phải được thể hiện cụ thể về trình độ nhận thức, thái độ, tình cảm, thói quen hành vi pháp luật ở người học viên sau khi được GDPL. Nếu bảo đảm được CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội sẽ góp phần xây dựng và hình thành nhân cách của người học viên; đáp ứng được yêu cầu nâng cao nhận thức,

tri thức về pháp luật của đối tượng được GDPL; thông qua CLGDPL sẽ góp phần nâng cao uy tín, xây dựng thương hiệu của các nhà trường quân đội.

Từ những phân tích trên, theo tác giả, khái niệm về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN được hiểu như sau:

“Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam là tổng hợp các giá trị đánh giá hoạt động giáo dục pháp luật, mức độ phù hợp với các tiêu chí, nhằm đáp ứng yêu cầu và đạt được các mục tiêu đề ra về trình độ hiểu biết, ý thức pháp luật và hành vi tuân thủ pháp luật của học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam”.

2.2.2. Các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Để đánh giá chất lượng của bất kỳ một sự vật, hiện tượng hay một quá trình nào thì chúng ta cần phải dựa trên những tiêu chí nhất định. Tiêu chí có thể hiểu là những tính chất, dấu hiệu để dựa vào đó mà phân biệt, đánh giá, xếp loại một vật, một khái niệm nào đó. Thông qua các tiêu chí, chúng ta có thể xác định được chính xác về phẩm chất, giá trị, mức độ của đối tượng được đánh giá.

Tiêu chí đánh giá CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN là những dấu hiệu, chuẩn mực làm căn cứ để đánh giá chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL. Thông qua việc xác định các dấu hiệu, chuẩn mực đó có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá những kết quả, hạn chế của hoạt động này và làm cơ sở để tiếp tục tìm ra những giải pháp hữu hiệu góp phần nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Việc xác định các tiêu chí đánh giá CLGDPL luôn là một vấn đề tương đối khó bởi tính trừu tượng, dẫn đến những khó khăn trong việc lượng hóa các yếu tố. Về mặt phương pháp luận, có thể thấy, CLGDPL được biểu hiện thông qua việc xem xét chất lượng tri thức pháp luật của sản phẩm đào tạo. Trong khi đó,

chất lượng của sản phẩm đào tạo là chỉ số tốt nhất để đánh giá CLGDPL; điều này có nghĩa là CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội được biểu hiện ở lượng tri thức pháp luật mà học viên đã tiếp nhận được sau khi được GDPL. Trong thực tiễn, mặc dù còn có những ý kiến khác nhau về vấn đề này, tuy nhiên, theo tác giả để đánh giá CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN cần dựa vào các tiêu chí cơ bản sau đây:

2.2.2.1. Nhóm tiêu chí về nhận thức và năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, giảng viên giảng dạy, tuyên truyền, phổ biến pháp luật

- Nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội.

Đây là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội. Bởi vì, nếu các chủ thể thực hiện công tác GDPL cho học viên có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội trong điều kiện Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Khi có nhận thức đúng đắn thì các chủ thể sẽ tích cực, chủ động, nêu cao tinh thần, trách nhiệm của mình đối với CLGDPL thông qua công tác tổ chức, quản lý; xác định nội dung, xây dựng chương trình kế hoạch, hình thức, phương pháp GDPL cho phù hợp với các đối tượng học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội. Trong khi đó, yêu cầu đặt ra cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN sau khi tốt nghiệp trên các cương vị, chức trách được giao càng phải nắm rõ các kiến thức về pháp luật để chủ động trong việc tổ chức, quản lý, chỉ huy đơn vị chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho chiến sĩ thuộc quyền.

- Về năng lực, trình độ học vấn và nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên.

Năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác GDPL trong các nhà trường quân đội là sự hợp thành của nhiều mặt như: Phẩm chất chính trị, tư tưởng; đạo đức, lối sống; trình độ học vấn; trình độ trải nghiệm thực tiễn quân sự; kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm, trình độ về ngoại ngữ, tin học,.... Đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật trong các nhà trường quân đội phải cần có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có bằng thạc sĩ, tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sĩ.

Bên cạnh đó, cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật phải có năng lực và nghiệp vụ sư phạm, đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường cũng như CLGDPL. Điều này được biểu hiện thông qua phương pháp, tác phong và văn hoá sư phạm của cán bộ, giảng viên. Do đó, trình độ chuyên môn, văn hoá sư phạm của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong các nhà trường quân đội có ảnh hưởng rất lớn tới người học và chất lượng của quá trình GDPL, là tiêu chí phản ánh và đánh giá chất lượng của cán bộ, giảng viên. Bởi vì, công tác GDPL trong các nhà trường quân đội đòi hỏi đội ngũ cán bộ, giảng viên phải có trình độ văn hóa sư phạm quân sự. Văn hoá sư phạm của cán bộ, giảng viên thể hiện ở xu hướng nghề nghiệp khoa học sư phạm quân sự, thể hiện ở tính yêu ngành, yêu nghề nghiệp, sự say mê khoa học, khát vọng tự hoàn thiện, vươn lên trong khoa học. Văn hoá sư phạm của cán bộ, giảng viên còn được thể hiện ở tài nghệ sư phạm quân sự, như trình độ hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn và các khoa học liên quan, sự phát triển cao của tư duy khoa học, sự am hiểu sâu sắc tâm lý của học viên, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp

sư phạm quân sự. Cán bộ, giảng viên phải có phong cách sư phạm, như tính trung thực khoa học, tính thẩm mỹ sư phạm, tính mô phạm về đạo đức.

- Về phẩm chất chính trị tư tưởng của đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật

Đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác GDPL ở các nhà trường quân đội là những cán bộ, sĩ quan có phẩm chất, bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng trên cơ sở lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, sẵn sàng chiến đấu và hy sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN. Cán bộ, giảng viên thực hiện công tác GDPL trong các nhà trường quân đội luôn kiên định với đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, yên tâm gắn bó xây dựng quân đội, trong mọi tình huống sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; có tinh thần cảnh giác cách mạng cao, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, giữ vững kỷ cương; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; nêu cao tinh thần giữ bí mật quân sự, bí mật quốc gia; Trung thực thẳng thắn, không tham vọng cá nhân, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; có phong cách dân chủ tập thể, chính quy, giữ gìn mối đoàn kết thống nhất, quan hệ mật thiết và gắn bó với quần chúng, với nhân dân, được nhân dân tin tưởng. Bên cạnh đó, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật còn thể hiện ở sự gương mẫu, là tấm gương sáng về ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật để các học viên học tập, noi theo.

2.2.2.2. Nhóm tiêu chí về nội dung, chương trình giáo dục pháp luật

- Về nội dung giáo dục pháp luật

Nội dung giáo dục pháp luật là hệ thống kiến thức pháp luật cần được truyền đạt cho đối tượng được GDPL. Do đối tượng được giáo dục pháp luật là

những học viên đào tạo sĩ quan sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ đảm nhiệm các chức trách, nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, nội dung giáo dục pháp luật trong các nhà trường quân đội phải xem xét có bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, hệ thống và liên quan mật thiết đến chức trách, nhiệm vụ, công việc chuyên môn của học viên sau khi tốt nghiệp ra trường nhận nhiệm vụ công tác. Khi xây dựng nội dung GDPL có đáp ứng được những mục tiêu của môn học là giúp học viên nắm được những kiến thức lý luận về Nhà nước và pháp luật, các quy định của hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là những kiến thức liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh; hiểu được các quy định về quyền và nghĩa của người quân nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; các quy định về điều lệnh, điều lệ quân đội, các quy định của Bộ Quốc phòng, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quân đội; các kiến thức liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, bảo vệ các công trình về quốc phòng, bảo vệ biên giới, hải đảo quốc gia.... Ngoài ra, cần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để họ có thể thực hiện chức năng vận động quần chúng nhân dân nơi đóng quân chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt, nội dung GDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam cần kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật có tính thời sự như: Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các văn kiện pháp lý về nhân quyền...

- Về chương trình giáo dục pháp luật

Chương trình GDPL là việc xác định cách thức phân bổ thời gian, thời lượng để thực hiện các nội dung đã xác định. Các chủ thể thực hiện công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội phải làm, đáp ứng được trong một thời gian, theo một trình tự nhất định sao cho phù hợp với mục tiêu, yêu cầu về

chất lượng GDPL đề ra. Xác định xem việc xây dựng chương trình có bảo đảm tính khoa học không, có phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các nhà trường quân đội, với đặc điểm, đặc thù và thực tiễn công tác sau này của các đối tượng học viên hay không.

Bên cạnh chương trình GDPL chính khóa thì việc xây dựng chương trình GDPL ngoại khóa là rất cần thiết và được tiến hành theo chương trình giáo dục chính trị tại đơn vị; xây dựng chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua hoạt động giới thiệu các chuyên đề, các văn bản pháp luật liên quan đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực quốc phòng, an ninh; về quan điểm, chiến lược và đường lối chiến tranh nhân dân.

2.2.2.3. Nhóm tiêu chí về hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật

- Về hình thức giáo dục pháp luật

Trong thực tiễn, bất kỳ một hoạt động nào cũng được thực hiện bằng các hình thức nhất định. Hình thức của GDPL chính là các dạng hoạt động cụ thể để tổ chức quá trình GDPL, tức là toàn bộ các hoạt động cụ thể giữa chủ thể tiến hành giáo dục pháp luật với đối tượng được GDPL nhằm thực hiện những nội dung và mục tiêu đã đặt ra. Do đó, việc xác định, lựa chọn hình thức GDPL phù hợp là tiêu chí quan trọng nhằm bảo đảm cho các quy định của pháp luật sau khi được giáo dục, tuyên truyền, phổ biến đều được các đối tượng được giáo dục dễ hiểu, tiếp thu nhanh và tự giác thực hiện. Đồng thời, khi xác định hình thức GDPL phải xem xét, căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh học tập, rèn luyện của từng đối tượng học viên thuộc các chuyên ngành khác nhau để áp dụng cho phù hợp.

- Về phương pháp giáo dục pháp luật

Phương pháp giáo dục pháp luật là yếu tố góp phần bảo đảm chất lượng GDPL, đó là những cách thức, biện pháp tổ chức quá trình giáo dục đưa tri thức pháp luật đến với người được giáo dục nhằm đạt được mục đích đã đề ra. Xuất

phát từ tính đặc thù của quá trình học tập và rèn luyện của học viên ở các nhà trường quân đội được diễn ra trong môi trường quân sự, cho nên việc lựa chọn các phương pháp GDPL phù hợp trong các nhà trường là rất quan trọng nhằm giúp cho việc tiếp nhận các kiến thức, hiểu biết pháp luật của học viên được thuận lợi hơn, YTPL của học viên ngày càng chuyển biến; tính tự giác trong chấp hành các quy định của pháp luật, kỷ luật quân đội được nâng lên. Do đó, căn cứ vào các hình thức GDPL và đặc thù của công tác dạy học trong Quân đội; tính chất, nhiệm vụ đào tạo, đặc điểm của người học mà các cán bộ, giảng viên cần phải sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp, phát huy tính tích cực của người học như: thuyết trình; nêu vấn đề, đàm thoại kết hợp với việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo,....

2.2.2.4. Nhóm tiêu chí về mức độ nhận thức, ý thức pháp luật và kết quả học tập của học viên sau khi được giáo dục pháp luật

- Về nhận thức pháp luật của học viên

Để xác định được mức độ nhận thức của đối tượng được giáo dục pháp luật một cách chính xác đòi hỏi phải có những phương pháp kiểm tra, đánh giá hữu hiệu. Tiêu chí về nhận thức của đối tượng GDPL được xác định ở mức độ tri thức pháp luật mà đối tượng tiếp thu được thông qua hoạt động GDPL trong những điều kiện, hoàn cảnh, thời gian, không gian nhất định. Mức độ nhận thức của học viên đối với môn học Nhà nước và pháp luật được biểu hiện thông qua việc tìm hiểu, đánh giá xem học viên có hiểu rõ được vai trò của pháp luật, kỷ luật quân đội, nắm vững các nội dung cơ bản và nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân đối với việc học tập, nghiên cứu môn học Nhà nước và pháp luật.

Căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu về nội dung GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội, có thể xác định mức độ phù hợp và lượng kiến thức phù hợp với khả năng nhận thức, nhu cầu của đối tượng giáo dục. Đó là mức độ hiểu biết

và ghi nhớ của học viên về các vấn đề lý luận về nhà nước và pháp luật, khái niệm và một số chế định cơ bản của các ngành luật, văn bản luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; một số văn bản pháp luật liên quan đến quốc phòng và an ninh; các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của quân đội, đơn vị.

- Thái độ, ý thức tôn trọng pháp luật của học viên

Thái độ, ý thức tôn trọng pháp luật của học viên thể hiện ở sự tin tưởng, tôn trọng, phục tùng quy định của pháp luật, kỷ luật quân đội. Tích cực đấu tranh phê bình và lên án với các biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật. Đối với học viên sau khi tốt nghiệp ra trường thì thái độ, ý thức tôn trọng pháp luật và niềm tin bền vững vào pháp luật là nguồn động lực mạnh mẽ giúp họ vượt qua bờ ngõ, khó khăn của môi trường công tác mới, nhanh chóng thích nghi, sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh, quyết tâm thực hiện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thương yêu đồng chí, đồng đội, tinh thần khắc phục khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ. Có khả năng và kinh nghiệm trong việc vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức, sự hiểu biết pháp luật vào quá trình học tập, rèn luyện, thực tiễn giải quyết và thực hiện các nhiệm vụ của quân đội, đơn vị sau khi tốt nghiệp ra trường. Ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội, kết quả phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sĩ quan là những cơ sở, căn cứ quan trọng để đánh giá chất lượng lâu dài đối với công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội.

Bên cạnh đó, thái độ, ý thức pháp luật của học viên còn được biểu hiện ở hành vi hợp pháp của học viên, tức là thể hiện ý thức chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Nhà nước, kỷ luật, điều lệnh quân đội, nội quy, quy chế của đơn vị. Luôn nêu cao tinh thần tích cực, tự giác và thực hiện tốt các nội dung quy chế, quy định của nhà trường, đơn vị và yêu cầu của giảng viên, cán bộ quản lý

đơn vị. Thông qua quá trình học tập, rèn luyện, các nội dung, kiến thức về pháp luật của học viên sẽ được phản ánh, biểu hiện thông qua hành vi hợp pháp của họ. Tiêu chí này phản ánh ở việc họ chấp hành pháp luật, kỷ luật Quân đội như thế nào, có tích cực, chủ động, tự giác chấp hành nghiêm pháp luật, kỷ luật quân đội hay không. Thông qua quá trình được giáo dục pháp luật, học viên có tự ghép mình vào tổ chức để học tập, rèn luyện, tự giác tuân thủ những quy định chặt chẽ của quân đội, nhà trường trong quá trình học tập, rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ được giao; tích cực đấu tranh và lên án với các nhận thức và hành vi sai trái, vi phạm pháp luật, kỷ luật.

- Tỷ lệ vi phạm pháp luật và kỷ luật quân đội của học viên

Tiêu chí tỷ lệ vi phạm pháp luật và kỷ luật quân đội của học viên thể hiện ở kết quả chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội, biểu hiện thông qua số vụ việc vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội ở đơn vị, trong từng giai đoạn cụ thể tăng hay giảm giữa trước và sau khi được giáo dục pháp luật. Tỷ lệ vi phạm pháp luật cũng phản ánh thái độ, niềm tin của học viên đối với các quy định của pháp luật, kỷ luật quân đội; mức độ về nhận thức của họ về pháp luật, từ đó thể hiện ý thức tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật, kỷ luật quân đội.

- Kết quả học tập của học viên

Kết quả học tập của học viên thể hiện lượng kiến thức mà học viên tiếp nhận được và vận dụng vào thực tiễn ở đơn vị, lượng kiến thức này không dừng lại ở sự ghi nhớ các nội dung mà đòi hỏi phải nắm chắc cơ sở lý luận, thực tiễn của các vấn đề nhà nước và pháp luật. Mức độ nhận thức các kiến thức về nhà nước và pháp luật của học viên thường được đánh giá thông qua kết quả thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo chương trình đào tạo tại đơn vị.

Khi đánh giá kết quả học tập của học viên thông qua quá trình thi, kiểm tra nội dung môn học thì yêu cầu đặt ra là tỷ lệ, số lượng câu hỏi phải cân đối cả phần lý

thuyết và thực hành, tránh tình trạng yêu cầu người học chỉ đơn thuần tái hiện kiến thức của bài học, mà còn phải đặt người học vào từng cương vị, chức trách để giải quyết các tình huống pháp luật cụ thể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Kết quả học tập nội dung nhà nước và pháp luật của học viên ở các nhà trường quân đội đều được lượng hóa qua các bài thi, kiểm tra học trình, học phần, kết thúc môn học trong từng năm học, khóa học, phân loại kết quả thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

- Kết quả đầu ra của học viên

Trên cơ sở đánh giá kết quả học tập của học viên, các nhà trường quân đội xây dựng chuẩn đầu ra đối với học viên về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và việc sử dụng kiến thức pháp luật để vận dụng vào quá trình chỉ huy, quản lý đơn vị. Trong quá trình học tập, học viên không chỉ được trang bị kiến thức tương ứng với trình độ học vấn mà còn phải được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, tay nghề theo yêu cầu chức danh, có đủ các phẩm chất, nhân cách của người sĩ quan quân đội, trong đó có trình độ, kiến thức pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật. Học viên sau khi tốt nghiệp ra trường có trình độ cử nhân và trở thành sĩ quan, được phong quân hàm thiếu úy hoặc trung úy, hầu hết học viên trở thành đảng viên, được bổ nhiệm làm cán bộ trung đội, đại đội hoặc tương đương.

2.2.2.5. Nhóm tiêu chí về điều kiện hỗ trợ, phục vụ công tác giáo dục pháp luật

Hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ cho giáo dục pháp luật là phương tiện chủ yếu để chủ thể giáo dục pháp luật cụ thể hóa nội dung, kiến thức, kỹ năng vào chương trình giáo dục, truyền đạt những kiến thức cho đối tượng được giáo dục pháp luật. Do đó, việc trang bị đầy đủ hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ cho công tác GDPL là rất cần thiết, là yếu tố quan trọng bảo đảm cho chủ thể tiến hành giáo dục pháp luật tiếp tục nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên

môn nghiệp vụ và đối tượng được GDPL tìm tòi, nghiên cứu tham khảo góp phần phát huy tính tích cực, tự giác của mỗi học viên. Hệ thống giáo trình, tài liệu dùng trong chương trình đào tạo chính khóa cần phải trang bị các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến công tác GDPL; tài liệu phổ biến, tuyên truyền pháp luật với nhiều loại tài liệu như sách tham khảo, tờ rơi, sách hỏi đáp pháp luật, bình luận khoa học về pháp luật, cẩm nang phổ biến, giáo dục pháp luật, sổ tay pháp luật...

2.3. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

2.3.1. Điều kiện bảo đảm về chính trị

Chất lượng giáo dục pháp luật là nội dung có ý nghĩa chính trị, pháp lý sâu sắc, đây là vấn đề quan trọng luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Các quan điểm, chủ trương của Đảng về GDPL nói chung, GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN nói riêng là điều kiện bảo đảm ở cấp độ chung nhất; bởi vì, Đảng với tư cách là tổ chức lãnh đạo có định hướng rõ ràng sẽ giúp cho hoạt động GDPL đi đúng hướng, được tổ chức, triển khai thực hiện để đạt được những mục tiêu cụ thể. Bảo đảm về chính trị là các văn kiện, Nghị quyết trong các kỳ đại hội của Đảng, các Nghị quyết chuyên đề, lãnh đạo của các cấp ủy Đảng ở các cơ quan, tổ chức, các nhà trường Quân đội đối với công tác giáo dục pháp luật và CLGDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội. Do đó, để bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội thì các quan điểm, chủ trương của Đảng về GDPL nói chung và GDPL cho học viên các trường QĐND nói riêng là những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo mang tính định hướng xuyên suốt quá trình GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội. Tại Chỉ thị số 32 - CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã nêu rõ: *“Tăng cường đổi mới các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, đưa pháp luật vào giảng dạy trong nhà*

trường, xuất bản các tài liệu phổ thông về pháp luật; sử dụng hệ thống đài truyền thanh ở cơ sở, tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn...” [1].

Trải qua các thời kỳ lãnh đạo chính quyền xây dựng đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi giáo dục đào tạo là vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đại hội lần thứ VII của Đảng đã khẳng định: *“Giáo dục đào tạo được xem như là quốc sách hàng đầu, là trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của đất nước”* [35]. Do đó, các cấp ủy Đảng ở các nhà trường quân đội cần phải thường xuyên quán triệt và triển khai thực hiện một cách kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng về GDPL cho học viên các nhà trường QĐNDVN góp phần bảo đảm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo cũng như CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội, nâng cao hiểu biết về pháp luật, xây dựng tình cảm, thái độ và hành vi pháp lý đúng đắn cho mỗi học viên. Qua đó, góp phần xây dựng và phát triển phẩm chất, nhân cách và năng lực của người học viên sau khi tốt nghiệp trở thành những cán bộ, sĩ quan trong QĐNDVN theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định: *“Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”* [41, tr158].

2.3.2. Điều kiện bảo đảm về pháp lý

Để chất lượng GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN ngày càng được nâng cao, thì bảo đảm về pháp lý là điều kiện rất quan trọng. Pháp luật là phương tiện để cụ thể hóa những quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát huy quyền làm chủ và việc thực hiện nghĩa vụ của công dân; đồng thời là công cụ, phương tiện để Nhà nước và nhân dân đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả với những hành vi vi phạm pháp luật. GDPL là hoạt động có mục đích, là cầu nối, phương tiện quan trọng đưa pháp luật đi vào đời sống xã hội. Do

đó, bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN có quan hệ chặt chẽ đối với hệ thống pháp luật hiện hành; bởi vì, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật là cơ sở để hình thành, phát triển ý thức pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN. Cùng với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN thì yêu cầu đặt ra đối với hệ thống pháp luật nước ta là phải kịp thời hoàn thiện, đồng bộ, làm cơ sở để tổ chức, triển khai hoạt động GDPL có hiệu quả. Nếu như pháp luật được ban hành mà không được giáo dục, tuyên truyền, phổ biến để nó đi vào đời sống xã hội thì nó cũng chỉ là những văn bản xuông mà thôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: *“Công bố đạo luật này chưa phải là mọi việc đều xong, mà phải tuyên truyền, giáo dục lâu dài mới thực hiện được tốt”* [63, tr244].

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 29 - NQ/TW) ngày 04/11/2013 *“về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*; Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư số 42/TT - BQP ngày 30/3/2016 của Bộ Quốc phòng về *“Quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Bộ Quốc phòng”* nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế. Theo đó, tại Điều 11, Thông tư số 42 đã quy định về nội dung phổ biến, GDPL bao gồm:

Thứ nhất, phổ biến, giáo dục về chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, hợp tác và hội nhập quốc tế, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quốc phòng, an ninh của đất nước. Đây là nội dung giúp cho học viên hiểu biết về các nguyên lý của

Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam theo từng thời kỳ, giai đoạn lịch sử cụ thể, trong đó, tập trung vào nội dung giáo dục những kiến thức về chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách Nhà nước về xây dựng và phát triển đất nước trong quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ hai, nội dung phổ biến, giáo dục là các quy định của Hiến pháp, pháp luật; trọng tâm là các văn bản pháp luật về lĩnh vực quân sự, quốc phòng, an ninh và liên quan trực tiếp đến tiêu chuẩn chính trị, vật chất, hậu cần, sinh hoạt, học tập, công tác của quân nhân, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, người lao động hợp đồng trong quân đội. Đây là nội dung giúp cho học viên nắm được các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là các quy định liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của học viên, quyền và nghĩa vụ của học viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Thứ ba, giáo dục cho học viên những kiến thức về các Điều ước quốc tế mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc công nhận, các thỏa thuận quốc tế. Đó là những kiến thức cơ bản về các quan điểm, quy định cụ thể của các Điều ước quốc tế và các văn kiện pháp lý quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết hoặc thừa nhận. Đặc biệt là giáo dục cho học viên nắm vững Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển, các văn kiện, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền công dân,...và quy trình giải quyết, xử lý các vụ việc, tranh chấp có yếu tố nước ngoài theo quy định.

Thứ tư, bồi dưỡng, giáo dục cho học viên nắm được điều lệnh, điều lệ, kỷ luật quân đội và quy định về giáo dục, rèn luyện, quản lý bộ đội, chuyên môn nghiệp vụ không chứa thông tin bí mật; các chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên, quy định quan hệ cấp trên cấp dưới, quan hệ đồng chí, đồng đội. Giáo dục các quy định về mối quan hệ với nhân dân, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của

quân đội; những kiến thức trong việc bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, các công trình quốc phòng, biên giới, hải đảo.

Thứ năm, các nội dung nhằm xây dựng ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội; ý thức bảo vệ pháp luật, kỷ luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật, kỷ luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật, kỷ luật. Đây là nội dung nhằm xây dựng và hình thành cho học viên tin tưởng vào các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, rèn luyện thói quen hành vi hợp pháp, tự giác chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội.

Thứ sáu, các nội dung giáo dục về nhà nước và pháp luật trong các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng. Nội dung giáo dục về Nhà nước và pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội là trang bị một cách có hệ thống, có định hướng những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của Nhà nước và pháp luật, những vấn đề lý luận về nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp XHCN nói riêng, vai trò của nhà nước và pháp luật trong lịch sử.

2.3.3. Điều kiện bảo đảm về tổ chức, quản lý giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội được bảo đảm bởi hệ thống tổ chức, quản lý thống nhất từ trên xuống dưới, với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, lực lượng nhằm thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Tổ chức, quản lý công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN là những hoạt động quan trọng góp phần bảo đảm CLGDPL, thể hiện ở việc xây dựng các kế hoạch về tổ chức, triển khai các hoạt động GDPL cụ thể; kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tham gia vào quá trình GDPL; đánh giá kết quả hoạt động GDPL;....

Đây là những điều kiện có tác động đến mục tiêu, yêu cầu đề ra đối với CLGDPL, nếu tổ chức, quản lý tốt hoạt động GDPL có thể bảo đảm cho hoạt động GDPL có chất lượng cao, nếu tổ chức và quản lý không tốt sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến CLGDPL.

Trong các nhà trường quân đội, các cấp ủy Đảng, các cơ quan, phòng, khoa (bộ môn), hệ, tiểu đoàn là những chủ thể trực tiếp tiến hành tổ chức, quản lý công tác giáo dục pháp luật cho học viên. Phòng Chính trị cùng với Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, GDPL và các cơ quan, khoa, đơn vị liên quan có chức năng tham mưu giúp Thủ trưởng Nhà trường trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác giáo dục pháp luật trong toàn trường; quản lý và chỉ đạo xây dựng nội dung, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm.

Bên cạnh đó, lãnh đạo, chỉ huy, các cơ quan chức năng, các hệ, tiểu đoàn quản lý học viên, giảng viên và báo cáo viên pháp luật là những chủ thể tham gia vào công tác GDPL cho các đối tượng học viên. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở các nhà trường quân đội là những chủ thể trực tiếp tiến hành công tác GDPL, họ là những sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp có kinh nghiệm trong lĩnh vực quân sự, có ý thức tổ chức kỷ luật tự giác và tinh thần trách nhiệm cao. Mặc dù các nhà trường quân đội có chức năng đào tạo và quy mô tổ chức khác nhau, nhưng công tác GDPL được tổ chức thực hiện bởi đội ngũ giảng viên pháp luật chuyên nghiệp được nghiên cứu, học tập tại các cơ sở đào tạo luật có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện công tác GDPL, nếu các chủ thể có nhận thức đúng đắn, có trình độ năng lực, tích cực, chủ động, tự giác, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với CLGDPL; từ đó xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với đối tượng học viên ở các nhà trường quân đội thì chất lượng, hiệu quả GDPL mới từng bước được nâng cao.

2.3.4. Điều kiện bảo đảm về hoạt động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và khen thưởng trong công tác giáo dục pháp luật cho học viên các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động GDPL là nội dung có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội. Đây là một trong những nội dung góp phần phát hiện, phòng ngừa và chấn chỉnh những hành vi vi phạm của chủ thể thực hiện công tác GDPL. Thông qua quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục pháp luật để rút ra những bài học kinh nghiệm, rà soát lại các kế hoạch, chương trình, nắm được những thuận lợi, khó khăn trong quá trình giáo dục pháp luật. Vì vậy, bảo đảm việc kiểm tra, giám sát đối với công tác GDPL nhằm nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội là rất cần thiết; bởi vì, bất kỳ một hoạt động nào nếu buông lỏng, không tổ chức thường xuyên và kịp thời công tác kiểm tra, giám sát thì hiệu quả đạt được sẽ không cao.

Cùng với kiểm tra, giám sát là việc xử lý nghiêm chỉnh, kịp thời đối với các hành vi vi phạm, đây là vấn đề có ảnh hưởng đến CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội. Do đó, lãnh đạo, chỉ huy các cấp ở các nhà trường quân đội cần phải nắm chắc, thường xuyên quan tâm sâu sát, cụ thể, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm; tránh để cho những vi phạm nhỏ dẫn đến vi phạm lớn hơn. Khi xảy ra hành vi vi phạm, lãnh đạo, chỉ huy nhà trường cần phải nghiên cứu, tìm hiểu, xác định rõ nguyên nhân; thực hiện việc giải quyết đúng quy trình, nguyên tắc xử lý; bảo đảm khách quan, đúng người, đúng việc; góp phần giáo dục, làm gương đối với người khác; chống các biểu hiện coi nhẹ, xử lý cho qua, bỏ qua khuyết điểm và bao che những hành vi sai phạm.

Bên cạnh việc xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, các nhà trường quân đội cũng cần phải thực hiện tốt các hình thức, chế độ khen thưởng phù hợp đối với

các cá nhân, tổ chức, có thành tích tốt trong quá trình thực hiện công tác GDPL, đó là những chủ thể có ảnh hưởng trực tiếp đến CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội, để kịp thời động viên, khích lệ các tổ chức, cá nhân, là động lực để CLGDPL ngày càng được nâng cao.

2.3.5. Điều kiện về nguồn kinh phí, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục pháp luật

- Về nguồn kinh phí

Kinh phí cho công tác giáo dục pháp luật trong các nhà trường Quân đội là khoản ngân sách do Bộ Quốc phòng cấp cho các nhà trường Quân đội để chi vào hoạt động giáo dục đào tạo nói chung, GDPL nói riêng. Để bảo đảm CLGDPL, trong thời gian qua Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề bảo đảm nguồn kinh phí cho hoạt động này và đã có những văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện như: Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư ngày 09/12/2003 về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân” đã nêu rõ: “*Cần bố trí một khoản ngân sách cần thiết cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*”; Thông tư Liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp “quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở”. Cùng với ngân sách quốc phòng thường xuyên bảo đảm cho công tác GDPL, cần có sự hỗ trợ kinh phí của BQP cho các nhà trường quân đội phục vụ cho việc biên soạn, in, phát hành tài liệu và tiến hành tổ chức tập huấn, học tập, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, GDPL. Ngoài ra, các phương tiện vật chất khác phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, GDPL như hệ thống truyền thanh, ti vi, máy tính, máy chiếu,... cũng cần được trang bị thường xuyên, bảo đảm CLGDPL trong các nhà trường.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác GDPL trong các nhà trường QĐNDVN là yếu tố giữ vai trò quan trọng bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nói chung, CLGDPL nói riêng. Đây là nguồn lực vật chất huy động vào quá trình dạy và học, tuyên truyền, phổ biến pháp luật bao gồm: hệ thống giảng đường, phòng học chuyên dùng, thao trường, bãi tập, doanh trại phục vụ việc ăn, nghỉ của học viên; phương tiện kỹ thuật phục vụ dạy và học pháp luật, phương tiện thông tin, tuyên truyền, phương tiện in ấn, phát hành tài liệu GDPL. Vì vậy, lãnh đạo, chỉ huy ở các nhà trường cần phải quan tâm đối với việc xây dựng, trang bị, nâng cấp bảo đảm các phương tiện, công cụ phục vụ cho hoạt động giáo dục pháp luật.

- Tủ sách pháp luật

Trên cơ sở Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư số 47/2012/TT - BQP ngày 31 tháng 5 năm 2012 quy định về “*xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật trong Quân đội*”. Chỉ huy đơn vị ở các nhà trường cần có biện pháp chủ động, sáng tạo, đa dạng hóa nguồn lực cũng như việc quản lý, khai thác, sử dụng tủ sách pháp luật có hiệu quả. Bởi vì, tủ sách pháp luật được xây dựng ở các đơn vị học viên là phương tiện để học viên tra cứu, tìm hiểu thêm các vấn đề, các quy định của pháp luật, phục vụ cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, GDPL và các hoạt động điều hành, quản lý của chỉ huy, cán bộ quản lý đơn vị.

2.3.6. Điều kiện bảo đảm về chất lượng đầu vào của học viên.

Học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội, trình độ đại học ở các nhà trường QĐNDVN chủ yếu là những thanh niên tốt nghiệp phổ thông trung học được tuyển chọn một cách chặt chẽ qua các kỳ thi tuyển sinh, xét tuyển quân sự hàng năm, có trình độ nhận thức; phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội; có xu hướng nghề nghiệp, mục tiêu phấn đấu rõ

ràng, tình nguyện gắn bó, phục vụ lâu dài trong quân đội. Trong những năm qua, số lượng thí sinh đăng ký dự thi, xét tuyển vào các nhà trường quân đội ngày càng nhiều; do đó, các nhà trường quân đội càng có điều kiện tuyển chọn kỹ về mọi mặt, chất lượng tuyển chọn học viên vì thế ngày càng tốt hơn. Đa số học viên khi được tuyển chọn vào các nhà trường quân đội đều coi là vinh dự lớn; họ yên tâm học tập, rèn luyện, gắn bó với sự nghiệp xây dựng quân đội.

Bên cạnh đó, chất lượng đầu vào của học viên được các nhà trường quân đội chú trọng nâng lên với việc ưu tiên tuyển sinh đối với những thí sinh đoạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, cấp tỉnh, thành phố,... Việc ưu tiên, chú trọng chất lượng đầu vào của các nhà trường nhằm tìm nguồn học viên có chất lượng về mọi mặt: chính trị, trình độ văn hóa, ngoại ngữ,... sẽ góp phần nâng cao chất lượng nguồn cán bộ, sĩ quan ngay từ khi còn đang học tập, rèn luyện trong trường. Đây là những điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nói chung, CLGDPL nói riêng, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra.

2.4. KINH NGHIỆM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

2.4.1. Giáo dục pháp luật trong các nhà trường quân đội ở một số nước trên thế giới

Qua nghiên cứu, tìm hiểu, vấn đề giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội được các nước rất quan tâm, chú trọng; nội dung, chương trình đào tạo thực hiện chuyên sâu các kiến thức pháp luật trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực quốc phòng, an ninh, chiến tranh, nhân đạo, nhân quyền,... Xuất phát từ mục đích, yêu cầu đào tạo học viên sĩ quan ở các nước khác nhau nên nội dung, chương trình, hình thức đào tạo căn cứ vào tình hình cụ thể ở mỗi nước. Đối với quân đội ở một số nước như Mỹ, Israel, Ấn Độ, New Zealand và Nga đã thực hiện việc giáo dục, đào tạo một cách chuyên sâu

kiến thức pháp luật cho học viên sĩ quan ở các Học viện, Viện, trường Đại học để thành lập và tổ chức lực lượng luật sư quân sự ở các đơn vị quân đội. Các chuyên gia pháp lý quân sự, luật sư quân sự ra đời để tham mưu cho chỉ huy đơn vị về các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động quản trị hành chính, kỷ luật và tham gia hoạt động tố tụng để bảo vệ quyền lợi của đơn vị, quân nhân và gia đình của họ. Do đó, ở mỗi nước công tác GDPL cho học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội cũng như quá trình quản lý, sử dụng đội ngũ sĩ quan pháp lý cũng khác nhau trên cơ sở tình hình, điều kiện, cụ thể ở mỗi nước.

- Thứ nhất, ở Mỹ

Xuất phát từ vai trò và tầm quan trọng của pháp luật và những tác động của nó đối với xã hội, và dựa trên nguyên tắc tuân thủ Nhà nước pháp quyền; vì vậy, công tác giáo dục pháp luật trong các trường quân sự ở Mỹ luôn được quan tâm và chú trọng. Việc đào tạo các chuyên ngành Luật và Nghiên cứu pháp lý ở các trường quân sự nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức về các nguyên tắc pháp lý trong hệ thống pháp luật Mỹ và mối quan hệ của các nguyên tắc này với nhau trong việc tạo ra một xã hội pháp quyền công bằng và hiệu quả. Thông qua việc giáo dục các chuyên ngành luật sẽ thúc đẩy sự phát triển của tư duy phản biện thông qua việc sử dụng phương pháp phân tích pháp lý và được áp dụng trên các lĩnh vực khác nhau của pháp luật, đồng thời nâng cao khả năng, trình độ của học viên trong việc tích hợp và đánh giá các cấp độ tư duy lý thuyết cao hơn.

Qua nghiên cứu tại Học viện quân sự West Point của Mỹ (United States Military Academy West Point) cho thấy trường này có hẳn một khoa Luật để phụ trách công tác GDPL cho học viên sĩ quan, về nội dung, chương trình đào tạo pháp luật của họ có nhiều môn về luật như: Môn tổng quan (Intro to Legal Studies); môn Luật chiến tranh (Law of War); môn Luật học và Lý thuyết pháp lý (Jurisprudence and Legal Theory); môn Hệ thống luật so sánh (Comparative

Legal Systems); môn quyền dân sự (Civil Rights); môn Luật hình sự (Criminal Law); môn Luật môi trường (Environmental Law); môn Luật hiến pháp nâng cao (Advanced Constitutional Law); Luật về xung đột vũ trang nâng cao (Advanced Law of Armed Conflict); Luật quốc tế (International Law); Luật an ninh quốc gia (National Security Law), luật kinh doanh (Business Law)... [168]

Kể từ khi được thành lập, Hoa Kỳ được xem như một chính phủ của pháp luật, nó bắt nguồn từ cam kết duy trì các giá trị của một nền dân chủ và đảm bảo công lý, hòa bình và thịnh vượng. Đó cũng chính là cam kết mà các học viên và sĩ quan được đào tạo ở đây mang theo khi họ phục vụ quốc gia. Để bảo vệ pháp quyền, các sĩ quan quân đội sẽ tham gia phòng chống và ngăn chặn các điều kiện dẫn đến bất ổn và xung đột vũ trang, duy trì hệ thống tư pháp quân sự và giảm bớt đau khổ cho con người. Việc được học các chuyên ngành Luật trong nhà trường là điều kiện, hành trang để học viên tốt nghiệp và phục vụ trong quân đội, chính phủ, thực thi pháp luật và kinh doanh. Ngoài ra, nhiều học viên sau khi tốt nghiệp ở đây đã đăng ký vào các trường luật hàng đầu của quốc gia. Vì vậy, có thể nói các nhà trường quân đội ở Hoa Kỳ trở thành các trung tâm đào tạo các luật sư quân sự trong thời kỳ hiện đại. Thông qua các khóa học này, học viên được nghiên cứu về các nguyên tắc cơ bản của hệ thống tư pháp quân sự, về nguồn gốc và sự phát triển của nó, các Tòa án quân sự và mối quan hệ giữa các luật sư quân sự và các sĩ quan chỉ huy về vấn đề đạo đức xung quanh các quy trình ra quyết định trong quân đội.

- Thứ hai, ở Israel

Tại Israel, học viên được đào tạo tại trường Luật quân sự, đây là nơi chịu trách nhiệm cung cấp, đào tạo trong lực lượng phòng vệ Israel (IDF) hay còn gọi là quân đội Israels về các vấn đề của luật quân sự và phát triển chuyên môn của những người phục vụ trong quân đoàn MAG. Trường Luật quân sự đào tạo và

công nhận các sĩ quan IDF để tiến hành các thủ tục kỷ luật và giám sát các thủ tục kỷ luật trong IDF, điều phối quá trình ân xá hoặc giảm án của binh lính [166].

Khóa đào tạo pháp lý do Trường Luật quân sự cung cấp cho các chỉ huy và binh sĩ IDF các nội dung, nghiên cứu chuyên sâu về Luật quân sự, phân tích các sự kiện có thật và rút ra bài học, hội thảo quốc tế, sử dụng các phương pháp đào tạo tiên tiến và tiến hành các khóa học cấp chứng chỉ. Nội dung và chủ đề chính trong các khóa học đào tạo này là các lĩnh vực luật pháp quốc tế trong hoạt động của IDF và các vấn đề pháp lý khác liên quan đến trách nhiệm chỉ huy trong các hoạt động của IDF. Bên cạnh đó, Trường Luật quân sự ở Israel còn điều hành cơ quan quản lý huấn luyện và huấn luyện quân sự, mục đích của nó là thách thức các chỉ huy của IDF về khía cạnh pháp lý của các tình huống tác chiến trong quá trình huấn luyện và diễn tập trong IDF. Trong thời gian qua, Trường Luật quân sự Israel đã tổ chức được các khóa đào tạo sĩ quan pháp lý dành cho sĩ quan Quân đoàn MAG. Các khóa học này là cầu nối giữa nghiên cứu pháp luật ở trường đại học và đào tạo quân sự như khóa học chỉ huy và quản lý nâng cao dành cho sĩ quan, khóa học dành cho quân nhân làm trợ lý pháp lý,... Ngoài ra, Trường Luật quân sự Israel còn tổ chức các khóa học GDPL liên tục, hội thảo và hội nghị chuyên nghiệp; chịu trách nhiệm đào tạo và công nhận các sĩ quan có khả năng xét xử, xử lý kỷ luật đối với quân nhân vi phạm pháp luật; đào tạo chuyên biệt cho các sĩ quan cấp cao và sĩ quan được bổ nhiệm để xét xử các tội phạm đặc biệt.

- Thứ ba, ở Ấn Độ

Để thực hiện công tác giáo dục, đào tạo pháp luật cho học viên trong quân đội, Ấn Độ đã thành lập Viện Luật quân đội (AIL). Viện này được Quân đội Ấn Độ thành lập vào tháng 7 năm 1999 dưới sự bảo trợ của Hiệp hội giáo dục Phúc lợi Quân đội (AWES) ở Patiala. Thời gian đào tạo một khóa học cử nhân Luật (Bachelor of Legislative Law) là 5 năm và khóa học Thạc sĩ Luật (Master of

Laws) là 1 năm [164]. Với phương châm khát khao và đạt được (Aspire & Achieve), Viện đã phát triển thành một trung tâm xuất sắc trong lĩnh vực GDPL. Mục tiêu của Viện Luật quân đội Ấn Độ là: truyền đạt GDPL, nghiên cứu và phân tích thực tế chất lượng cao, toàn diện và liên ngành, chuyên nghiệp cho học viên của mình; cho phép học viên theo đuổi sự nghiệp về dịch vụ tư pháp, dịch vụ dân sự, lực lượng vũ trang, công ty và các tổ chức khác. Đào tạo học viên trở thành hiện thân của nhân phẩm, giá trị đạo đức, luân lý và ý thức rõ ràng về niềm tự hào dân tộc. Áp dụng kiến thức về luật pháp và tư pháp như một công cụ thay đổi xã hội, chính trị và kinh tế. Trong quá trình học tập Viện Luật Quân đội Ấn Độ luôn đề cao và thúc đẩy ý thức học tập, tính kỷ luật, ý thức cao về các giá trị đạo đức và luân lý, pháp quyền và các mục tiêu được ghi nhận trong Hiến pháp Ấn Độ. Đây là cơ sở đào tạo ra các học viên có năng lực cốt lõi, cần thiết để bước vào hành nghề luật, các dịch vụ Tư pháp hoặc Dân sự, hoặc với tư cách là sĩ quan trong Lực lượng vũ trang và Doanh nghiệp.

- Thứ tư, ở New Zealand

Ở New Zealand, sau khi học viên hoàn thành Khóa học giới thiệu sĩ quan chuyên gia (SOIC), họ sẽ được thăng cấp Trung úy và được bổ nhiệm vào một trong các văn phòng pháp lý của Lực lượng Phòng vệ để được đào tạo công việc với tư cách là luật sư quân đội. Các văn phòng pháp lý này hiện đang được đặt tại Auckland, Waikato, Palmerston North, Wellington và Burnham. Sau khi hoàn thành tất cả các khóa học và tốt nghiệp, học viên sẽ được thăng cấp và có cơ hội triển khai hoạt động trên khắp thế giới, trao đổi với các Lực lượng quân sự khác như Vương quốc Anh, Canada, Úc,... [165].

Trong các nhà trường quân sự ở New Zealand, không có nhiều học viên được đào tạo luật để trở thành các chuyên gia pháp lý, chỉ huy các đơn vị trong mọi tình huống, kể cả vấn đề sử dụng vũ khí, phát triển các kỹ năng giải quyết

các vấn đề có liên quan đến pháp luật. Học viên sau khi tốt nghiệp khóa học với tư cách là cán bộ pháp lý, căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được bổ nhiệm, họ sẽ làm việc liên quan đến các lĩnh vực như: Luật quân sự, luật hành chính, luật lao động quân sự và dân sự, luật xung đột vũ trang và luật pháp quốc tế áp dụng cho các hoạt động của Lực lượng vũ trang, luật nhân quyền và quyền riêng tư,... Là một khóa đào tạo chuyên gia pháp luật (Legad), học viên sẽ có cơ hội tham gia các khóa học về luật quân sự cụ thể ở New Zealand và nước ngoài; đồng thời, được khuyến khích tham gia các chương trình học tập sau đại học có liên quan, có cơ hội phát triển các kỹ năng biện hộ của mình với tư cách là luật sư tại Tòa án quân sự, Tòa phúc thẩm và có thể có cơ hội tham gia khóa đào tạo chuyên gia về kiện tụng. Phần lớn sự nghiệp của học viên sau khi được đào tạo sẽ tham gia với tư cách là cố vấn pháp lý và công tác tại các cơ sở quốc phòng khác nhau.

- Thứ năm, ở Nga

Công tác giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội ở Nga luôn được quan tâm, chú trọng; không có lĩnh vực, quan hệ xã hội nào được pháp luật điều chỉnh một cách cặn kẽ, chi tiết như trong quân đội. Hiến pháp của Nga, các công ước và thỏa thuận quốc tế, Luật liên bang, sắc lệnh của Tổng thống, Nghị quyết của Chính phủ, quy định của quân đội, mệnh lệnh của Bộ trưởng BQP, các văn bản pháp lý và các quy định khác quy định tất cả các lĩnh vực của hoạt động quân sự, nghĩa vụ và tình trạng pháp lý của quân nhân.[157]. Do đó, GDPL không chỉ giúp cho các quân nhân nắm chắc kiến thức pháp luật mà còn là điều kiện cần thiết để tổ chức chính xác các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp của họ, giúp họ hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Giữa cuối những năm 1970 và đầu những năm 1990, Lực lượng Vũ trang đã có một hệ thống giáo dục pháp luật được quản lý chặt chẽ có liên quan đến tất cả các quân nhân. Hướng dẫn về các vấn đề pháp lý được thực hiện cả trong các

buổi đào tạo theo kế hoạch và chương trình ngoại khóa. Sau khi quy định về Dịch vụ Nội vụ của lực lượng vũ trang Liên Xô được thông qua năm 1975, hướng dẫn pháp lý đã trở thành một phần nhiệm vụ liên quan đến công việc của những người có thẩm quyền. Năm 1989 Lệnh của Bộ trưởng Quốc phòng về Tổ chức giáo dục pháp luật chung trong Quân đội và Hải quân Liên Xô đã đặt ra các mức tối thiểu hợp pháp cho các loại quân nhân khác nhau và quy trình tổ chức, hướng dẫn, giáo dục pháp luật trong quân đội.

Trong thời kỳ Xô viết, công tác đào tạo cán bộ, sĩ quan pháp lý quân sự được tổ chức và thực hiện tại Học viện Luật Quân sự Hồng quân (sau này là Học viện Quân sự Quân đội Liên Xô). Đây là cơ sở giáo dục, đào tạo chuyên sâu cho các lực lượng vũ trang của Liên Xô các kiến thức về pháp luật để phục vụ cho các tòa án quân sự với các chức năng, nhiệm vụ về công tố viên, điều tra và luật sư. Từ năm 1994, công tác đào tạo các luật sư quân sự được giao cho Trường Đại học Quân sự của Bộ Quốc phòng Liên bang Nga.[156]. Trước đó, Bộ Tư pháp Liên Xô đã thực hiện theo quy chế của Tòa án quân sự, giám sát về mặt tổ chức, phương pháp đối với công việc của các Tòa án quân sự nhằm giải thích, phổ biến kiến thức pháp luật cho quân nhân.

2.4.2. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Qua nghiên cứu về thực tiễn giáo dục pháp luật trong các nhà trường quân đội ở một số nước trên thế giới, việc rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam là rất hữu ích, trong điều kiện thích hợp sự vận dụng vào Việt Nam lại càng có ý nghĩa quan trọng để các nhà trường QĐNDVN có những bước phát triển trong tổ chức thực hiện công tác GDPL, góp phần bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN. Những giá trị chúng ta có thể tham khảo như:

Thứ nhất, xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các nhà trường quân đội; chức trách, nhiệm vụ của học viên đào tạo sĩ quan sau khi tốt nghiệp sẽ đảm

nhiệm, các nhà trường quân đội cần có nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của CLGDPL, xác định rõ vị trí, vai trò của GDPL đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thứ hai, các nhà trường quân đội nghiên cứu, tham khảo để xây dựng nội dung, chương trình GDPL theo hướng toàn diện hơn về việc chuyển tải thông tin, kiến thức pháp luật cho học viên; các nội dung có liên quan đến hoạt động quân sự, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay, các nhà trường quân đội cần xác định Luật Nhân đạo quốc tế, pháp luật về quyền con người,... là những nội dung có liên quan đến hoạt động quân sự, gắn liền với quá trình công tác của học viên cần bổ sung để giáo dục, tuyên truyền, phổ biến cho học viên.

Thứ ba, xây dựng các trung tâm, nhà trường đào tạo chuyên sâu kiến thức pháp luật cho học viên để trở thành đội ngũ cán bộ, sĩ quan pháp luật chuyên nghiệp cho quân đội. Kinh nghiệm từ các quốc gia cho thấy, để học viên sau khi tốt nghiệp ra trường vận dụng tốt kiến thức pháp luật vào quá trình công tác, quản lý bộ đội và tham gia vào các hoạt động pháp lý quân sự thì các cơ quan chức năng của BQP và các nhà trường quân đội nghiên cứu xây dựng mô hình chuyên đào tạo cán bộ, sĩ quan pháp lý quân sự cho học viên tại một số trung tâm, nhà trường để phục vụ cho các đơn vị trong toàn quân theo hướng chuyên nghiệp hóa.

Thứ tư, trên cơ sở xây dựng các mô hình đào tạo chuyên sâu pháp luật cho học viên để họ đảm nhiệm chức năng tư vấn pháp luật quân sự cho người chỉ huy, tham mưu cho cán bộ chỉ huy các nội dung, chương trình GDPL cho quân nhân trong đơn vị, tham gia các hoạt động tố tụng tại tòa án nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích của đơn vị và quân nhân khi có nhu cầu. Các học viên sau khi được đào tạo chuyên sâu các kiến thức về pháp luật vừa làm nhiệm vụ chiến đấu, vừa làm nhiệm vụ tư vấn, và các hoạt động pháp lý quân sự khác.

Ở giá trị tham khảo, qua nghiên cứu công tác GDPL của các nước Mỹ, Israel, Ấn Độ, New Zealand, Nga, chúng ta chỉ tham khảo những điểm nổi bật của các nước để có thể vận dụng. Do đặc điểm, tình hình, điều kiện và thể chế chính trị của các nước có những mặt tương đồng, song cũng có điểm khác so với Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước nêu trên vừa có ý nghĩa so sánh, vừa có ý nghĩa đúc rút kinh nghiệm để có thể tham khảo những giá trị trong việc nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN phù hợp với đặc điểm, điều kiện của Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN là tổng hợp những giá trị của các yếu tố, điều kiện bảo đảm, cũng như những bộ phận tham gia vào quá trình GDPL nhằm hình thành và chuyển biến về mặt nhận thức, thói quen và hành vi xử sự của học viên, đáp ứng yêu cầu về chức trách, nhiệm vụ trong quá trình học tập, rèn luyện, góp phần xây dựng đơn vị chính quy, vững mạnh toàn diện, nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội.

Trong chương này, tác giả tập trung đi sâu làm rõ các vấn đề lý luận; phân tích, xây dựng các khái niệm liên quan đến đề tài nghiên cứu như: giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; làm rõ về đặc điểm mang tính đặc thù, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay. Luận án nghiên cứu kinh nghiệm GDPL trong nhà trường quân đội ở một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo, vận dụng trong điều kiện thực tiễn Việt Nam. Bên cạnh đó, tác giả đã xây dựng được các nhóm tiêu chí đánh giá và các điều kiện bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, làm cơ sở để đánh giá thực trạng CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong chương 3; xác định các quan điểm và đề xuất các giải pháp nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN hiện nay trong chương 4.

Chương 3

KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI VÀ THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

3.1.1. Cơ cấu tổ chức của các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Các nhà trường QĐNDVN là nơi đào tạo, rèn luyện, bồi dưỡng và cung cấp nguồn cán bộ, sĩ quan cho toàn quân. Hiện nay, các nhà trường quân đội đang ngày càng phát triển và hoàn thiện với nhiều cấp học, bậc học, đào tạo cán bộ, sĩ quan cho các quân chủng, binh chủng, lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng đội ngũ cán bộ, sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật. Cơ cấu tổ chức của các nhà trường quân đội bao gồm: Ban Giám đốc (Ban giám hiệu); Cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo; Khoa, bộ môn; Đơn vị quản lý học viên; Cơ quan, đơn vị, cơ sở phục vụ giáo dục, đào tạo.

Về mô hình tổ chức, các nhà trường quân đội có mô hình tổ chức cụ thể như sau: Giám đốc (Hiệu trưởng) - Chính ủy; Các Phó giám đốc (Phó Hiệu trưởng) - Phó Chính ủy; các Phòng - Ban; các cơ quan giúp việc; các Khoa - Bộ môn; các đơn vị phục vụ và các đơn vị học viên (Hệ, tiểu đoàn). Các đơn vị học viên được quản lý, học tập và rèn luyện về mọi mặt, được tổ chức căn cứ vào tính chất, nhiệm vụ của từng đối tượng đào tạo với các chuyên ngành khác nhau. Trong quá trình học tập, rèn luyện tại đơn vị, học viên chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc (Hiệu trưởng) - Chính ủy và cán bộ, chỉ huy đơn vị học viên. Đối với các đơn vị học viên, người chỉ huy đơn vị được biên chế từ cấp trung đội hoặc lớp trưởng đến cấp Hệ, tiểu đoàn.

Các nhà trường QĐNDVN là một bộ phận của hệ thống tổ chức quân đội, đồng thời là một bộ phận trong hệ thống giáo dục đào tạo của đất nước bao gồm các học viện, trường sĩ quan. Đây là hệ thống các nhà trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo sĩ quan cho các quân, binh chủng: Lục quân, Hải quân, Không quân, Biên phòng... và các cơ quan, đơn vị khác thuộc BQP; đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ quân sự, đào tạo kỹ sư, cử nhân khoa học, nhân viên kỹ thuật, đồng thời là những cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật nói chung và khoa học, kỹ thuật quân sự nói riêng. Hiện nay, hệ thống các nhà trường quân đội có 10 học viện, 12 trường sĩ quan, đại học đào tạo cán bộ, sĩ quan cho tất cả các ngành, cơ quan, đơn vị thuộc BQP [Phụ lục 7]. Trong đó có 18 học viện, trường sĩ quan được BQP giao nhiệm vụ tuyển sinh đào tạo sĩ quan trình độ đại học thuộc các nhóm ngành sĩ quan dành cho đối tượng là học sinh phổ thông, hạ sĩ quan, binh sĩ. Đó là: Học viện Biên phòng; Học viện Phòng không - Không quân; Học viện Quân y; Học viện Hậu cần; Học viện Kỹ thuật quân sự (Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn); Học viện Hải quân; Học viện Khoa học quân sự; Trường Sĩ quan Lục quân 1 (Đại học Trần Quốc Tuấn); Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ); Trường Sĩ quan Chính trị (Đại học Chính trị); Trường Sĩ quan kỹ thuật quân sự (Đại học Trần Đại Nghĩa); Trường Sĩ quan Thông tin (Đại học Thông tin Liên lạc); Trường Sĩ quan Công Binh (Đại học Ngô Quyền); Trường Sĩ quan Không quân; Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp; Trường Sĩ quan Đặc công; Trường sĩ quan Pháo binh; Trường Sĩ quan Phòng hóa.

Về mặt tổ chức, có một số học viện và trường sĩ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng. Các học viện, nhà trường còn lại trực thuộc quản lý của Tổng cục chính trị QĐNDVN, các quân chủng, binh chủng của Quân đội và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng. Học viện Quốc phòng là cơ sở duy nhất đào tạo sĩ quan cấp chiến lược được Chính phủ giao cho Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý. Bên cạnh đó,

Bộ Quốc phòng còn trực tiếp quản lý hai học viện đào tạo sĩ quan chính trị, quân sự trung, cao cấp là Học viện Chính trị và Học viện Lục quân. Các học viện, nhà trường còn lại đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu cấp phân đội đó là Trường Sĩ quan Lục quân 1 và Trường Sĩ quan Lục quân 2; đào tạo sĩ quan chính trị cấp phân đội là Trường Sĩ quan Chính trị; đào tạo sĩ quan các chuyên ngành như: Hậu cần, Kỹ thuật, Quân y, Phòng không - không quân, Tăng - Thiết giáp,....

Các đối tượng học viên đang học tập, rèn luyện ở các nhà trường QĐNDVN được đào tạo thuộc 05 nhóm ngành sĩ quan khác nhau, ở mỗi nhóm ngành có tính chất đặc thù khác nhau, do đó, để đánh giá CLGDPL cho phù hợp với từng đối tượng học viên đào tạo thuộc các nhóm ngành sĩ quan, tác giả lựa chọn 05 trường để tiến hành khảo sát là: Trường Sĩ quan Lục quân 1 (đào tạo sĩ quan chỉ huy, tham mưu); Trường Sĩ quan Chính trị (đào tạo sĩ quan chính trị); Học viện Hậu cần (đào tạo sĩ quan hậu cần); Học viện Kỹ thuật quân sự (đào tạo sĩ quan kỹ thuật); Học viện Biên phòng (đào tạo sĩ quan chuyên môn) để tiến hành khảo sát, nghiên cứu. Tác giả dự kiến khảo sát ở 05 nhà trường với 150 cán bộ, giảng viên và 450 học viên là học viên năm thứ nhất đến năm thứ tư. Về quân số đầu vào mỗi năm của các trường cụ thể như sau: Học viện Biên phòng khoảng 450 học viên; Học viện Hậu cần khoảng 450 học viên; Trường Sĩ quan Lục quân 1 trên 600 học viên, Trường Sĩ quan Chính trị trên 600 học viên, Học viện Kỹ thuật quân sự trên 600 học viên. Việc quản lý học viên tại các nhà trường được giao cho các Tiểu đoàn, mỗi Tiểu đoàn có 3 đại đội, mỗi đại đội có 3 trung đội, mỗi trung đội có 3 tiểu đội. Trung bình mỗi Tiểu đoàn có từ 240 - 400 học viên; Đại đội 80 - 135 học viên; Trung đội 27 - 45 học viên; Tiểu đội 9 - 15 học viên.

3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam là nơi đào tạo sĩ quan chỉ huy, những người có vai trò quan trọng kế tục sự nghiệp xây dựng quân đội, xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai. Chức năng, nhiệm vụ của các nhà trường QĐNDVN được quy định trong Điều lệ công tác nhà trường. Tại Điều 9 - Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 4 năm 2016) đã quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của nhà trường quân đội. Theo đó, nhà trường quân đội có các chức năng, nhiệm vụ cơ bản sau: “(1). Nhà trường quân đội có tư cách pháp nhân, thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng nhà trường quân đội chính quy, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. (2). Công tác giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Đảng ủy và Thủ trưởng cấp trên, sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan chức năng và quy định của Điều lệ này. (3). Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học theo nhiệm vụ, nội dung, chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt...” [9].

Nhiệm vụ đào tạo được thực hiện trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các nhà trường. Với mô hình của các nhà trường quân đội là thực hiện mục tiêu “*kép*” đào tạo theo “*chức danh gắn với học vấn*” [130, tr35] ở tất cả các cấp học, các hình thức đào tạo, trong đó đào tạo cán bộ có trình độ đại học theo hướng “Coi trọng đào tạo bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực thực tiễn, trình độ, kiến thức, ngoại ngữ và tin học; gắn đào tạo chuyên ngành với giáo dục pháp luật và kiến thức thức về kinh tế, xã hội” [105, tr10-12]. Đối với mỗi loại hình đào tạo, cấp và bậc chức danh đào tạo được tiến hành theo một chương trình, nội dung, thời gian xác định và đối tượng thi, xét tuyển đầu vào được lựa chọn theo những tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể, chặt chẽ. Do đó, yêu cầu đặt ra đối với các nhà trường quân đội là đào tạo, bồi dưỡng học viên trở thành cán bộ, sĩ quan không chỉ về kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, năng lực chuyên môn nghiệp vụ

đối với một cử nhân quân sự mà còn phải có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, pháp luật, phong cách lãnh đạo, chỉ huy quản lý ở cấp phân đội; không ngừng học tập, rèn luyện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, chức năng, nhiệm vụ của các nhà trường quân đội là tổ chức hoạt động giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy thống nhất của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Đảng ủy và Thủ trưởng các Tổng cục, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; Quân chủng, Binh chủng. Đồng thời, chấp hành nghiêm quy chế của Bộ Giáo dục và đào tạo, Điều lệ công tác nhà trường. Các nhà trường quân đội có nhiệm vụ đào tạo học viên trở thành cán bộ, sĩ quan quân đội theo nhiệm vụ, nội dung, chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuyển chọn học viên theo tiêu chuẩn, chỉ tiêu, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Quốc phòng.

3.1.3. Phương thức tổ chức, quản lý học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Các nhà trường QĐNDVN là một bộ phận trong hệ thống các trường đại học và chuyên nghiệp do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý về mọi mặt, được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đào tạo bậc đại học, sau đại học. Quá trình học tập, rèn luyện trong môi trường quân sự của học viên ở các nhà trường quân đội luôn được tổ chức chặt chẽ, khoa học và hiệu quả.

Học viên ở các nhà trường quân đội được học tập, rèn luyện trong môi trường quân sự chính quy, mẫu mực, hoạt động trong hệ thống tổ chức chặt chẽ; tất cả học viên đều ở trong các doanh trại đơn vị, được biên chế thành các đầu mối đơn vị từ tiểu đoàn đến các đại đội, trung đội và tiểu đội. Mỗi lớp học thường được biên chế là một đại đội, quân số khoảng 90 học viên, có thể là đại đội chia đôi, trung đội. Tất cả học viên đều phải học tập, rèn luyện và sinh hoạt trong doanh trại để thực hiện các chế độ ăn, ngủ nghỉ, sinh hoạt tập trung, thống

nhất và chịu sự quản lý, duy trì theo đúng nền nếp, chế độ, quy định của Quân đội. Các đơn vị đều có hệ thống các tổ chức Đảng, chỉ huy, cán bộ đơn vị và các tổ chức quần chúng theo đúng quy định, hướng dẫn của tổ chức quân đội để thực hiện các chức trách, nhiệm vụ trong lãnh đạo, quản lý, giáo dục, rèn luyện học viên. Do đó, mọi hoạt động học tập, rèn luyện, sinh hoạt của học viên đều đặt dưới sự tổ chức quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý chuyên trách. Đây là điều kiện thuận lợi để bồi dưỡng, GDPL, rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật cho học viên. Ngoài nhiệm vụ học tập, học viên còn phải thực hiện các nhiệm vụ khác như: rèn luyện thể lực, tuần tra canh gác, trực ban, trực chiến, trực sẵn sàng chiến đấu, tăng gia sản xuất... và các hoạt động chính trị, xã hội khác. Thông qua các hoạt động quản lý hành chính quân sự, học viên có điều kiện để rèn luyện bản thân về mọi mặt, nhất là rèn luyện ý thức, thái độ trách nhiệm, ý chí quyết tâm và thói quen hành vi chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội.

Với tính chất đặc thù của môi trường quân đội nên việc tổ chức, quản lý học viên được thực hiện một cách chặt chẽ, chính quy; học viên được học tập và rèn luyện trong một tập thể quân nhân có ý thức tổ chức, kỷ luật chặt chẽ và nghiêm túc; cán bộ, học viên cùng sinh hoạt tập trung trong doanh trại đơn vị, giữa chủ thể GDPL và đối tượng được GDPL rất gần gũi nhau, hiểu nhau, gắn bó với nhau sẽ rất thuận lợi cho việc tiến hành đa dạng các hình thức GDPL khác nhau. Đó cũng là điều kiện thuận lợi để giảng viên, cán bộ quản lý đơn vị dễ dàng nắm bắt được mức độ nhận thức, trình độ hiểu biết và những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng, thái độ và hành vi của học viên; từ đó, kịp thời uốn nắn và có những biện pháp xử lý nhanh chóng, chính xác.

Bên cạnh đó, quá trình GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội không chỉ được thực hiện ở trong giảng đường, phòng học, mà còn diễn ra ở các đơn vị dã ngoại, các khu dân cư, trên thao trường, bãi tập, trong mọi địa hình,

điều kiện thời tiết sát với tình huống chiến đấu. Điều này sẽ ảnh hưởng nhất định đến môi trường, điều kiện tổ chức GDPL, cũng như việc học tập, nghiên cứu các nội dung về pháp luật của học viên.

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của QĐNDVN là sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; thực hiện công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lao động sản xuất, kết hợp quốc phòng với kinh tế-xã hội, tham gia phòng thủ dân sự, cùng toàn dân xây dựng đất nước, thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Do đó, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ học viên ở các nhà trường QĐNDVN sau khi tốt nghiệp trên các cương vị, chức trách được giao càng phải nắm rõ các kiến thức về pháp luật để chủ động trong việc tổ chức, quản lý, chỉ huy đơn vị chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho chiến sĩ thuộc quyền và quần chúng nhân dân nơi đóng quân. Với tư cách là cơ sở giáo dục đào tạo của QĐNDVN, các nhà trường quân đội được tổ chức một cách chặt chẽ, tính kỷ luật nghiêm, có nhiều hoạt động phong phú đa dạng; do vậy, có ảnh hưởng tốt đến quá trình học tập, rèn luyện của học viên và hạn chế được các tác động tiêu cực của xã hội. Nét đặc trưng của các đơn vị học viên là quá trình dạy và học môn nhà nước và pháp luật được tổ chức theo đơn vị như tiểu đội, trung đội, đại đội, được tiến hành trong một trật tự quân sự nghiêm túc và quan hệ quân nhân theo đúng điều lệnh đã tạo điều kiện hình thành ở học viên nhận thức tốt về pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết cao, ý thức chấp hành điều lệnh, điều lệ, kỷ luật quân đội được bảo đảm.

3.1.4. Đặc điểm, tình hình học viên và môi trường tập thể học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội có nguồn từ những học sinh phổ thông, hạ sĩ quan, binh sĩ có tuổi đời còn trẻ qua thi, xét tuyển theo quy

chế của Bộ Giáo dục và đào tạo; các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Bộ Quốc phòng. Do được tuyển chọn chặt chẽ, nên đa số học viên đều có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý chí quyết tâm, ham hiểu biết, hăng hái và nhiệt tình trong các hoạt động phong trào của đơn vị. Khi về học tập ở các nhà trường quân đội, phần lớn học viên đều xác định rõ xu hướng nghề nghiệp, có ý thức phấn đấu trở thành cán bộ, sĩ quan phục vụ lâu dài trong quân đội. Đây là những cơ sở, tiền đề quan trọng giúp cho quá trình GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội diễn ra thuận lợi, đạt kết quả cao. Bên cạnh những mặt thuận lợi, do tuổi đời còn ít, lại sinh ra trong điều kiện đất nước thời bình, cho nên học viên ở các nhà trường quân đội vẫn còn những hạn chế về vốn sống, kinh nghiệm thực tiễn, dễ bị dao động, vấp ngã trước những cám dỗ, khó khăn, thử thách; ý thức pháp luật chưa vững chắc, đa số học viên khi vào học tập tại các nhà trường đang quen với cuộc sống, môi trường bên ngoài quân đội. Học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội chủ yếu là con em nông dân, xuất thân từ khắp các vùng miền của đất nước; bao gồm nhiều thành phần, dân tộc, giai tầng xã hội khác nhau và chịu ảnh hưởng của phong tục, tập quán, lối sống, nhận thức, tâm lý; điều này sẽ dẫn đến những khó khăn nhất định trong công tác GDPL cho học viên.

Ngoài những thuận lợi và khó khăn nêu trên, chất lượng GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội còn chịu sự tác động, ảnh hưởng từ môi trường xung quanh, trong đó có môi trường tập thể học viên. Nếu học viên được sống, học tập, rèn luyện trong tập thể học viên đoàn kết, vững mạnh, tính kỷ luật cao; đội ngũ cán bộ, chỉ huy luôn quan tâm sâu sát và chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần, tổ chức và duy trì chặt chẽ các hoạt động phong trào của đơn vị sẽ thúc đẩy ý thức trách nhiệm, tính tích cực học tập, rèn luyện của học viên ngày càng được nâng cao. Nếu tập thể học viên vững mạnh sẽ tạo ra môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh góp phần ngăn chặn, đẩy lùi những tác động, ảnh hưởng

tiêu cực từ bên ngoài xã hội đến từng học viên trong đơn vị. Ngược lại, nếu tập thể học viên không tốt, nội bộ mất đoàn kết, thiếu dân chủ, các mối quan hệ trong đơn vị lỏng lẻo, không được duy trì chặt chẽ, nề nếp, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng, tình cảm, thái độ của học viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Sống và sinh hoạt trong điều kiện môi trường tập thể đó, học viên dễ bị tác động bởi những tiêu cực từ bên ngoài xã hội và sự lây nhiễm thói hư, tật xấu giữa các học viên trong cùng tập thể đơn vị, làm ảnh hưởng đến CLGDPL cho học viên.

3.2. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

3.2.1. Kết quả và nguyên nhân của kết quả về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

3.2.1.1. Kết quả về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Thứ nhất, nhận thức và sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội đã có những chuyển biến tích cực

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của công tác GDPL cho học viên đối sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các cấp lãnh đạo, chỉ huy các nhà trường đã quan tâm, có nhận thức sâu sắc và nêu cao tinh thần, trách nhiệm và tích cực hơn trong các hoạt động thực tiễn để nâng cao CLGDPL cho học viên. Lãnh đạo, chỉ huy và các cơ quan chức năng đã nghiêm túc quán triệt và cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng; chỉ thị của Quân ủy Trung ương, BQP; Bộ Tổng tham mưu; Tổng cục Chính trị về nâng cao CLGDPL trong quân đội. Tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch GDPL đến toàn thể các đơn vị học viên của nhà trường. Qua khảo sát, khi được hỏi “*đánh giá về mức độ quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp đối với CLGDPL cho học viên ở nhà trường*”

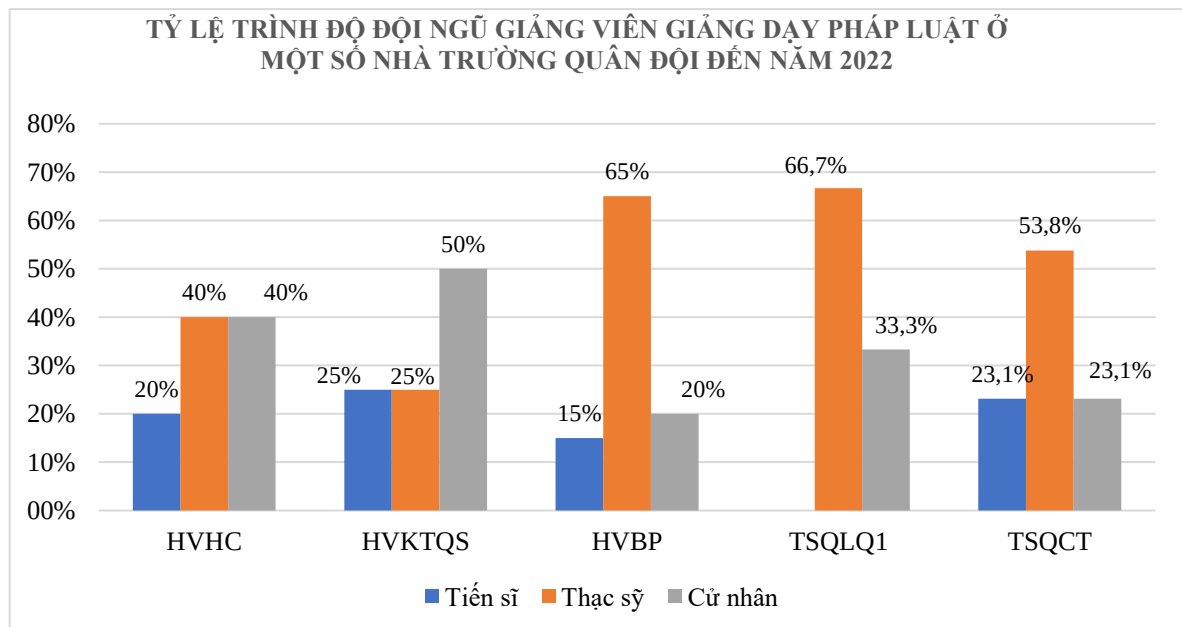
đối với cán bộ, giảng viên, có 44/150 phiếu đánh giá rất quan tâm chiếm 29,4%; 86/150 phiếu đánh giá là quan tâm chiếm 57,3% [Phụ lục 05]; Đối với học viên có 158/450 phiếu đánh giá rất quan tâm chiếm 35,1%; 224/450 phiếu đánh giá quan tâm chiếm 49,8% [Phụ lục 06]. Qua đó, tạo sự chuyển biến về nhận thức, YTPL và trách nhiệm chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội của học viên.

Các nhà trường quân đội đã tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả công tác GDPL theo tinh thần “Chỉ thị số 32 - CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân” và Hướng dẫn số 3535/HĐPH ngày 04/10/2010 của Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ về việc triển khai thực hiện “*Ngày pháp luật*”, và Chỉ thị số 04 - CT/BQP ngày 20/01/2011 về việc triển khai “*Ngày pháp luật*” trong Quân đội nhân dân. Trên cơ sở đó, từ năm 2011 toàn quân thực hiện và thống nhất tên gọi của mô hình phổ biến, GDPL này trong Quân đội là “*Ngày pháp luật*”. Các nhà trường quân đội đã thực hiện tốt “*Ngày pháp luật*” với các nội dung gắn và phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, nhà trường; nội dung sinh hoạt ngày pháp luật đã tập trung vào các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo có liên quan thiết thực đến phạm vi quản lý, lĩnh vực hoạt động, công tác của từng cơ quan, đơn vị. Lãnh đạo, chỉ huy, Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, GDPL các cơ quan, đơn vị căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tình hình, điều kiện cụ thể của cơ quan, đơn vị để xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai mô hình ngày pháp luật phù hợp, hiệu quả. Bên cạnh đó, Đảng ủy, Ban giám đốc (Ban Giám hiệu) và các cơ quan chức năng trong các nhà trường đã chủ động, tích cực triển khai có hiệu quả các quyết định, chỉ thị của cấp trên, phối hợp thực hiện một cách chặt chẽ, thống nhất từ trên xuống dưới;

thường xuyên chỉ đạo triển khai và thực hiện tốt các phong trào thi đua của Nhà trường, chất lượng dạy và học môn nhà nước và pháp luật, hoạt động nghiên cứu khoa học; xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật ở các nhà trường ngày càng được nâng cao. Thông qua công tác GDPL thì ý thức pháp luật và hiệu quả chấp hành pháp luật, kỷ luật của học viên đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Thứ hai, chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ngày càng được củng cố

Là lực lượng trực tiếp quyết định chất lượng, hiệu quả công tác GDPL trong các nhà trường quân đội; lãnh đạo, chỉ huy các nhà trường quân đội luôn quan tâm đến việc củng cố và bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên pháp luật, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ quản lý học viên để đảm nhiệm nhiệm vụ GDPL cho học viên. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ quản lý học viên đã luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm, tích cực trau dồi học hỏi, từng bước nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bước đầu bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng được nâng cao [Phụ lục 8].



Đội ngũ giảng viên pháp luật đều được qua đào tạo chính quy, nắm chắc kiến thức chuyên môn, một số giảng viên có kinh nghiệm qua hoạt động thực tiễn quân sự và hoạt động sư phạm; vì vậy, quá trình giảng dạy các giảng viên đã biết liên hệ lấy những ví dụ điển hình trong quân đội để chứng minh, làm dẫn chứng mang tính thực tế, phân tích làm rõ vấn đề; vận dụng, liên hệ với các trường hợp vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quân sự giúp học viên dễ hiểu và nhanh chóng tiếp thu kiến thức bài giảng, chất lượng bài giảng ngày càng được nâng cao. Các bài giảng của giảng viên giảng dạy pháp luật trước khi tiến hành thực giảng trên lớp cho học viên đều được thực luyện và thông qua một cách chặt chẽ, nghiêm túc của Hội đồng khoa học. 100% giảng viên ở các nhà trường quân đội giảng dạy pháp luật biết sử dụng và thiết kế bài giảng điện tử thành thạo. Theo kết quả từ các năm học vừa qua, công tác kiểm tra huấn luyện của các nhà trường đối với giảng viên giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật với 100% bài giảng đạt loại khá trở lên [58, 59, 60, 141, 142].

Đối với đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ quản lý đơn vị ở các nhà trường quân đội đã được đào tạo cơ bản trình độ đại học về quân sự, chính trị; vì vậy, họ đã có những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, kỷ luật quân đội và đáp ứng được các điều kiện theo quy định của Điều 35 - Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, đó là:

“(1). Báo cáo viên pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận để kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; (2). Báo cáo viên pháp luật phải có đủ các tiêu chuẩn sau: Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác; Có khả năng truyền đạt; Có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02

năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm” [109].

Bên cạnh đó, họ là những cán bộ đã qua đào tạo sĩ quan và trưởng thành trong quá trình công tác thực tiễn trong môi trường quân đội; do đó, năng lực tuyên truyền, phổ biến, GDPL; điều lệnh, điều lệ Quân đội đều được phát huy tốt và thu được những kết quả nhất định.

Đối với đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia tuyên truyền pháp luật luôn tích cực, chủ động, chuẩn bị chu đáo các nội dung cần tuyên truyền, họ được trang bị, cung cấp đầy đủ các văn bản pháp luật; được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ tuyên truyền pháp luật theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.

Thứ ba, nhận thức của học viên về tầm quan trọng của kiến thức pháp luật ngày càng được nâng cao; kỷ cương, nề nếp, chấp hành điều lệnh, điều lệ, kỷ luật quân đội được tăng cường

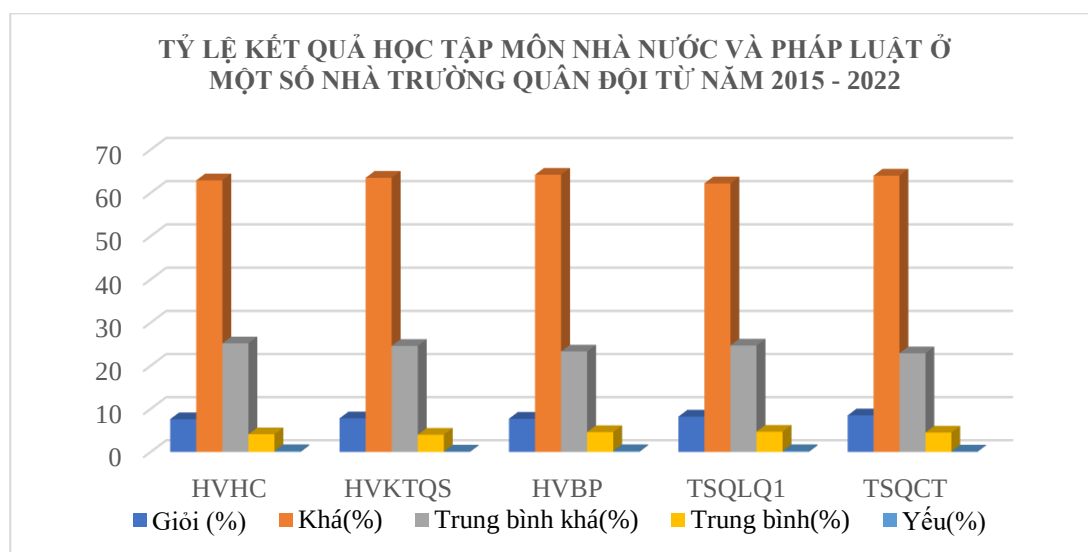
Trong quá trình học tập, rèn luyện, học viên đã nhận thức được vai trò quan trọng của kiến thức pháp luật, kỷ luật quân đội để vận dụng vào quá trình công tác sau này; vì vậy, họ đã nhận thức đúng đắn trách nhiệm đối với việc học tập và rèn luyện; xác định nhiệm vụ của bản thân là phải học thật tốt, rèn thật nghiêm. Đồng thời, trong các hoạt động ngoại khóa cũng đã tạo ra những chuyển biến rõ rệt, với các hoạt động dã ngoại tập bài, diễn tập, rèn luyện điều lệnh đội ngũ... Do nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về pháp luật, điều lệnh quân đội cho nên học viên đã phát huy được tính tích cực, sáng tạo, vận dụng giải quyết các tình huống thực tế một cách hợp lý, đặc biệt là vận dụng trong diễn tập hiệp đồng chiến đấu, hành quân dã ngoại, thực hiện tốt các quy định về công tác dân vận tại các địa phương nơi đóng quân.

Thứ tư, có sự chuyển biến tích cực về tri thức, ý thức pháp luật và đáp ứng được yêu cầu về phẩm chất, năng lực của học viên sau khi ra trường

Thông qua công tác giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội đã hình thành cho học viên những tri thức, ý thức pháp luật, đáp ứng với yêu cầu về phẩm chất, năng lực của một sĩ quan QĐNDVN; có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật vào quá trình điều hành và xử lý các vụ việc ở đơn vị. Sau khi tốt nghiệp ra trường về các đơn vị quản lý, huấn luyện bộ đội, các học viên đã nắm được các nội dung được học tập ở trường về một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các văn bản pháp luật trong quân đội, quy định về hoạt động của quân nhân, các chế độ, quy định của quân đội để vận dụng một cách linh hoạt và có hiệu quả ở đơn vị mình cũng như tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhân dân trên địa bàn đóng quân của đơn vị. Điều này được thể hiện ở đa số học viên có nhận thức ngày càng toàn diện hơn các quy định của pháp luật, kỷ luật, có ý thức tôn trọng pháp luật, hành động theo pháp luật, giáo dục người khác chấp hành pháp luật. Qua khảo sát, khi được hỏi “*đánh giá về mức độ nhận thức của học viên đối với pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, quy định của đơn vị*”? [Phụ lục 3]. Đối với cán bộ, giảng viên, có 48/150 phiếu đánh giá rất tốt chiếm 32,0%; 70/150 phiếu đánh giá là tốt chiếm 46,7% [Phụ lục 05]; Đối với học viên có 72/450 phiếu đánh giá rất tốt chiếm 16,0%; 276/450 phiếu đánh giá tốt chiếm 61,3% [Phụ lục 06]. Khi được hỏi “*đánh giá về thói quen và hành vi chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của học viên ở nhà trường*”. Đối với cán bộ, giảng viên, có 45/150 phiếu đánh giá rất tốt chiếm 30,0%, có 68/150 phiếu đánh giá tốt chiếm 45,3% [Phụ lục 05]; Đối với học viên, có 78/450 phiếu đánh giá rất tốt chiếm 17,3%; 263/450 phiếu đánh giá tốt chiếm 58,5% [Phụ lục 06].

Thứ năm, kết quả học tập môn học nhà nước và pháp luật của học viên từng bước được nâng lên

Trong các năm qua, kết quả học tập môn nhà nước và pháp luật của học viên ở các nhà trường quân đội đã có sự chuyển biến rõ rệt qua các năm học; học viên đã nắm được các nội dung cơ bản của môn học; biết liên hệ, vận dụng với chức trách, nhiệm vụ của người cán bộ, sĩ quan trong quản lý, chỉ huy bộ đội. Điều này thể hiện ở kết quả thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học Nhà nước và pháp luật ở các đơn vị học viên từ năm 2015 đến năm 2022 cho thấy, kết quả học tập môn học Nhà nước và pháp luật có 100% các đơn vị thi, kiểm tra đạt yêu cầu, tỉ lệ học viên đạt điểm giỏi, khá qua các năm học ở các nhà trường đều đạt từ 70% trở lên [Phụ lục 9].



Thông qua công tác giáo dục pháp luật đã giúp cho học viên ngày càng nắm được và hiểu rõ hơn các kiến thức, quy định của pháp luật, ý thức pháp luật được nâng lên rõ rệt, qua đó giúp cho công tác quản lý học viên thuận lợi hơn, tình hình đơn vị ngày càng ổn định, tình trạng VPPL, KLQĐ ít xảy ra và giảm dần qua các năm học. Bên cạnh đó, kết quả học tập cũng đã tạo dựng và hình thành cho học viên có phẩm chất chính trị kiên định, vững vàng, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, chỉ thị, mệnh lệnh của người chỉ huy, luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Không sợ gian khổ hy sinh, có ý chí

phấn đấu vươn lên, vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong quá trình học tập, rèn luyện. Có tinh thần đấu tranh phê và tự phê bình, kiên quyết chống lại mọi biểu hiện của tiêu cực, tha hóa về đạo đức, lối sống.

Thứ sáu, nội dung, chương trình giáo dục pháp luật được cơ cấu đầy đủ hơn, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo của nhà trường, với từng đối tượng học viên

Nội dung, chương trình môn học Nhà nước và pháp luật bước đầu đã đáp ứng được những mục tiêu đề ra là giúp cho học viên nắm được nội dung về các vấn đề lý luận về Nhà nước và pháp luật; một số ngành luật, văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đặc biệt là các văn bản pháp luật về lĩnh vực quốc phòng, an ninh như: Luật sĩ quan QĐNDVN, Luật nghĩa vụ quân sự; Luật Quốc phòng, Luật giáo dục quốc phòng và an ninh,... sát với thực tiễn công tác sau này. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đã tích cực, chủ động cập nhật những nội dung mới đưa vào giảng dạy, tuyên truyền, phổ biến nhằm làm phong phú hơn về lượng kiến thức truyền đạt cho học viên góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tự giác rèn luyện, chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội. Cùng với việc truyền đạt các nội dung, kiến thức của giảng viên giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật theo chương trình chính khóa thì đội ngũ cán bộ quản lý ở đơn vị đã tiến hành giới thiệu cho học viên một số chuyên đề, văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh như: Luật sĩ quan QĐNDVN, Luật nghĩa vụ quân sự; Luật Quốc phòng, Luật giáo dục quốc phòng và an ninh; Luật dân quân tự vệ; Luật Biên giới quốc gia;... tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật tại các đơn vị, nhà trường để học viên có điều kiện mở rộng, nắm chắc các kiến thức, quy định của pháp luật đã thu hút được sự quan tâm của học viên, các đơn vị tham gia luôn bảo đảm 100% quân số. Bên cạnh đó, căn cứ vào tình hình cụ thể của đất nước, của Quân đội, các nhà trường

đã tăng cường giáo dục, tuyên truyền, phổ biến những nội dung mang tính cập nhật cho học viên như: Quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, các giải pháp về phòng, chống tham nhũng; Luật quốc tế; Luật giao thông đường bộ; Công ước của Liên hiệp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người,....

Ngoài ra, các nhà trường quân đội còn xây dựng chương trình ngoại khóa và được tiến hành theo chương trình giáo dục chính trị tại đơn vị, đội ngũ báo cáo viên pháp luật, cán bộ quản lý đơn vị trong các nhà trường quân đội đã tích cực xây dựng nội dung, chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật giới thiệu các chuyên đề, văn bản pháp luật lồng ghép với các buổi sinh hoạt văn hóa, chính trị tại đơn vị. Việc rà soát, đổi mới chương trình, nội dung GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội trong thời gian qua đã góp phần bảo đảm trang bị, bồi đắp cho học viên những kiến thức cơ bản, hệ thống, thiết thực về Nhà nước và pháp luật, một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, làm cơ sở để người học thấy được vai trò của Nhà nước và pháp luật trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Thứ bảy, việc đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho phù hợp với điều kiện học tập, rèn luyện của học viên được triển khai một cách tích cực, kịp thời

Trong thời gian qua, các nhà trường đã tích cực, chủ động đổi mới và đa dạng hóa các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên. Việc thực hiện các nội dung, chương trình GDPL cho học viên đã được các cơ quan, đơn vị thực hiện với nhiều hình thức, phương pháp khác nhau. Trên cơ sở đó, Hội đồng phối hợp phổ biến, GDPL kết hợp với các cơ quan, khoa và các đơn vị học viên đã tổ chức công tác GDPL cho học viên với những hình thức phù hợp, phong

phú như tổ chức giới thiệu các chuyên đề, thi tìm hiểu về pháp luật, thông tin chuyên đề.... Để các hình thức GDPL này đạt được hiệu quả cao thì các đơn vị học viên cũng đã chủ động tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu, tham khảo để hỗ trợ cho việc nghiên cứu, học tập môn Nhà nước và pháp luật, đẩy mạnh việc khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin và tủ sách pháp luật ở đơn vị. Các trường thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật giúp học viên mở rộng thêm những kiến thức và các quy định của pháp luật, kiểm tra trình độ hiểu biết pháp luật của học viên và đã thu hút được sự quan tâm của học viên, các đơn vị tham gia luôn bảo đảm 100% quân số.

3.2.1.2. Nguyên nhân của kết quả về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Một là, lãnh đạo, chỉ huy các cấp luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm, có sự thống nhất chặt chẽ trong quá trình thực hiện giáo dục pháp luật cho học viên.

Chất lượng giáo dục ở các nhà trường quân đội luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Quân uỷ Trung ương, Thủ trưởng BQP, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục chính trị, cấp uỷ, chỉ huy các cấp, sự tham mưu và hướng dẫn kịp thời của các cơ quan chức năng. Trên cơ sở đó, lãnh đạo, chỉ huy các nhà trường quân đội luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm; thường xuyên quán triệt sâu sắc các chủ trương, đường lối của Đảng; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Quân uỷ Trung ương về công tác GDPL đến các cơ quan, khoa, đơn vị trong nhà trường. Đảng uỷ, Ban Giám đốc, Ban giám hiệu các Nhà trường cũng đã kịp thời ra các Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phổ biến, GDPL cho học viên và công tác xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật. Bên cạnh đó, các cấp lãnh đạo, chỉ huy các nhà trường quân đội đã tiến hành chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất, đưa ra những định hướng và có các biện pháp cụ thể, kịp thời để hoạt động GDPL cho học viên đi vào nền nếp và có chiều sâu; các Nhà

trường đã giao cho khoa, bộ môn Nhà nước và pháp luật đảm nhiệm thực hiện công tác giảng dạy pháp luật theo chương trình chính khóa [Phụ lục 1] và phổ biến các chuyên đề pháp luật cho các đơn vị học viên [Phụ lục 12].

Trên cơ sở Quyết định số 2929/QĐ - BQP ngày 14 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng “Về việc thành lập Hội đồng phối hợp, phổ biến, giáo dục pháp luật Bộ Quốc phòng”. Các nhà trường quân đội đã quán triệt và tiến hành triển khai thành lập “Hội đồng phối hợp, phổ biến, giáo dục pháp luật”. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình và điều kiện của đơn vị, các nhà trường đã chủ động lựa chọn nội dung, hình thức triển khai “*Ngày pháp luật*” cho phù hợp như tổ chức học tập, quán triệt văn bản quy phạm pháp luật theo hình thức tập trung có báo cáo viên pháp luật tham gia giới thiệu; sưu tầm các tài liệu pháp luật để tự nghiên cứu; tổ chức tọa đàm, giao lưu, thi tìm hiểu pháp luật; trao đổi thảo luận về các nội dung pháp luật; tổ chức học tập pháp luật thông qua việc nghiên cứu tài liệu tại tủ sách pháp luật; lồng ghép việc phổ biến, GDPL với việc tổ chức nội dung sinh hoạt khác của cơ quan, đơn vị với thời lượng, thời gian thích hợp.

Hai là, các nhà trường luôn coi trọng và quan tâm đến năng lực, trình độ của đội ngũ thực hiện công tác giáo dục pháp luật

Trong những năm qua các nhà trường đã rất chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn và biên chế những cán bộ, giảng viên có năng lực, trình độ và lòng nhiệt huyết của đội ngũ thực hiện công tác GDPL. Hiện nay, đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật trong các nhà trường quân đội được tiến hành tuyển chọn một cách chặt chẽ, có chất lượng, 100% có trình độ Đại học trở lên; trong đó tỷ lệ trình độ sau đại học từ 50% trở lên (TSQLQ1 là 66,7%, Trường SQCT là 76,9%, Học viện KTQS là 50,0%, Học viện Biên phòng là 80%; Học viện Hậu cần là 60%) [Phụ lục 8].

Đội ngũ giảng viên giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật luôn nêu cao tinh

thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, chủ động trong công tác. Nắm vững kiến thức pháp luật, tích cực, chủ động tìm tòi, cập nhật những thông tin mới bổ sung vào nội dung bài giảng, sử dụng các phương pháp và hình thức dạy học phát huy được tính tích cực học tập, nghiên cứu của học viên. Đối với các tổ chức, lực lượng có trách nhiệm về chất lượng công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội luôn chủ động, sáng tạo, phát huy tinh thần, trách nhiệm và nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ba là, các nhà trường luôn quan tâm đến việc tăng cường, đổi mới nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên

Ở các nhà trường quân đội thì Phòng Đào tạo, Khoa Công tác đảng, công tác chính trị, Khoa (Bộ môn) Nhà nước và pháp luật căn cứ vào hướng dẫn của Tổng cục Chính trị xác định và xây dựng nội dung, chương trình giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật chặt chẽ, sát với mục tiêu, yêu cầu đào tạo, phù hợp với từng đối tượng học viên, bảo đảm tính khoa học, đặc thù trong hoạt động quân sự [Phụ lục 02]. Thường xuyên cập nhật, bổ sung nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp GDPL sao cho phù hợp với thực tiễn môi trường quân đội. Nội dung, chương trình GDPL được xây dựng bảo đảm tính hệ thống, tính chuyên ngành và liên quan mật thiết đến chức trách, nhiệm vụ, công việc chuyên môn của học viên sau khi tốt nghiệp ra trường nhận nhiệm vụ công tác.

Bốn là, các nhà trường quân đội duy trì nghiêm túc và thường xuyên công tác bồi dưỡng cho học viên thấy rõ về tầm quan trọng của kiến thức pháp luật

Xuất phát từ tầm quan trọng của kiến thức pháp luật đối với học viên đào tạo sĩ quan, lãnh đạo, chỉ huy các nhà trường quân đội đã tích cực, chủ động thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng, giáo dục để học viên nhận thức rõ về tầm quan trọng của kiến thức pháp luật trong đời sống xã hội, đặc biệt trong quản lý, chỉ huy đơn vị. Thông qua công tác bồi dưỡng cho học viên về vị trí, vai trò của

GDPL, giúp cho học viên từng bước có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của hệ thống tri thức, kiến thức pháp luật, kỹ luật quân đội trong quá trình học tập, rèn luyện cũng như việc vận dụng vào thực tiễn quá trình công tác sau này; qua đó, giúp cho học viên hình thành động cơ, thái độ, xác định nhiệm vụ của bản thân trong quá trình học tập rèn luyện tại đơn vị; **nêu cao tinh thần, trách nhiệm, chủ động trong học tập, nghiên cứu khoa học, tích cực trau dồi học hỏi, phấn đấu học thật tốt, rèn thật nghiêm.**

Năm là, lãnh đạo, chỉ huy các nhà trường quân đội đã coi trọng và quan tâm đến công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn nhà nước và pháp luật của học viên

Trong thời gian qua, lãnh đạo, chỉ huy các cấp ở các nhà trường quân đội đã quán triệt và tổ chức thực hiện khá chu đáo các khâu trong quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Nhà nước và pháp luật. Vì vậy, từng cán bộ, giảng viên trong quá trình thi, kiểm tra không chỉ đơn thuần là sự đánh giá kết quả học tập của người học mà còn tích cực phát hiện những hạn chế còn tồn tại của cả người dạy và người học để đề xuất những biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học.

Để chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ngày càng được nâng cao, các nhà trường quân đội đã tổ chức thực hiện tốt công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập môn Nhà nước và pháp luật. Chất lượng thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Nhà nước và pháp luật trước hết thể hiện ở sự phù hợp của việc xác định nội dung thi, kiểm tra, đánh giá kết quả mục tiêu đào tạo, mục tiêu môn học, bảo đảm tính toàn diện, tính sát thực đối với chức trách, nhiệm vụ của người học sau này đảm nhiệm. Vì vậy, lãnh đạo, chỉ huy khoa, bộ môn Nhà nước và pháp luật ở các nhà trường quân đội đã quán triệt các Nghị quyết, chỉ thị hướng dẫn của cấp trên, của các nhà trường đối với việc “*chống tiêu cực và bệnh*

thành tích trong giáo dục, nâng cao chất lượng dạy - học”. Trên cơ sở đó, lãnh đạo, chỉ huy khoa, bộ môn Nhà nước và pháp luật đã cụ thể hóa trong việc xác định và xây dựng nội dung thi, kiểm tra gắn với mục tiêu, yêu cầu đào tạo, sát với đặc điểm, trình độ nhận thức của học viên, việc đánh giá kết quả học tập của học viên thể hiện tính khách quan, phản ánh đúng năng lực thực chất của học viên. Điều này thể hiện thông qua việc tác giả đã khảo sát ý kiến đánh giá của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đơn vị với câu hỏi: “*Đồng chí cho biết tính khách quan của kết quả thi, kiểm tra nội dung môn Nhà nước và pháp luật với trình độ của học viên đơn vị mình quản lý ở mức nào*”? [Phụ lục 3]. Kết quả có $47/150 = 31,3\%$ đánh giá “*Rất khách quan*”; $67/150 = 44,7\%$ đánh giá “*Khách quan*” [Phụ lục 5]. Tìm hiểu vấn đề này từ góc độ học viên, với câu hỏi: “*Đồng chí cho biết tính khách quan của giảng viên về nhận xét và cho điểm trong quá trình thi, kiểm tra môn Nhà nước và pháp luật*”? [Phụ lục 4]. Kết quả có $121/450 = 26,9\%$ đánh giá “*Rất khách quan*”; có $232/450 = 51,6\%$ đánh giá “*Khách quan*” [Phụ lục 6]. Những số liệu điều tra thu được cho thấy tinh thần trách nhiệm và sự khách quan trong đánh giá điểm của đội ngũ giảng viên đã ngày càng được nâng lên đáng kể, sự đánh giá kết quả thi, kiểm tra ngày càng minh bạch hơn, phản ánh đúng chất lượng học tập của học viên.

Sáu là, các nhà trường quân đội đã quan tâm và đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác giáo dục pháp luật

Trong thời gian qua, chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên trong các nhà trường quân đội từng bước được nâng cao là do có sự quan tâm, đầu tư trang thiết bị, điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện, tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập các nội dung về pháp luật. Trên cơ sở của Thông tư số 47/2012/TT - BQP ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Bộ Quốc phòng quy định về “*xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật trong Quân đội*”; các

nhà trường Quân đội đã quan tâm chỉ đạo các đơn vị trong nhà trường xây dựng và khai thác có hiệu quả “*tủ sách pháp luật*”. Hiện nay, 100% các nhà trường quân đội đã triển khai xây dựng tủ sách pháp luật đến cấp tiểu đoàn của các đơn vị học viên và ban hành quy chế hoạt động một cách cụ thể, thiết thực, góp phần nâng cao ý thức tự nghiên cứu, tìm tòi các kiến thức về pháp luật.

Việc đầu tư nguồn kinh phí phục vụ cho công tác GDPL ở các nhà trường quân đội đã được các cấp có thẩm quyền tăng cường, hỗ trợ. Ngoài khoản kinh phí của BQP, hàng năm các nhà trường quân đội đã dành một khoản ngân sách nhất định bảo đảm cho công tác tuyên truyền, phổ biến, GDPL cho học viên. Trên cơ sở đó, các nhà trường quân đội đã đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, các điều kiện hỗ trợ bảo đảm cho việc học tập và rèn luyện của học viên như: hội trường, phòng học, giáo trình, tài liệu, các phương tiện cần thiết phục vụ cho công tác giảng dạy, tuyên truyền, phổ biến pháp luật; các phòng học trên giảng đường, phòng Hồ Chí Minh ở đơn vị đã được trang bị các thiết bị hiện đại giúp cho cán bộ, giảng viên thuận tiện cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực. Đối với hệ thống thư viện, phòng học, tủ sách pháp luật được trang bị nhiều loại giáo trình, tài liệu, sách, báo pháp luật; phổ biến rộng rãi, kịp thời các văn bản pháp luật bằng các hình thức thông tin thư mục, hướng dẫn tra cứu và giới thiệu nội dung sách báo, tài liệu pháp luật mới trên các bản tin, loa truyền thanh,...tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu, học tập, lĩnh hội, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật cho học viên.

3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế của chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

3.2.2.1. Hạn chế của chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Thứ nhất, chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội còn chưa đồng đều, thiếu về số lượng, có trường hợp hạn chế về năng lực chuyên môn và thực tiễn

So với yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo nói chung, CLGDPL nói riêng của các nhà trường quân đội thì đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác GDPL có thời điểm vẫn còn thiếu về số lượng, có trường còn phải kiêm nhiệm, điều chuyển những giảng viên dạy các môn học khác sang dẫn đến hạn chế về năng lực chuyên môn. Kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ của một số cán bộ, giảng viên còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm thực tiễn xã hội. Tỷ lệ đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật chưa qua trình độ sau đại học ở một số nhà trường vẫn chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra: HVKTQS là 50%; HVHC là 40%; TSQQLQ1 là 33,3%; TSQCT là 23,1%; HVBP là 20%) [Phụ lục 8]. Trình độ ngoại ngữ, tin học của một số giảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong điều kiện mới.

Trong những năm qua, số lượng giảng viên giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật ở một số nhà trường quân đội vừa thiếu về số lượng so với biên chế, vừa hạn chế về trình độ chuyên môn đối với tiêu chuẩn giảng viên theo “*Điều lệ trường đại học*” đó là giảng viên giảng dạy trong các trường đại học phải đạt học vị từ thạc sĩ trở lên. Có thời điểm, một số nhà trường bố trí giảng viên không đúng chuyên ngành thực hiện công tác GDPL; một số giảng viên mặc dù được đào tạo đúng chuyên ngành nhưng lại chưa được đào tạo cơ bản về nghiệp vụ sư phạm và sự trải nghiệm thực tiễn hoạt động quân sự còn ít dẫn đến lúng túng trong quá trình sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Qua tiến hành khảo sát của tác giả thì số lượng giảng viên giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật được biên chế ở các bộ môn, khoa

Nhà nước và pháp luật ở một số nhà trường quân đội vẫn còn thiếu so với quy định. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật chưa được đầu tư có chiều sâu. Mặc dù các nhà trường đã quan tâm đến công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật; tuy nhiên, việc tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên đi nghiên cứu, học tập sau đại học ở một số trường có thời điểm còn chưa kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu về nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Thứ hai, nhận thức của học viên về pháp luật, kỷ luật quân đội còn chưa vững chắc, chưa thực sự quan tâm, coi trọng kiến thức pháp luật

Ở một số nhà trường vẫn còn xuất hiện tình trạng học viên có lúc chưa nhận thức đầy đủ việc cần thiết phải trang bị, tích lũy cho mình những kiến thức pháp luật để phục vụ cho thực hiện chuyên môn, hoạt động quản lý bộ đội sau này ở những khu vực, địa phương phức tạp khác nhau; vận dụng các kiến thức đã được học để tuyên truyền, phổ biến cho quần chúng nhân dân trên địa bàn đóng quân. Tuy nhiên, nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của pháp luật, kỷ luật quân đội cũng như ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật của một số học viên còn ở mức độ nhất định, thiếu vững chắc, chưa sâu, chưa tự giác chấp hành nhất là ở những đơn vị hoạt động độc lập, xa sự chỉ huy trực tiếp của cấp trên.

Trong quá trình học tập, đa số học viên chỉ quan tâm, chú trọng đến các môn học, nội dung chuyên ngành liên quan đến hoạt động quân sự, dẫn đến tình trạng học viên nhận thức chưa đầy đủ, chưa coi trọng việc học tập, nghiên cứu môn học Nhà nước và pháp luật, học tập mang tính đối phó, xem đây chỉ là môn học phụ nên tính tự giác trong quá trình học tập chưa cao; điều này đã ảnh hưởng đến chất lượng học tập của học viên, họ chưa thực sự đầu tư công sức cho việc học tập như những môn học khác dẫn đến trình độ hiểu biết pháp luật, kỷ luật chưa cao. Qua khảo sát, khi được hỏi “*đánh giá về ý thức tự học tập, tự nghiên*

cứu để nâng cao kiến thức, ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của học viên ở nhà trường”. Đối với cán bộ, giảng viên, có 25/150 phiếu đánh giá chưa tích cực chiếm 16,7%, có 08/150 phiếu đánh giá không quan tâm chiếm 5,3% [Phụ lục 05]; Đối với học viên, có tới 115/450 phiếu đánh giá chưa tích cực chiếm 25,6%; 19/450 phiếu đánh giá không quan tâm chiếm 4,2% [Phụ lục 06]. Đối với những hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật xảy ra ở các nhà trường chủ yếu do nhận thức còn hạn chế, tâm lý tiêu cực, coi thường pháp luật, kỷ luật; sai lệch về chuẩn mực đạo đức và các giá trị xã hội khác.

Thứ ba, kết quả học tập môn học Nhà nước và pháp luật của học viên vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đề ra

Trong quá trình học tập, rèn luyện trong các nhà trường quân đội, đa số học viên thường chú tâm đến các môn học, nội dung chuyên môn liên quan đến hoạt động quân sự, nên chưa quan tâm, chú trọng môn học Nhà nước và pháp luật dẫn đến kết quả học tập còn chưa đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đề ra, tỷ lệ học viên đạt kết quả học tập môn nhà nước và pháp luật ở mức trung bình khá và trung bình còn chiếm khoảng 25% đến 30%, cá biệt vẫn còn trường hợp yếu [Phụ lục 8]. Trình độ hiểu biết, kỹ năng xử lý và vận dụng các quy định của pháp luật vào thực tiễn quá trình học tập, rèn luyện và công tác sau khi ra trường còn hạn chế, chưa phát huy được năng lực của người chỉ huy đơn vị, ảnh hưởng đến chất lượng hoàn thành nhiệm vụ trong đơn vị.

Thứ tư, vẫn còn xảy ra trường hợp học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội

Trong thời gian qua, tình hình vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội của học viên ở các nhà trường quân đội vẫn còn xảy ra; gây ảnh hưởng và mất an toàn đến quá trình huấn luyện, đào tạo. Theo số liệu thống kê, tình trạng vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội nghiêm trọng chưa giảm, trong thời gian 12 năm (từ

năm 2011-2022) còn để xảy ra 346 vụ việc vi phạm pháp luật, kỷ luật nghiêm trọng phải xử lý; trong đó có 144 vụ mất an toàn giao thông, 21 vụ mất an toàn trong huấn luyện, 21 vụ tự tử, tự sát; các vụ việc khác là 162 vụ; làm chết 181 người, số người bị thương là 75 người [Phụ lục 10].

Một số học viên chưa thực sự tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật, hoặc việc tuân thủ, chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội và nội quy, quy chế của nhà trường chỉ mang tính đối phó. Hiện tượng vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội trong học viên thường xảy ra với các hành vi như: giết người; cố ý gây thương tích; xô sát với dân; tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy; mất an toàn khi tham gia giao thông; chơi lô, đề, cờ bạc, bỏ đơn vị đi chơi;... Qua khảo sát số liệu về tình hình vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội của học viên ở một số nhà trường quân đội từ 2015 - 2022 cho thấy, tỷ lệ vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội giữa các năm có sự tăng, giảm ở các nhà trường; những năm gần đây mặc dù có chiều hướng giảm nhưng không đáng kể, trong khi đó, các hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội nghiêm trọng lại có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp [Phụ lục 11].

Thứ năm, thời lượng về nội dung, chương trình môn học Nhà nước và pháp luật còn chưa thực sự bảo đảm với mục tiêu, yêu cầu.

Để đáp ứng yêu cầu của người cán bộ, sĩ quan chỉ huy, chuyên môn trong giai đoạn hiện nay thì việc xây dựng nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội là chưa thực sự phù hợp, việc bố trí, phân bổ nội dung, lượng thời gian dành cho việc học chính khóa môn Nhà nước và pháp luật còn ít; đặc biệt là nội dung, thời gian về một số ngành luật, văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quá trình công tác quản lý, chỉ huy bộ đội sau này của học viên và tính chất, đặc điểm, đặc thù trong môi trường quân sự. Bên cạnh đó, việc quy định số tiết ít mà giảng viên phải giảng dạy nhiều nội dung,

giảng viên không có đủ thời gian để trình bày, truyền đạt những kiến thức cơ bản cho học viên, không có thời gian thực hành về các tình huống pháp luật, dẫn đến việc tiếp thu bài không tốt, ảnh hưởng đến chất lượng học tập của học viên.

Nội dung, chương trình GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay vẫn còn bất cập giữa yêu cầu cao về trang bị kiến thức pháp luật cho học viên với sự hạn chế của khung chương trình, nội dung, quỹ thời gian của môn học và việc bảo đảm hệ thống tài liệu, giáo trình phục vụ cho quá trình dạy và học môn Nhà nước và pháp luật. Thực tế cho thấy, nội dung, chương trình GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội mới chỉ dừng lại ở trang bị những kiến thức cơ bản, nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn; chưa bảo đảm tính logic, khoa học, đôi khi còn nặng về tính hình thức và dàn trải, chưa đi vào các nội dung trọng tâm, trọng điểm, thực sự cần thiết đối với từng đối tượng học viên; các nội dung chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật quân sự, quốc phòng, chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, sĩ quan sau khi ra trường về các đơn vị công tác.

Đối với chương trình, nội dung giáo dục pháp luật ngoại khóa còn mang tính phong trào, chưa được xây dựng một cách hệ thống, chưa đi vào chiều sâu, chỉ huy một số đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác này cho nên quá trình phối hợp và tổ chức thực hiện còn thiếu chặt chẽ. Việc kết hợp tuyên truyền, giáo dục pháp luật với quản lý duy trì chế độ nền nếp chưa được tiến hành một cách thường xuyên, khoa học. Việc chuẩn bị bài giảng của một số giảng viên, nội dung tuyên truyền, phổ biến của báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật còn sơ sài, chưa khoa học, liên hệ vận dụng chưa sát với thực tiễn; điều này dẫn đến bài giảng còn khô cứng, tính thuyết phục chưa cao; năng lực, kiến thức, phương pháp sư phạm còn hạn chế. Hệ thống pháp luật nước ta với rất nhiều ngành luật, văn bản luật, trong khi số tiết học dành cho việc học tập, nghiên cứu của học viên về các ngành luật, văn bản luật còn ít dẫn đến người dạy

chưa đưa hết được các nội dung cần thiết để chuyển tải vào bài giảng, chưa đưa người học vào các tình huống pháp luật cụ thể trong Quân đội cũng như trong cuộc sống hàng ngày. Do đó, khi học viên rơi vào tình huống pháp luật cụ thể vẫn còn lúng túng, hiểu chưa sâu vấn đề dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

Thứ sáu, việc đổi mới các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội còn chưa được thực hiện một cách đồng bộ, triệt để

Trong thời gian qua, công tác giảng dạy môn nhà nước và pháp luật thuộc chương trình chính khóa ở các nhà trường quân đội chủ yếu là thuyết trình, học viên nghe giảng trên lớp, việc tiếp thu bài học chủ yếu ở bài giảng của giảng viên, việc kết hợp các khâu trong quá trình học tập như thảo luận, bài tập tình huống vẫn còn ở mức độ nhất định. Học viên chỉ tiếp thu kiến thức từ một chiều của giảng viên, chưa phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo. Hình thức, phương pháp GDPL ở một số nhà trường còn đơn điệu, chưa thực sự gắn kết chặt chẽ giữa GDPL với giáo dục chính trị, tư tưởng; giáo dục cơ bản với giáo dục chuyên sâu, giáo dục thường xuyên. Mặc dù phương pháp GDPL cho học viên ở các nhà trường thời gian gần đây đã có sự đổi mới so với trước đây, có sự kết hợp các phương pháp giảng dạy hiện đại nhưng chủ yếu vẫn sử dụng phương pháp thuyết trình là chính, nặng về truyền thụ lý thuyết. Điều này dễ làm cho người học thụ động, chưa phát huy hết tính tích cực, độc lập, đặc biệt là tư duy sáng tạo và kỹ năng, kỹ xảo thực hành các bài tập tình huống. Việc lồng ghép các hoạt động bổ trợ để GDPL ở một số nhà trường chưa được thường xuyên, hình thức chưa đa dạng, chưa phát huy được thế mạnh của các phương tiện thông tin và truyền thông cho công tác GDPL.

3.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Một là, lãnh đạo, chỉ huy ở một số nhà trường có thời điểm còn chưa thực

sự sâu sát trong tổ chức thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên của đơn vị

Trong thời gian qua, việc nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật và việc bảo đảm chất lượng giáo dục pháp luật ở một số nhà trường quân đội có thời điểm còn chưa thực sự được coi trọng, quan tâm đúng mức so với nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến hoạt động quân sự. Một số lãnh đạo trong các nhà trường chưa thấy được việc tăng cường công tác tổ chức, chỉ đạo hoạt động GDPL là giải pháp cơ bản, quyết định mang tính chất đột phá cho việc nâng cao chất lượng GDPL. Các cấp lãnh đạo, chỉ huy trong các nhà trường quân đội chưa thấy hết được vai trò, tầm quan trọng của công tác GDPL, kiến thức, sự hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng Quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”; góp phần nâng cao sức mạnh toàn diện của đơn vị, quân đội.

Một số nhà trường còn chưa nhận thức triệt để về nhu cầu đổi mới và tăng cường giáo dục pháp luật trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay, từ đó việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, văn bản của Đảng và Nhà nước còn hình thức; chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí của công tác GDPL cho học viên trong công tác quản lý đơn vị, doanh trại; vì vậy, chưa có sự quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục pháp luật cho học viên. Một số cán bộ, quản lý đơn vị vẫn coi giáo dục pháp luật chỉ là một bộ phận của giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa thấy hết được tính độc lập tương đối của giáo dục pháp luật; coi việc giáo dục pháp luật là nhiệm vụ riêng của các giảng viên pháp luật, cáo báo viên, tuyên truyền viên pháp luật và các cơ quan chuyên trách của Nhà trường. Do đó, việc triển khai học tập các nội dung về pháp luật trong chương trình giáo dục chính trị ở đơn vị đôi khi còn mang tính đối phó; học viên tham gia tuy có đầy đủ song chất

lượng và hiệu quả chưa cao, chưa thực sự cuốn hút được tinh thần học tập của học viên.

Bên cạnh đó, công tác quan tâm nắm bắt, phát hiện và giải quyết các hành vi vi phạm của học viên của cán bộ, chỉ huy ở một số đơn vị học viên còn chưa kịp thời; việc xử lý vi phạm nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa còn hạn chế; có trường hợp sợ ảnh hưởng đến thành tích của đơn vị nên báo cáo không trung thực, che giấu khuyết điểm làm ảnh hưởng và hạn chế nhất định đến hiệu quả, CLGDPL.

Hai là, một số cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật chưa thường xuyên, tích cực nâng cao trình độ, thiếu ý chí phấn đấu

Hiện nay, các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam chưa đào tạo được chuyên ngành luật trình độ đại học; do đó, đội ngũ cán bộ, giảng viên giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật cơ bản được tuyển chọn từ ngoài dân sự chưa qua đào tạo về quân sự dẫn đến tính thực tiễn và kinh nghiệm trong môi trường quân sự còn ít đã ảnh hưởng nhất định đến CLGDPL. Đội ngũ thực hiện công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội có thời điểm còn chưa đi vào chiều sâu, đặc biệt là công tác GDPL ngoại khóa ở các đơn vị học viên; chưa đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Cá biệt, vẫn còn một số chỉ huy, cán bộ quản lý các đơn vị học viên nhận thức về công tác này còn đơn giản, chưa quan tâm đúng mức; trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác GDPL cho học viên còn chưa sâu sát; còn nặng về hình thức, báo cáo, giao cho cấp dưới thực hiện nhiệm vụ; chưa nhận thức rõ về vai trò của công tác GDPL trong tình hình mới. Một số thành viên trong Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, GDPL là cán bộ kiêm nhiệm cho nên về trách nhiệm, sự nhiệt tình, tâm huyết, tận dụng thời gian cho công tác này vẫn chưa đúng mức.

Ở một số trường, đội ngũ cán bộ, giảng viên vẫn còn số ít chưa thường

xuyên, tích cực trong việc nghiên cứu, học tập, tìm tòi để nâng cao trình độ chuyên môn, dẫn đến chưa bảo đảm được các kiến thức về pháp luật cũng như phương pháp chuyển tải các nội dung của môn học, chất lượng bài giảng không cao, chưa kích thích được sự say mê học tập của học viên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật chưa thường xuyên được quan tâm đúng mức, chưa có sự đầu tư chiều sâu. Quân số cán bộ, giảng viên lại thường xuyên biến động như thuyền chuyển công tác, đi học tập, thực tế và thực hiện các nhiệm vụ khác. Một số cán bộ, giảng viên sau khi được tuyển dụng vào nghề giảng viên, vì những lý do khác nhau ít có điều kiện tiếp cận với các hoạt động thực tiễn ở các đơn vị cơ sở; ít được tiếp cận với các phương tiện kỹ thuật mới gắn với các thành tựu của công nghệ thông tin. Do đó, một số giảng viên còn hạn chế về kiến thức thực tiễn, lúng túng trước sự phát triển của đời sống xã hội; yêu cầu, đòi hỏi trong môi trường quân đội; số ít giảng viên tuổi đã cao ngại học tập, bằng lòng với kiến thức, kinh nghiệm đã có.

Ba là, ý thức học tập, nghiên cứu của học viên còn chưa cao, chưa thực sự tự giác trong việc tự học tập, tự nghiên cứu môn học Nhà nước và pháp luật

Trong quá trình học tập nội dung môn học Nhà nước và pháp luật, vẫn còn xuất hiện tình trạng một bộ phận học viên có những biểu hiện thái độ thờ ơ, không quan tâm đến các nội dung về pháp luật, có biểu hiện xuống cấp về đạo đức, lối sống, cá biệt như thiếu tính kỷ luật nghiêm minh, thiếu lòng kiên trì, nhẫn nại, chịu khó, chịu khổ. Trong quá trình học tập, rèn luyện một số học viên có biểu hiện tư tưởng trung bình chủ nghĩa, chưa nêu cao tinh thần tự giác trong học tập và rèn luyện, nhất là chế độ tự học tập, tự rèn luyện, nghiên cứu, thái độ học tập chưa nghiêm túc, tính đấu tranh phê và tự phê bình còn hạn chế, ý thức pháp luật chưa cao dẫn đến việc tôn trọng và chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ

luật quân đội chưa nghiêm, các vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội chưa được chấm dứt triệt để.

Bốn là, công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập môn Nhà nước và pháp luật có lúc chưa thực sự chặt chẽ, khách quan

Mặc dù công tác thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Nhà nước và pháp luật ở các nhà trường quân đội đã được thực hiện một cách nghiêm túc, tuy nhiên, trong từng thời điểm cụ thể, lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền còn chưa quan tâm đúng mức đối với công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập môn Nhà nước và pháp luật. Bên cạnh đó, việc quan tâm bảo đảm vật chất, tài liệu có lúc, có nơi chưa tương xứng với yêu cầu nâng cao chất lượng thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Lãnh đạo, chỉ huy các cấp ở các nhà trường quân đội có thời điểm còn chưa chỉ đạo một cách kịp thời việc nghiên cứu, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động giáo dục pháp luật cho học viên.

Năm là, cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội có thời điểm chưa được bảo đảm kịp thời

Các nhà trường do chú trọng, quan tâm và tập trung nguồn nhân lực, đầu tư hơn về cơ sở vật chất cho các nội dung chuyên ngành về lĩnh vực quân sự nên chưa quan tâm đúng mức đến chất lượng công tác giáo dục pháp luật để nâng cao kiến thức pháp luật cho học viên trong đơn vị mình. Cơ sở vật chất, kinh phí đầu tư cho giáo dục nói chung, GDPL nói riêng vẫn còn chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra; một số nội dung đầu tư còn dàn trải, chưa tạo ra sự đột phá trong đầu tư kinh phí, xây dựng cơ sở vật chất ở một số nhà trường. Hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giảng viên và học viên còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời. Mặc dù hệ thống pháp luật nước ta và các chính sách pháp luật đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện, nhưng

nguồn tài liệu cung cấp cho học viên tự nghiên cứu, tìm tòi để nâng cao nhận thức về pháp luật có thời điểm còn chưa bảo đảm, chưa có nguồn tài liệu nghiên cứu chuyên sâu các ngành luật cho từng đối tượng học viên. Quá trình biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ học tập môn học Nhà nước và pháp luật còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, học tập của học viên. Hệ thống tài liệu, giáo trình ở một số trường chưa được trang bị đầy đủ, kịp thời. Mặc dù các nhà trường đã trang bị hệ thống “*tủ sách pháp luật*” trong đơn vị học viên nhưng chưa phát huy được hiệu quả, danh mục các đầu sách, văn bản pháp luật còn ít; hệ thống giáo trình tài liệu nghiên cứu học tập và phương tiện đồ dùng dạy học vẫn còn chưa được bảo đảm đầy đủ, chưa cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. Đời sống sinh hoạt, điều kiện làm việc của giảng viên tuy đã được cải thiện song vẫn còn nhiều thiếu thốn. Những vấn đề đó đặt ra không ít khó khăn trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật.

Sáu là, công tác tổ chức, phối hợp giữa các cơ quan, khoa, đơn vị trong thực hiện giáo dục pháp luật còn chưa chặt chẽ, chưa đi vào chiều sâu

Học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội sau khi tốt nghiệp sẽ đảm nhiệm các chức trách, nhiệm vụ khác nhau, tham gia vào rất nhiều hoạt động để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; trong đó có hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật tại đơn vị; do đó yêu cầu cần phải nắm chắc các kiến thức pháp luật để vận dụng vào quá trình công tác và trong sinh hoạt hàng ngày.

Tuy nhiên, về hệ thống tổ chức, biên chế cán bộ giảng dạy pháp luật ở các nhà trường quân đội có thời điểm còn chưa thống nhất, chưa bảo đảm cơ cấu, lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ. Có một số nhà trường có Khoa Nhà nước và pháp luật, còn lại đa số các nhà trường được tổ chức thành các bộ môn, môn học thuộc Khoa Công tác đảng, công tác chính trị; khoa Lý luận Mác - Lênin. Trong

các bộ môn lại chưa được biên chế đầy đủ các chức vụ chủ nhiệm, phó chủ nhiệm bộ môn để cùng hỗ trợ, phối hợp với nhau trong điều hành, hoạt động chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ giáo dục pháp luật, điều này đã ảnh hưởng nhất định đến việc nâng cao CLGDPL cho học viên.

Việc phối hợp giữa các lực lượng làm công tác giáo dục, phổ biến và tuyên truyền pháp luật có lúc, có thời điểm còn chưa được tiến hành chặt chẽ, chưa đi vào nề nếp. Việc kết nối giữa cán bộ, giảng viên với cán bộ quản lý đơn vị và việc quản lý học viên ở các hệ, tiểu đoàn còn chưa đi vào chiều sâu. Công tác tham mưu, phối hợp có lúc chưa đồng bộ, quyết liệt, một số nhà trường triển khai nội dung phối hợp chưa cụ thể, giải pháp chưa đồng bộ. Bên cạnh đó, công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm trong GDPL chưa thường xuyên, kịp thời, có nội dung còn mang tính hình thức.

Bây là, do ảnh hưởng về hoạt động huấn luyện quân sự của học viên

Do các nhà trường quân đội có đặc điểm đặc thù vừa là nơi đào tạo cán bộ, vừa là đơn vị quân đội - nơi đóng quân của học viên; do đó, công tác quản lý đối với học viên chủ yếu mang tính mệnh lệnh hành chính với các nội dung, chương trình và hoạt động cứng nhắc đã làm cho người học hạn chế khả năng sáng tạo, năng động trong quá trình học tập, đồng thời, tác động trực tiếp đến tư tưởng và hành động của học viên. Quá trình học tập, rèn luyện của học viên chủ yếu được tiến hành ở ngoài thao trường, bãi tập cho nên thời gian để nghiên cứu, tìm hiểu các loại tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế nhất định. Bên cạnh đó, ngoài thời gian học tập trên lớp, học viên còn phải tham gia và thực hiện các chế độ trong ngày, trong tuần; các hoạt động, nhiệm vụ khác theo quy định của đơn vị như: trực ban đơn vị; tăng gia sản xuất; tuần tra canh gác,... ít nhiều cũng ảnh hưởng đến thời gian tự học, tự nghiên cứu của học viên, điều này dẫn đến việc nắm không chắc, không sâu các kiến thức về pháp luật, kỷ luật quân đội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong thời gian qua, công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội luôn được các cấp lãnh đạo, chỉ huy quan tâm sâu sát, thường xuyên duy trì và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, có chiều sâu, đã đem lại những kết quả quan trọng thể hiện trên các phương diện mục tiêu, chủ thể, nội dung, phương pháp, hình thức và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động GDPL. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, cán bộ quản lý đơn vị nhìn chung đã nhận thức rõ về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật. Phần lớn đội ngũ học viên đã nhận thức tương đối đầy đủ về pháp luật, vai trò của GDPL đối với quá trình hình thành phẩm chất, nhân cách của người học viên, người quân nhân trong môi trường quân sự.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐND vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, chưa đáp ứng được với mục tiêu, yêu cầu đào tạo, nói chung, CLGDPL nói riêng. Quá trình thực hiện mục tiêu giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội mới chỉ chú trọng đến việc truyền đạt, bồi dưỡng nhận thức mà chưa quan tâm đến việc xây dựng hình thành thái độ, niềm tin, tình cảm đối với pháp luật và ý thức rèn luyện thói quen hành vi chấp hành pháp luật, kỷ luật cho học viên để đáp ứng với, yêu cầu, nhiệm vụ của Quân đội trong tình hình mới.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

4.1.1. Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam phải gắn liền với sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối của Đảng cộng sản Việt Nam, sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng

4.1.1.1. Thường xuyên quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chất lượng giáo dục pháp luật

Các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng là những tư tưởng chỉ đạo mang tính chất định hướng đối với các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng cũng như toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta. Thông qua việc quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ góp phần bảo đảm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển giáo dục nói chung, CLGDPL nói riêng. Là một yếu tố trong các mục tiêu, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cũng như xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, chất lượng của công tác GDPL không thể tách rời với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của đất nước, mà phải được tiến hành đồng thời và chịu sự chi phối, tác động lẫn nhau với các mục tiêu khác, nhưng đều nhằm mục đích chung là thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong từng giai đoạn, từng thời kỳ.

Kể từ sau Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, cùng với việc đổi mới kinh tế, Đảng và Nhà nước ta chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân nhằm thực hiện tốt dân chủ XHCN,

phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để thực hiện các mục tiêu trên, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã luôn quan tâm chỉ đạo công tác GDPL đến mọi tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao ý thức pháp luật và ứng xử pháp luật của công dân trong đời sống xã hội. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật” [37]. Điều này thể hiện quyết tâm của Đảng, Nhà nước ta đối với việc thực hiện công tác GDPL nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của toàn dân, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật. Bên cạnh đó, để tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa IX), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 phê duyệt Đề án: “*Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường*”, trong đó đưa ra mục tiêu cụ thể là: “Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật và hành vi chấp hành pháp luật của nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và người học, góp phần ổn định môi trường giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện” [122].

Để nâng cao vai trò của công tác GDPL trong đời sống xã hội, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác giáo dục pháp luật, huy động toàn bộ hệ thống chính trị cùng tham gia công tác này, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt; đồng thời xác định trách nhiệm cũng như cơ chế phối hợp, huy động các nguồn lực của các cơ quan, tổ chức và xã hội góp phần tạo chuyển biến căn bản, bền vững về chất lượng của công tác GDPL; tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Khóa XIII) ngày 20/6/2012 đã thông qua “Luật phổ biến, giáo dục pháp luật”, trong đó có quy định về vấn đề Giáo

dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Mục 3 - Chương II). Điều này thể hiện tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường với ý nghĩa là một hình thức không thể thiếu góp phần thực hiện mục tiêu, yêu cầu đào tạo để phát triển một cách toàn diện của con người.

4.1.1.2. Quán triệt và thực hiện các quan điểm chỉ đạo của Đảng ủy quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng về nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật

Xuất phát từ nguyên tắc Đảng lãnh đạo quân đội tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; do đó, hoạt động GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của các tổ chức Đảng trong Quân đội. Vì vậy, cấp ủy, chỉ huy các cấp của các Nhà trường cần tiếp tục quán triệt sâu sắc các Nghị quyết của Đảng ủy Quân sự Trung ương về công tác giáo dục đào tạo nói chung, GDPL nói riêng và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Bảo đảm cho sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng là yếu tố góp phần cho công tác GDPL ở các Nhà trường luôn đi đúng hướng, định hướng chính trị - tư tưởng cho đội ngũ học viên. Đây là nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đơn vị của cấp ủy, người chỉ huy các cấp ở các nhà trường quân đội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật cho học viên. Đặc biệt, tình hình trong nước và quốc tế đang có những diễn biến phức tạp, khó lường, các thế lực thù địch luôn tìm cách kích động quần chúng nhân dân để thực hiện mục đích chống lại chính quyền nhà nước, gây bạo loạn bằng các âm mưu, thủ đoạn hết sức tinh vi, xảo quyệt, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước. Trước tình hình đó, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ học viên ở các nhà trường QĐNDVN sau khi tốt nghiệp trên các cương vị, chức trách được giao càng phải nắm rõ các kiến thức về pháp luật để chủ động trong việc tổ chức, quản lý, chỉ huy đơn vị chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Chất lượng giáo dục pháp luật trong các nhà trường quân đội luôn mang tính đặc thù của môi trường quân sự, do đó cần phải có những quan điểm chỉ đạo cụ thể, trên cơ sở vận dụng các quan điểm chỉ đạo về giáo dục, đào tạo nói chung, GDPL nói riêng của Đảng. Ngày 01 tháng 6 năm 1994 Đảng ủy quân sự Trung ương đã ra Nghị quyết số 93-NQ/ĐUQSTW về *“tiếp tục đổi mới công tác đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật và xây dựng nhà trường chính quy”*. Trong đó, đối với công tác giáo dục pháp luật trong các nhà trường quân đội, Nghị quyết đã xác định quan điểm chỉ đạo là nhà trường phải đi trước và làm mẫu cho đơn vị trong xây dựng chính quy, nhà trường chính quy phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, điều lệnh quân đội; vì vậy, phải chú trọng giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng bản lĩnh chính trị, giáo dục các vấn đề về pháp luật.

Trước yêu cầu về xây dựng đội ngũ cán bộ, sĩ quan quân đội trong thời kỳ mới, ngày 28 tháng 4 năm 1998, Đảng ủy Quân sự Trung ương đã ra Nghị quyết số 94 - NQ/ĐUQSTW xác định mục tiêu, yêu cầu và nội dung GDPL đối với các trường đào tạo sĩ quan Quân đội trong thời kỳ mới một cách cụ thể sát với tình hình thực tiễn hiện nay. Để CLGDPL trong các nhà trường quân đội ngày càng được nâng cao, các cấp lãnh đạo, chỉ huy ở các nhà trường phải thường xuyên quán triệt và thực hiện các quan điểm chỉ đạo của Đảng ủy quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng, trong đó có nội dung liên quan đến công tác giáo dục pháp luật.

4.1.2. Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật được thực hiện trên cơ sở chuẩn hóa nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho phù hợp với đối tượng học viên ở các nhà trường quân đội

Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội phụ thuộc vào nội dung tri thức tiếp nhận được thông qua việc truyền tải của chủ thể tiến hành giáo dục, kinh nghiệm hoạt động quân sự, kỹ năng nghề nghiệp mà họ

được truyền thụ và lĩnh hội. Do đó, các nhà trường quân đội cần phải tiến hành chuẩn hoá về nội dung, chương trình đào tạo. Đây là cơ sở, là nội dung cứng để giảng viên cập nhật thông tin mới biên soạn bài giảng, truyền thụ cho học viên.

Nội dung, chương trình GDPL là yếu tố quy định hệ thống những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, năng lực thực hành cần trang bị cho học viên trong thời gian đào tạo tại trường. Trên cơ sở mục tiêu, mô hình đã xác định, nhà trường có thể xây dựng chương trình theo hướng chuẩn hoá nội dung, nâng cao chất lượng đào tạo sĩ quan bậc đại học, góp phần xây dựng quân đội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới. Do đó, các chủ thể thực hiện công tác GDPL ở các nhà trường quân đội căn cứ vào đặc điểm đào tạo để xác định mục tiêu và lựa chọn nội dung GDPL cho phù hợp để đạt được hiệu quả trong thực tiễn.

Việc chuẩn hóa nội dung, chương trình GDPL cho học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường QĐNDVN phải xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn nâng cao chất lượng cán bộ của Đảng và Nhà nước, sĩ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam, bám sát phương châm huấn luyện là *“Cơ bản, hệ thống, thống nhất, chuyên sâu”*; *“Huấn luyện kết hợp với giáo dục, học tập đi đôi với rèn luyện, lý luận gắn liền với thực tiễn, nhà trường gắn với chiến trường và đơn vị”*. Các nhà trường trong quân đội đã đề ra những chủ trương sát thực như: *“Học những gì chiến trường cần thiết, bám sát và phục vụ cho chiến trường, vận dụng những kinh nghiệm đánh giặc của dân tộc, nội dung sát thực”*; *“Gắn nhà trường với đơn vị, lý thuyết với thực hành, chú trọng chất lượng và hiệu quả thực tế, gắn huấn luyện với nghiên cứu khoa học”*. Vì vậy, để đổi mới nội dung, chương trình GDPL phải được chuẩn hóa trên cơ sở quốc gia về mặt bằng kiến thức đại học, đảm bảo cho người học viên sau khi tốt nghiệp ra trường có thể vận dụng tốt các kiến thức pháp luật đã học vào thực tiễn chỉ huy, huấn luyện tại đơn vị công tác. Quá trình xác định những khối kiến thức cụ thể của chương trình đào tạo cần

phải đạt được mặt bằng của nhóm ngành khoa học quân sự, nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn, vừa có kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành trong đó có nội dung môn học nhà nước và pháp luật. Cần chú ý phân bổ tỷ lệ các học phần lý luận và thực hành cho phù hợp, đồng thời giải quyết mối quan hệ giữa toàn diện và chuyên sâu. Khắc phục tình trạng học nhiều nội dung không có trọng tâm, trọng điểm, học để biết, cuối cùng người học chẳng hiểu sâu một vấn đề nào, cái gì cũng biết nhưng là biết đại khái. Điều này sẽ dẫn đến khi ra trường học viên sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong lãnh đạo, quản lý, chỉ huy bộ đội, cũng như ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật và vận dụng xử lý đối với những trường hợp vi phạm pháp luật, kỷ luật trong đơn vị.

Do đó, việc chuẩn hóa nội dung, chương trình đào tạo không chỉ là tăng thêm các nội dung của môn học nhà nước và pháp luật mà cần phải rà soát để cắt giảm những phần trùng lặp của môn học, những nội dung chưa thiết thực trực tiếp đối với người học viên, tăng cường những nội dung sát thực hơn với thực tiễn quản lý đơn vị. Xác định đúng khối lượng kiến thức cơ bản để làm nền tảng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học. Các cơ quan chức năng, khoa, bộ môn nhà nước và pháp luật trong các nhà trường quân đội phải phối hợp với nhau để thống nhất điều chỉnh một cách cơ bản về khung chương trình, trong đó phân định rõ nội dung, kiến thức giữa lý luận và thực tiễn, các ngành luật, đặc biệt là các nội dung pháp luật liên quan đến lĩnh vực quốc phòng an ninh. Đây là cơ sở để giảng viên chủ động nắm chắc các nội dung, mở rộng tìm hiểu kiến thức, nâng cao chất lượng bài giảng.

4.1.3. Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật phải luôn gắn liền với yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo và phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động quân sự ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Xuất phát từ đặc điểm của đối tượng được giáo dục pháp luật là những

những thanh niên mới bước chân vào môi trường quân ngũ để học tập, rèn luyện. Vì vậy, nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN cần được tổ chức và bám sát với Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam theo Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về các mục tiêu đối với thanh niên Việt Nam. Theo đó, mục tiêu cụ thể đề ra đối với thanh niên Việt Nam là: “Hàng năm, 100% thanh niên trong lực lượng vũ trang, thanh niên là cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” [124]. Đồng thời, đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu đó như:

“Chú trọng giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật, trách nhiệm của thanh niên đối với bản thân, gia đình và xã hội. Kết hợp chặt chẽ giáo dục pháp luật với giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống; Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Luật Thanh niên năm 2020, Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thanh niên” [124].

Để chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội ngày càng được nâng cao thì yêu cầu đặt ra là công tác giáo dục pháp luật phải phù hợp với yêu cầu, hoạt động thực tiễn trong môi trường quân sự. Quá trình GDPL phải bám sát, gắn chặt với thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của học viên sau khi ra trường nhận nhiệm vụ công tác. Điều này thể hiện ở nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên cho phải phù hợp với các chuyên ngành khác nhau để khi ra trường họ sẽ đảm nhiệm là người quản lý, chỉ huy đơn vị ở tất cả các quân, binh chủng, học viện, nhà trường khác nhau trong toàn quân. Ở những vị trí và chức trách đó

họ cần phải hiểu và nắm chắc các quy định của pháp luật để vận dụng và điều hành mọi hoạt động của đơn vị.

Quá trình vận dụng các kiến thức lý luận của pháp luật vào đời sống thực tế là một vấn đề rất phức tạp, đòi hỏi sự nhận thức và vận dụng tổng hợp cao. Do đó, GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội không chỉ đơn thuần là chuyển tải thông tin về những quy định của pháp luật, điều lệnh, điều lệ Quân đội mà là giúp cho họ hiểu rõ bản chất của những quy định này, cần nhận thức sâu sắc mối quan hệ giữa trang bị kiến thức pháp luật với duy trì nghiêm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội. Đồng thời, trong quá trình tiến hành GDPL, người học viên phải được tập duyệt, tiếp cận với thực tế, tạo điều kiện cho họ vừa nâng cao kiến thức lý luận, vừa có năng lực vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống, đặc biệt là trong môi trường quân sự. Thường xuyên phải gắn chặt duy trì nghiêm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội với quy định của đơn vị, tạo môi trường văn hóa pháp lý thuận lợi để học viên rèn luyện thói quen chấp hành pháp luật, kỷ luật và khả năng vận dụng kiến thức pháp luật vào giải quyết các tình huống cụ thể.

Đồng thời, các đối tượng học viên ở các nhà trường quân đội sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ đảm nhiệm các chức trách, nhiệm vụ khác nhau ở khắp mọi vùng, miền, khu vực của đất nước, trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ được giao họ sẽ tham gia thực hiện rất nhiều hoạt động góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc như công tác quản lý, huấn luyện ở các khu vực phức tạp, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội. Để công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội đạt được hiệu quả cao hơn thì vấn đề rất quan trọng là phải gắn với đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu của từng đối tượng học viên, từng chuyên ngành khác nhau để từ đó lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục cho phù hợp. Nếu không căn cứ vào đặc điểm, đặc thù của từng đối tượng học viên sẽ dẫn đến khó xác định đúng nội dung, hình thức và lựa chọn phương pháp phù hợp, từ đó ảnh hưởng đến CLGDPL.

Xuất phát từ sự đa dạng về đối tượng và sự chênh lệch về trình độ, khả năng nhận thức của từng đối tượng học viên ở các nhà trường mà việc lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục cần phải được tiến hành một cách khoa học, thận trọng, trên cơ sở đặc điểm, đặc thù của từng đối tượng học viên. Việc lựa chọn nội dung GDPL cho học viên cần phải bảo đảm tính toàn diện, nhưng có trọng tâm, trọng điểm tập trung vào các vấn đề có liên quan trực tiếp và thường xuyên đến chức trách, nhiệm vụ của từng đối tượng học viên và thực tiễn hoạt động quân sự. Do hệ thống pháp luật nước ta ngày càng phát triển và hoàn thiện, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, nội dung GDPL cho học viên cũng cần phải thường xuyên được cập nhật, bổ sung đáp ứng yêu cầu của thực tiễn môi trường quân đội. Bởi vì, học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội sau khi tốt nghiệp ra trường nhận nhiệm vụ sẽ đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi mới về phẩm chất chính trị, trình độ quân sự, nghiệp vụ về chiến thuật, cách đánh của người chỉ huy, về những kiến thức pháp luật có liên quan đến nhiệm vụ mình đảm nhiệm....Do đó, trong quá trình học tập, rèn luyện cần phải trang bị cho họ những kiến thức pháp luật cần thiết để phục vụ cho những nhiệm vụ đầy khó khăn, phức tạp, bảo đảm cho người chỉ huy luôn sẵn sàng, kịp thời và chủ động ứng phó trong mọi tình huống, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

4.1.4. Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên phải luôn gắn với giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức; kết hợp chặt chẽ với rèn luyện kỷ luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Giáo dục pháp luật là nội dung quan trọng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức. Bởi vì, đường lối chính trị, tư tưởng của Đảng có tính định hướng cho sự phát triển tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và được thể chế hóa thành pháp luật. Nội dung trong các quy định của pháp luật được xuất phát từ quan

điểm, đường lối chính trị, tư tưởng của Đảng. Công tác giáo dục về chính trị, tư tưởng và đạo đức cho học viên yêu cầu đòi hỏi phải quan tâm đến việc bồi dưỡng cho học viên tin tưởng vào lý tưởng cách mạng, vào sự lãnh đạo của Đảng, trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, từ đó tạo sự chuyển biến, vững vàng về tư tưởng và có tác động đến ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, kỷ luật quân đội, coi pháp luật, kỷ luật là nền tảng cho mọi hành động của bản thân. Đạo đức bao gồm những chuẩn mực xã hội điều chỉnh hành vi con người trong quan hệ với người khác và với cộng đồng. Mặc dù các chuẩn mực đạo đức không được ghi nhận thành văn bản có tính pháp quy, song được mọi người thực hiện do sự thôi thúc của lương tâm, lời khen chê và bình phẩm của dư luận xã hội.

Giáo dục pháp luật có mối quan hệ đan xen với giáo dục chính trị, tư tưởng; GDPL tạo khả năng cho việc giáo dục chính trị, tư tưởng; nếu giáo dục chính trị tốt sẽ củng cố quan điểm chính trị cho đối tượng được giáo dục. Do đó, GDPL và giáo dục chính trị, tư tưởng phải được tiến hành song song, kết hợp, bổ sung cho nhau. Ngược lại, nếu không kết hợp giữa GDPL với giáo dục chính trị, tư tưởng thì đó sẽ là áp đặt và hiệu quả đạt được sẽ không cao. Trong thực tiễn, GDPL với giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức có mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời sẽ góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ, chấp hành nghiêm pháp luật của học viên, tạo nên những tiền đề cần thiết để hình thành ở học viên sự tôn trọng sâu sắc đối với pháp luật. Các giá trị đạo đức có thể là cơ sở để xây dựng pháp luật nếu như nguyên tắc đạo đức đó tiến bộ; đồng thời, pháp luật là công cụ để bảo vệ và củng cố các giá trị đạo đức. Vì vậy, cần có các biện pháp phù hợp để rèn luyện, bồi dưỡng giúp học viên có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, GDPL kết hợp với giáo dục đạo đức với tính chất là các biện pháp bổ sung hữu cơ cho nhau bảo đảm sự tác động lên tình cảm, hình thành hành vi hợp pháp, hợp đạo đức ở người học viên.

Để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên, yêu cầu đặt ra đối với các nhà trường quân đội phải luôn nêu cao trách nhiệm, phát huy vai trò của tổ chức đảng và đảng viên cần nhận thức sâu sắc, đầy đủ và toàn diện về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác GDPL với tư cách là bộ phận quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, của từng chi bộ. Cần đẩy mạnh việc quán triệt, phổ biến nội dung chính sách, pháp luật, nhất là các quy định mới ban hành thành một nội dung sinh hoạt chi bộ thường kỳ; nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành Hiến pháp và pháp luật của từng tổ chức đảng và đảng viên; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện thật tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, coi đây là tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các tổ chức đảng và từng đảng viên. Trong quá trình quản lý, điều hành, chỉ huy đơn vị, nếu chỉ dùng pháp luật, điều lệnh, kỷ luật hay mệnh lệnh sẽ không hiệu quả, mà cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa đạo đức và pháp luật để hỗ trợ nhau, phát huy thế mạnh của cả hai phương thức trong công tác này. Vì vậy, GDPL kết hợp với giáo dục đạo đức là điều kiện không thể thiếu để hình thành ở học viên hành vi hợp pháp và hợp với đạo đức, hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật. Thông qua việc kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức làm cho học viên trong đơn vị nhận thức đúng về mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức, lối sống; củng cố, bảo vệ những quan niệm, quan điểm, tư tưởng, chuẩn mực hợp lý, tốt đẹp của đạo đức truyền thống và đạo đức tiến bộ; ngăn chặn, đẩy lùi những hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, quy định của đơn vị; làm cơ sở, tiền đề xây dựng đội ngũ học viên đủ năng lực, phẩm chất hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi điều kiện, hoàn cảnh.

Do tính chất đặc thù của học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội là học tập, rèn luyện và sinh hoạt tập trung trong các doanh trại quân đội; được

biên chế theo các tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, hệ; do đó, để công tác GDPL đạt được hiệu quả cao thì cần phải kết hợp chặt chẽ với công tác rèn luyện kỷ luật, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Kỷ luật là sức mạnh của quân đội, bao gồm tổng thể những điều quy định buộc mọi quân nhân phải triệt để chấp hành nhằm tạo sự thống nhất cao trong hành động, bảo đảm cho quân đội phát huy được sức mạnh, hoàn thành chức năng và nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh, tình huống. Trong hoạt động quân ngũ, tính kỷ luật được thể hiện ở Điều lệnh quản lý bộ đội với 10 lời thề danh dự và 12 điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân đã trở thành công cụ, phương tiện rèn luyện kỷ luật của người quân nhân, góp phần tạo nên sức chiến đấu của quân đội, là phương tiện hữu hiệu của người chỉ huy, quản lý trong công tác giáo dục, rèn luyện bộ đội cũng như trong quan hệ với nhân dân. Thông qua việc kết hợp giữa GDPL với rèn luyện kỷ luật nhằm hình thành và duy trì các mối quan hệ trong sáng, lành mạnh giữa các học viên, xây dựng cho các học viên tư tưởng, đạo đức, lối sống phù hợp với các chuẩn mực văn hóa, đạo đức của xã hội, của Quân đội, phù hợp với các quy định của pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội. Vì vậy, yêu cầu các cấp lãnh đạo ở các nhà trường quân đội cần phải thường xuyên triển khai chặt chẽ các nội dung, biện pháp giáo dục pháp luật kết hợp với rèn luyện kỷ luật theo quy định, đồng thời, yêu cầu các đơn vị phải nắm vững đặc điểm hoạt động, quy định, quy chế của đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ để bổ sung nội dung giáo dục cho phù hợp.

4.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

4.2.1. Nhóm các giải pháp chung

4.2.1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với CLGDPL là yếu tố giữ vai trò quyết định, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN. Trong giai đoạn mới, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra nhiều thách thức đối với Quân đội, tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định phương hướng, mục tiêu: “Xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ” [41, tr 157-158].

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với CLGDPL phải luôn được thực hiện một cách toàn diện, chặt chẽ, có chiều sâu. Đây là yêu cầu khách quan và cần thiết để bảo đảm cho hoạt động GDPL được thực hiện theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, góp phần khắc phục kịp thời những thiếu sót có thể xảy ra trong việc bảo đảm CLGDPL. Do đó, Đảng và Nhà nước ta cần phải luôn quan tâm đến CLGDPL thể hiện thông qua việc ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật về vấn đề này; đưa ra các quan điểm chỉ đạo, định hướng xây dựng, hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác GDPL. Chúng ta thấy rằng, CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN là một bộ phận của chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đây là một trong những nội dung trọng tâm đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong đơn vị của cấp ủy, người chỉ huy các cấp để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật cho mọi quân nhân đang học tập, rèn luyện trong đơn vị mình.

Trên cơ sở đó, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện, đáp ứng với yêu cầu hiện nay về xây dựng quân đội

cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong tình hình mới. Vì vậy, các cấp ủy đảng ở các nhà trường quân đội cần phải tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với việc triển khai tổ chức thực hiện công tác GDPL, phát huy sức mạnh tổng hợp, tăng cường công tác phối hợp, kết hợp giữa các chủ thể thực hiện công tác GDPL với việc quản lý học viên ở các đơn vị trong các nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả, CLGDPL, góp phần xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng đến chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Đây là nhiệm vụ thường xuyên đặt ra đối với các cấp ủy Đảng, lãnh đạo, chỉ huy ở các nhà trường quân đội là phải thường xuyên và kịp thời đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, bảo đảm CLGDPL cho học viên, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ Quân đội, nhiệm vụ của các nhà trường trong thời kỳ mới. Qua đó, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo và vai trò là chủ nhân đất nước của đội ngũ học viên đang học tập, rèn luyện để trở thành những sĩ quan trẻ trong tương lai, tạo ra sức mạnh tổng hợp góp phần nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong thời gian tới.

4.2.1.2. Đẩy mạnh bồi dưỡng, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên về vai trò và tầm quan trọng của chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Để chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội ngày càng được nâng cao thì yêu cầu đặt ra đối với các cấp lãnh đạo, chỉ huy trong quân đội nói chung, ở các nhà trường quân đội nói riêng cần phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm

quan trọng của chất lượng GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN của đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên là những chủ thể trực tiếp thực hiện công tác này, nhằm tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động; nêu cao tinh thần, trách nhiệm trong quá trình thực hiện công tác GDPL. Đây là giải pháp giữ vai trò quan trọng, bao trùm, xuyên suốt đối với việc nâng cao CLGDPL, kỷ luật quân đội cho học viên ở các nhà trường quân đội. Bởi vì, nhận thức là cơ sở của hành động, nhận thức và hoạt động thực tiễn bao giờ cũng có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Nhận thức chỉ đạo, định hướng hành động, có nhận thức đúng mới có trách nhiệm cao và hành động có hiệu quả thiết thực. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức mới làm cho tổ chức đảng, cán bộ chỉ huy, đoàn thể quần chúng, đội ngũ cán bộ, giảng viên báo cáo viên, tuyên truyền viên có trách nhiệm, thái độ đúng đắn trong việc nâng cao CLGDPL; bảo đảm cho nhiệm vụ này được tiến hành một cách chủ động, tích cực và có hiệu quả, khắc phục được những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Thực tiễn CLGDPL ở các nhà trường Quân đội trong thời gian qua cho thấy, nhà trường nào mà lãnh đạo, chỉ huy các cấp có nhận thức đúng đắn, trách nhiệm cao, quan tâm lãnh đạo một cách sâu sát; chỉ đạo, tổ chức chặt chẽ đối với công tác GDPL cho học viên thì kết quả, CLGDPL sẽ được nâng cao, điều này được thể hiện ở kết quả học tập nội dung môn học Nhà nước và pháp luật, ý thức chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, kỷ luật quân đội. Ngược lại, nếu lãnh đạo, chỉ huy các cấp nhận thức không đầy đủ, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chưa chặt chẽ thì kết quả học tập các nội dung về pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội không cao dẫn đến chất lượng thực hiện nhiệm vụ đạt kết quả thấp.

4.2.1.3. Tăng cường bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho học viên

Để chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội đạt được hiệu quả cao trong thực tế thì việc đảm bảo về hệ thống giáo trình, tài liệu và các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác GDPL là yếu tố đóng vai trò rất quan trọng, cần thiết để đáp ứng với yêu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của học viên ở các nhà trường quân đội. Mặc dù đã được đầu tư, nỗ lực khắc phục khó khăn, hiện nay các nhà trường quân đội bước đầu đã có được hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng cơ bản yêu cầu, nhiệm vụ để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nói chung, CLGDPL nói riêng. Tuy nhiên, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác GDPL cần phải được các nhà trường khai thác có hiệu quả hơn, phục vụ đắc lực cho việc nâng cao CLGDPL, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác GDPL; quá trình học tập, nghiên cứu của học viên. Để đáp ứng tốt yêu cầu về CLGDPL trong tình hình mới thì hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho công tác này cần tiếp tục được đầu tư, đổi mới theo hướng hiện đại hóa. Vì vậy, các cơ quan chức năng cần phối hợp với Cục Nhà trường, Bộ Tổng tham mưu cùng với lãnh đạo, chỉ huy ở các nhà trường quân đội quan tâm hơn nữa việc tăng cường, đảm bảo về các điều kiện này góp phần nâng cao CLGDPL; tiến hành nghiên cứu, rà soát hệ thống cơ sở vật chất trong các nhà trường quân đội, từ đó tham mưu với Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về phương hướng, giải pháp đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị trong các nhà trường quân đội bảo đảm luôn phù hợp với mục tiêu, yêu cầu về CLGDPL. Trước mắt, các nhà trường quân đội cần làm tốt việc đầu tư hoàn thiện hạ tầng cơ sở, hoàn thiện và khai thác hiệu quả mạng truyền số liệu quân sự gắn với triển khai hình thức học tập, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật trên mạng trong các nhà trường quân đội; tập trung xây dựng, bổ sung và khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng, kho học liệu số phục vụ nhu cầu tự học, tự nghiên cứu khoa học của học viên. Tiếp tục thực

hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án: “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025*” của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/01/2017. Bên cạnh đó, phải tích cực rà soát, củng cố, hiện đại hóa hệ thống giảng đường, thiết bị dạy học, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, yêu cầu GDPL cho học viên. Theo đó, các nhà trường quân đội cần tập trung một số nội dung sau:

Một là, tăng cường hơn nữa việc xuất bản và bổ sung hệ thống các giáo trình, tài liệu, sách tham khảo, tạp chí chuyên ngành pháp luật, công báo và các loại báo chí, tài liệu tại thư viện các Nhà trường phục vụ cho công tác GDPL; bảo đảm trang bị các loại giáo trình, tài liệu, văn bản pháp luật mới để giảng viên giảng dạy pháp luật, báo cáo viên pháp luật có thể thường xuyên cập nhật kịp thời thông tin pháp luật trong và ngoài quân đội.

Hai là, tăng cường kinh phí, tạo điều kiện cho các chủ thể trực tiếp thực hiện công tác GDPL ở các nhà trường quân đội đi đào tạo, học tập để nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đi nghiên cứu thực tế tại các cơ quan, đơn vị trong toàn quân nhằm tích lũy thêm kinh nghiệm thực tế. Cần phải thường xuyên tăng cường và điều chỉnh các chế độ phụ cấp một cách kịp thời đối với cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật để động viên lòng nhiệt tình, yêu nghề, yên tâm trong công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ba là, tiếp tục xây dựng mới kết hợp với việc nâng cấp, cải tạo các giảng đường, phòng học, phòng Hồ Chí Minh ở các đơn vị học viên, đáp ứng tiêu chuẩn đảm bảo tốt nhất phục vụ cho học viên học tập, nghiên cứu. Trang bị và đưa vào sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, phương tiện dạy học như máy tính, máy chiếu, phòng học đa năng,....

Bốn là, khai thác có hiệu quả hệ thống tủ sách pháp luật ở các đơn vị học

viên. Căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện sinh hoạt, học tập của học viên để xây dựng và tổ chức hoạt động tủ sách pháp luật cho phù hợp. Cung cấp và phổ biến rộng rãi, kịp thời các loại sách, văn bản pháp luật bằng các hình thức thông tin thư mục, hướng dẫn tra cứu và giới thiệu nội dung sách, báo, tài liệu pháp luật trên các bản tin, loa truyền thanh, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật.

Năm là, trang bị hệ thống Internet cho các đơn vị học viên. Cùng với quá trình phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin thì các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò rất lớn trong việc nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt cho học viên, chuyển tải những lượng thông tin về pháp luật khác nhau, tác động vào học viên theo những cách thức khác nhau; vì vậy, cần phải trang bị hệ thống kết nối mạng internet đến các đơn vị học viên, thiết lập website nội bộ, xây dựng bản tin,... trong đó có chuyên mục tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

4.2.2. Nhóm các giải pháp cụ thể

4.2.2.1. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng về tổ chức, bộ máy, con người thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội, cấp trên cần xem xét và tổ chức lại cơ cấu, biên chế, thành phần tham gia giảng dạy pháp luật ở các nhà trường quân đội theo hướng tăng cường số lượng giảng viên pháp luật; chuẩn hóa đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; phát huy được năng lực, sở trường của từng cán bộ, giảng viên. Bên cạnh đó, ở các bộ môn Nhà nước và pháp luật ở một số nhà trường cần phải được biên chế đầy đủ các chức vụ chủ nhiệm, phó chủ nhiệm bộ môn để cùng hỗ trợ với nhau thực hiện có hiệu quả công tác giảng dạy môn học Nhà nước và pháp luật cho học viên.

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, phát triển đất nước thì yêu cầu đặt ra đối với lực lượng vũ trang nói chung, đội ngũ sĩ quan trong QĐNDVN nói riêng luôn đòi hỏi cao về năng lực, trình độ và sự am hiểu các kiến thức về pháp luật của học viên ngay từ khi còn đang học tập, rèn luyện ở các nhà trường quân đội. Vì vậy, các nhà trường phải quan tâm đến công tác xây dựng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, sĩ quan làm công tác giáo dục pháp luật. Nâng cao chất lượng, yêu cầu đội ngũ cán bộ, giảng viên trực tiếp thực hiện công tác GDPL phải nêu cao tinh thần, trách nhiệm, tích cực trau dồi kiến thức; chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm; thường xuyên cập nhật những nội dung, quy định mới của các văn bản quy phạm pháp luật để đưa vào giảng dạy, tuyên truyền, phổ biến góp phần làm phong phú hơn về lượng kiến thức truyền đạt, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tự giác rèn luyện, chấp hành nghiêm pháp luật, kỷ luật Quân đội cho học viên.

Mỗi cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội phải luôn xây dựng động cơ, đề cao trách nhiệm, nâng cao phẩm chất, năng lực nghề nghiệp. Chủ động xây dựng kế hoạch tự học tập, tự nghiên cứu góp phần nâng cao năng lực chuyên môn; tích lũy kiến thức, kỹ năng, học hỏi kinh nghiệm, tác phong sư phạm, nắm vững nội dung, chương trình của môn học để chuyển tải cho đối tượng được giáo dục pháp luật, từ đó hình thành phương pháp, kỹ năng truyền đạt kiến thức cho học viên. Bên cạnh đó, cán bộ, giảng viên còn phải thường xuyên trau dồi tri thức, tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phấn đấu đạt kết quả cao trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Rèn luyện cho mình có phong cách làm việc khoa học, sâu sát, tận tình, có thái độ văn minh, lịch sự trong giao tiếp, ứng xử với học viên. Cùng xây dựng tập thể đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ; chấp hành

nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định, nội quy, quy chế của nhà trường.

Đồng thời, các nhà trường quân đội cần phải tăng cường các hoạt động về thực tiễn trải nghiệm môi trường quân sự của cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật. Đây là hoạt động phản ánh sự thống nhất giữa nhà trường với đơn vị, học đi đôi với hành, lý thuyết với thực tiễn. Hoạt động thực tiễn quân sự là môi trường thuận lợi để mỗi cán bộ, giảng viên ở các nhà trường quân đội có điều kiện nắm bắt thông tin, có thể kịp thời điều chỉnh, liên hệ, vận dụng vào trong quá trình GDPL. Thông qua việc đi tham quan, nghiên cứu thực tế ở các đơn vị cơ sở để cán bộ, giảng viên được trải nghiệm qua các cương vị, chức danh lãnh đạo, chỉ huy đơn vị theo quy định của Bộ Quốc phòng; được cập nhật các thông tin khoa học quân sự và hoạt động thực tiễn quân sự ở đơn vị cơ sở.

4.2.2.2. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho phù hợp với từng đối tượng học viên thuộc các chuyên ngành khác nhau.

- Xây dựng nội dung, chương trình dạy và học môn Nhà nước và pháp luật phải phù hợp với từng đối tượng học viên.

Xây dựng nội dung, chương trình GDPL cho phù hợp với từng đối tượng học viên ở các nhà trường quân đội là một giải pháp quan trọng có ảnh hưởng đến CLGDPL. Nếu đối tượng được GDPL mà không được trang bị đầy đủ các kiến thức cần thiết về pháp luật sẽ dẫn đến trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ huy, quản lý đơn vị sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ khó khăn, lúng túng trong việc xử lý các tình huống pháp luật xảy ra trong đơn vị mình. Do đó, để đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các nhà trường quân đội, các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng và các nhà trường quân đội cần nghiên cứu, triển khai xây dựng và đổi mới toàn diện nội dung, chương trình GDPL theo hướng chuẩn hóa,

tăng thêm nội dung và thời lượng cho môn học về pháp luật; hệ thống các kiến thức pháp luật cần giáo dục phải phù hợp với từng đối tượng học viên, bảo đảm được những kiến thức cần thiết để họ có thể vận dụng linh hoạt và xử lý được các tình huống trong quá trình quản lý bộ đội sau này.

Cùng với việc học tập và nghiên cứu các nội dung chuyên ngành về lĩnh vực quân sự, các nhà trường quân đội cần phải tăng thêm nội dung và thời lượng dành cho môn học Nhà nước và pháp luật. Với thời lượng như hiện nay, theo tác giả chưa bảo đảm được việc chuyển tải đầy đủ các nội dung cần thiết, phù hợp cho học viên sau khi tốt nghiệp sẽ trở thành những cán bộ, sĩ quan giữ các chức vụ lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị trong toàn quân. Khi đó, họ sẽ đảm nhiệm là người chỉ huy, quản lý đơn vị và tham gia trực tiếp công tác GDPL, tổ chức thực hiện pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ thuộc quyền. Các nhà trường quân đội cần phải thường xuyên tiến hành rà soát, bổ sung các nội dung, chương trình GDPL bảo đảm khoa học, phù hợp giữa lý luận với thực hành, sát với đối tượng và mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các nhà trường quân đội; cần phải cơ cấu lại nội dung theo hướng giảm bớt các nội dung về lý luận, tăng thêm nội dung các ngành luật, các văn bản pháp luật có liên quan đến quốc phòng, an ninh; bổ sung thêm nội dung và thời gian thực hành về các bài tập tình huống sát với thực tế quá trình công tác và trong cuộc sống hàng ngày của người quân nhân. Các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng và các nhà trường quân đội nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo chuyên sâu pháp luật cho học viên tại một số trung tâm, nhà trường để phục vụ cho các đơn vị trong toàn quân theo hướng chuyên nghiệp hóa, học viên sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ vận dụng các kiến thức pháp luật đã được học vào quá trình quản lý bộ đội và tư vấn pháp lý ở các đơn vị.

- Nội dung, chương trình giáo dục pháp luật phải bám sát với yêu cầu thực tiễn cách mạng, phù hợp với sự phát triển của Quân đội hiện nay

Cùng với việc đổi mới nội dung, chương trình GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội theo hướng cơ bản, toàn diện, chuyên sâu, có trọng tâm, trọng điểm, sát với thực tế từng lĩnh vực, chuyên môn của học viên thì yêu cầu về chuẩn hóa nội dung, chương trình GDPL còn phải bám sát với yêu cầu thực tiễn cách mạng, phù hợp với sự phát triển của quân đội là yếu tố cơ bản, quan trọng quyết định đến hiệu quả, CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN. Hiện nay, sự phát triển một cách nhanh chóng các quan hệ xã hội trong các lĩnh vực của đời sống xã hội cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng; căn cứ vào điều kiện, đặc điểm, tình hình và nhiệm vụ của cách mạng, nhiệm vụ của Quân đội trong tình hình mới thì yêu cầu, đòi hỏi đặt ra đối với lãnh đạo, chỉ huy các cấp của Bộ Quốc phòng, các nhà trường quân đội phải phối hợp với các cơ quan chức năng để xây dựng nội dung, chương trình GDPL bám sát yêu cầu thực tiễn cách mạng, phù hợp với yêu cầu phát triển của quân đội hiện nay. Việc xác định nội dung, chương trình GDPL cho học viên ở các nhà trường phải căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu đào tạo và trên cơ sở khung chương trình của Cục Nhà trường, Bộ Tổng tham mưu - Tổng cục Chính trị kết hợp với tăng cường đưa các nội dung pháp luật về quốc phòng, an ninh vào chương trình giáo dục chính khóa và ngoại khóa. Hiện nay, ngoài các nội dung, chương trình theo quy định tại Thông tư số 42/TT-BQP ngày 30/3/2016 của Bộ Quốc phòng; Quyết định số 1650/QĐ-CT ngày 20/10/2018 của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, các nhà trường quân đội cần tăng cường và phải triển khai đưa nội dung Luật nhân đạo quốc tế; GDPL về quyền con người theo Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân” vào chương trình giáo dục chính khóa cho học viên.

- *Thường xuyên đổi mới và nâng cao chất lượng thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên ở các nhà trường quân đội.*

Thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với môn học nhà nước pháp luật của học viên là một khâu quan trọng của quá trình giáo dục đào tạo, giúp cho người dạy và người học điều chỉnh phương pháp dạy và học. Vì vậy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên, học viên về công tác thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; chú trọng xây dựng động cơ, thái độ, mục đích học tập đúng đắn cho học viên, tạo bầu không khí học tập nghiêm túc, phê phán và đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện tiêu cực trong quá trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; phát huy tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên trong tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, nhất là khâu coi thi, chấm thi, xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả học tập của học viên theo hướng đề cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn.

Bên cạnh đó, cần phải đẩy mạnh và phát huy vai trò của chỉ huy khoa, bộ môn trong việc duy trì nền nếp, quy định; tăng cường kiểm tra, rút kinh nghiệm, kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý những biểu hiện sai trái trong quá trình thực hiện. Đồng thời, cần nêu cao ý thức trách nhiệm ở mỗi cán bộ, giảng viên trong quá trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học, đặt ra yêu cầu cao để từng người phấn đấu, đẩy mạnh hoạt động tự giám sát và giám sát lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Nhà nước và pháp luật của học viên.

4.2.2.3. Tăng cường đổi mới, đa dạng hoá các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật, kết hợp giáo dục pháp luật với công tác xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam

- *Đối với việc giảng dạy môn học Nhà nước và pháp luật theo chương trình chính khóa*

Căn cứ vào chương trình đào tạo toàn khóa của học viên và kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, GDPL hằng năm của cấp trên, các nhà trường quân đội cần phải tăng cường chỉ đạo các cơ quan, khoa, đơn vị học viên sử dụng và kết hợp tốt các hình thức, phương pháp GDPL khác nhau để nâng cao kiến thức và ý thức chấp hành pháp luật cho người học. Trên cơ sở đó, đề đội ngũ thực hiện công tác GDPL tích cực tìm tòi, lựa chọn và áp dụng các hình thức, phương pháp GDPL phù hợp nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học, tự nghiên cứu của học viên.

Đối với việc giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật theo chương trình chính khóa là hình thức trọng tâm có ý nghĩa quan trọng tác động tích cực đến việc hình thành tri thức, ý thức pháp luật, tạo nên thói quen chấp hành và tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình học tập, rèn luyện ở đơn vị cũng như vận dụng vào thực tiễn quản lý bộ đội sau này. Căn cứ vào đặc điểm đặc thù của công tác dạy học trong quân đội, tính chất, nhiệm vụ đào tạo, đặc điểm của người học mà cán bộ, giảng viên cần phải thường xuyên tích cực đổi mới và vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng đối tượng học viên; phát huy tính tích cực của người học như: thuyết trình, nêu vấn đề, đàm thoại kết hợp với việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo;.... Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình các bước như giảng dạy trên lớp, thảo luận, hướng dẫn viết thu hoạch, viết thu hoạch, ôn tập, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Để thực hiện tốt các hình thức, phương pháp trên, cán bộ, giảng viên cần phải tích cực, chủ động việc thiết kế, trình bày bài giảng và giảng dạy trên lớp kết hợp với giảng giải, phân tích, lấy ví dụ thực tiễn để chứng minh; liên hệ vận dụng vào thực tiễn hoạt động quân sự nhằm tạo cho học viên sự hứng thú, tập trung theo dõi, lắng nghe trong quá trình học tập, nghiên cứu. Yêu cầu 100% các giảng viên phải thành thạo trong

việc biên soạn bài giảng, có bài giảng sử dụng máy chiếu để truyền đạt cho người học một khối lượng thông tin cần thiết, có hệ thống giúp cho học viên nắm được những vấn đề, yêu cầu của môn học.

- Đối với hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ngoại khóa

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, GDPL ngoại khóa giữ vai trò quan trọng đối với việc bổ sung và bồi đắp thêm những kiến thức, sự hiểu biết về pháp luật cho học viên. Bên cạnh việc giảng dạy môn học Nhà nước và pháp luật nằm trong nội dung, chương trình chính khóa thì các nhà trường quân đội cần phải thường xuyên quan tâm, chú trọng; chủ động tổ chức các hình thức giáo dục ngoại khóa, kết hợp với giáo dục chính trị tại đơn vị, sinh hoạt, tìm hiểu pháp luật nhằm trang bị cho học viên các kiến thức pháp luật cũng như kỹ năng giải quyết một cách chủ động, hiệu quả đối với các tình huống phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu của hoạt động quân sự. Các nhà trường quân đội cần phải tích cực tổ chức các chuyên đi tham quan, sinh hoạt chuyên đề để tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu các chuyên đề, các văn bản quy pháp luật liên quan đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực quốc phòng, an ninh; thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật nhằm mở rộng thêm những kiến thức và các quy định của pháp luật, thông qua cuộc thi để đánh giá, kiểm tra mức độ hiểu biết các kiến thức pháp luật của học viên. Các hình thức tuyên truyền, phổ biến cụ thể là: Giới thiệu các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành; biên soạn, phát hành tài liệu tham khảo cho học viên; Tuyên truyền, phổ biến thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; qua mạng Internet; Tổ chức thành lập các “câu lạc bộ pháp luật” ở các tiểu đội, trung đội, đại đội học viên.

4.2.2.4. Tiếp tục nâng cao nhận thức, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong hoạt động tự học tập, tự nghiên cứu và rèn luyện của học viên

Đây là giải pháp mang tính quyết định nâng cao kiến thức, phẩm chất, năng

lực về pháp luật của mỗi học viên. Để nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong thời gian tới, phải đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, giáo dục cho học viên hiểu rõ về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của tri thức pháp luật; từ đó, tạo động lực cho họ niềm đam mê học tập, nghiên cứu, lĩnh hội những tri thức pháp luật phục vụ cho quá trình công tác sau này. Tránh hiện tượng trong quá trình học tập học viên chỉ quan tâm, chú trọng đến các nội dung chuyên ngành, các nội dung liên quan đến lĩnh vực quân sự, không coi trọng việc học tập, nghiên cứu nội dung Nhà nước và pháp luật.

Quá trình nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội là một chỉnh thể thống nhất, bao gồm hoạt động có mục đích của các chủ thể thực hiện công tác GDPL và phát huy vai trò tích cực, chủ động, tự giác trong tự học tập, tự nghiên cứu và rèn luyện của học viên. Tự học tập, tự nghiên cứu không chỉ là nhu cầu, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên mà còn là con đường duy nhất để học viên cập nhật thông tin, bổ sung tri thức, kiến thức, hoàn thiện nhân cách, phẩm chất, năng lực của người quân nhân cách mạng, nhằm đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của quân đội trong tình hình mới. Vì vậy, để việc tự học tập, tự nghiên cứu, rèn luyện của học viên đạt được hiệu quả cao, mỗi học viên cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, xây dựng động cơ, đề cao trách nhiệm trong tự học tập, tự nghiên cứu, rèn luyện nâng cao năng lực, phẩm chất, trình độ hiểu biết pháp luật của học viên.

Khi nói đến động cơ là nói đến yếu tố bên trong thúc đẩy hoạt động của con người, vì vậy, động cơ tự học tập, tự nghiên cứu của học viên được nảy sinh từ đòi hỏi của mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ học tập và công tác, cũng như mong muốn được tiếp cận, nắm bắt kiến thức của học viên. Nếu xác định động cơ đúng đắn, học viên sẽ có ý chí, nghị lực khắc phục mọi khó khăn, thử thách để đạt được kết quả cao trong quá trình học tập, rèn luyện. Do đó, việc xây dựng động

cơ, nêu cao trách nhiệm trong tự học tập, tự nghiên cứu, rèn luyện nâng cao năng lực, phẩm chất, kiến thức pháp luật là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng của người học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội. Bản thân mỗi học viên phải thường xuyên trau dồi tri thức, tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống và phấn đấu kết quả cao trong quá trình học tập, rèn luyện; phải nhận thức đúng vai trò, tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu, đồng thời, mỗi học viên cần phải xác định việc tự học, tự nghiên cứu là một nhiệm vụ quan trọng để nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chây lười, phấn đấu cầm chừng, thỏa mãn dừng lại.

Hai là, mỗi học viên cần phải chủ động xây dựng kế hoạch tự học tập, tự nghiên cứu, rèn luyện một cách khoa học. Để có kết quả tự học tập, tự nghiên cứu nội dung pháp luật đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, đòi hỏi học viên phải chủ động xây dựng kế hoạch một cách khoa học, sát với tình hình thực tiễn học tập, rèn luyện ở đơn vị, có quyết tâm cao trong hiện thực hóa kế hoạch đã xác định. Kế hoạch tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện của học viên phải thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức và thực hiện, đồng thời xác định yêu cầu trong tự học tập, tự nghiên cứu phải rõ ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng, điều kiện cụ thể của đơn vị. Phải sắp xếp thời gian hợp lý, nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch đã xác định; phải tự giác, kiên trì, tận dụng mọi thời gian và rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành các nội dung học tập tránh tình trạng làm kế hoạch chiếu lệ, nội dung học tập, nghiên cứu, rèn luyện chung chung, dàn trải, đồng thời, phải luôn chủ động tận dụng thời gian, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu đã đặt ra.

Ba là, tăng cường công tác kiểm tra, quản lý việc tự học tập, tự nghiên cứu, rèn luyện nâng cao kiến thức, phẩm chất, năng lực của học viên

Mục đích của kiểm tra, quản lý, đánh giá kết quả việc tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện nhằm nâng cao hiểu biết, tạo sự chuyển biến về chất lượng học tập nội dung pháp luật, thấy rõ được năng lực, tinh thần, trách nhiệm và kết quả phấn đấu học tập của của học viên, cũng như việc đánh giá tinh thần chủ động khắc phục khó khăn, không ngừng phấn đấu vươn lên của từng học viên.

Để chất lượng của việc tự học tập, tự nghiên cứu nội dung pháp luật của học viên ngày càng được nâng cao thì đội ngũ cán bộ, chỉ huy các đơn vị học viên cần phải thường xuyên động viên về vật chất, tinh thần để khích lệ và đẩy mạnh phong trào tự học tập, tự nghiên cứu của học viên trong đơn vị; gắn kết quả tự học, tự nghiên cứu và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ với bình xét thi đua khen thưởng, đánh giá chất lượng học tập của học viên trong từng năm học. Đấu tranh với những biểu hiện lười học, ngại học, lười nghiên cứu, coi thường việc tự học, tự nghiên cứu, không thường xuyên cập nhật kiến thức, thông tin mới để nâng cao tri thức về pháp luật.

4.2.2.5. Tăng cường việc phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong tổ chức thực hiện, bảo đảm chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên

Trong các nhà trường QĐNDVN, mỗi cơ quan, khoa, đơn vị đều có các chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng đều hướng tới mục đích chung là nâng cao nhận thức, ý thức, thái độ, hành vi pháp luật cho học viên, vận dụng các kiến thức về pháp luật vào quá trình chỉ huy, quản lý đơn vị sau khi tốt nghiệp ra trường. Do đó, để CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN ngày càng được nâng cao thì việc phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng có ý nghĩa trong việc thống nhất về mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp GDPL, tạo ra môi trường văn hóa quân sự tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực trong quá trình GDPL; góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp trong tổ chức thực hiện. Đặc biệt, cần có sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, khoa, bộ môn với

cán bộ quản lý đơn vị để nâng cao CLGDPL cho học viên, góp phần xây dựng đơn vị nền nếp, chính quy, rèn luyện pháp luật, kỷ luật quân đội.

Để phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong tổ chức thực hiện, bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, việc phối hợp giữa các lực lượng phải được tiến hành ngay từ khi xây dựng chương trình, kế hoạch GDPL nhằm thống nhất về nội dung, phương pháp, thời gian địa điểm, hình thức tổ chức, phương tiện vật chất phục vụ công tác GDPL

Hai là, xác định nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị; trong đó xác định rõ cơ quan chủ trì, đơn vị tham gia phối hợp. Tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng theo chức năng, quyền hạn của từng chủ thể, tránh hiện tượng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ dẫn đến buông lỏng công tác GDPL.

Ba là, tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các lực lượng trong các hình thức học tập chuyên đề, quán triệt, sinh hoạt, tọa đàm, trao đổi, tham quan, thi tìm hiểu, các phong trào thi đua gắn với các chủ đề pháp luật. Qua đó, giúp cho học viên từng bước hình thành các phẩm chất pháp luật, kịp thời giáo dục cảm hóa, ngăn chặn những biểu hiện, hành vi coi thường pháp luật, kỷ luật quân đội.

4.2.2.6. *Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát; tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức, cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trong việc bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội là hoạt động rất cần thiết và không thể thiếu, bởi vì, thông qua hoạt động này mới đánh giá được hiệu quả, CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội. Kiểm tra, giám sát là những nội dung lãnh đạo quan trọng đối với

các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước; bất kỳ một hoạt động nào nếu thiếu sự kiểm tra, giám sát thì chất lượng, hiệu quả của hoạt động đó đạt được sẽ không cao. Thông qua kiểm tra, giám sát để các cấp lãnh đạo, chỉ huy có thể phát hiện, phòng ngừa và chấn chỉnh được những thiếu sót, khuyết điểm còn tồn tại đối với các chủ thể có liên quan đến CLGDPL khi chưa thực hiện hoặc ngay sau khi xảy ra những thiếu sót, khuyết điểm và nguyên nhân của nó. Từ đó, các cấp lãnh đạo, chủ huy đưa ra những phương án, biện pháp phù hợp để giải quyết một cách đúng đắn và khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót và xử lý những vi phạm đó. Để thực hiện tốt công tác này, yêu cầu đặt ra đối với Đảng ủy, Ban Giám đốc (Ban giám hiệu); Hội đồng phối hợp phổ biến, GDPL; các phòng, khoa, bộ môn thực hiện công tác GDPL và chỉ huy các đơn vị học viên cần phải đẩy mạnh việc xây dựng nội dung, kế hoạch, hình thức kiểm tra, giám sát và cần phải được tiến hành một cách thường xuyên, có hệ thống theo định kỳ hoặc đột xuất về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội chỉ thực sự đạt được hiệu quả cao và có chất lượng khi có sự kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động kiểm tra, giám sát của cấp trên với cấp dưới và có sự phối hợp chặt chẽ của đội ngũ cán bộ, chỉ huy trong các đơn vị học viên.

Bên cạnh công tác kiểm tra, giám sát, các cấp lãnh đạo, chỉ huy các nhà trường cần phải thường xuyên tiến hành việc tổng kết, rút kinh nghiệm về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội nhằm để đánh giá đúng thực trạng về công tác tổ chức thực hiện, kết quả, hạn chế của CLGDPL cho học viên; từ đó, tìm ra nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình GDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội. Đồng thời, thông qua việc tổng kết, rút kinh nghiệm về CLGDPL để Hội đồng phối hợp phổ biến, GDPL cùng với lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, khoa, đơn vị trong các nhà trường quân đội tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện một cách

chặt chẽ, bám sát với yêu cầu, nhiệm vụ của các đơn vị học viên để tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm về CLGDPL cho học viên, thấy được những thuận lợi và khó khăn, khắc phục những thiếu sót, bất cập để kịp thời tìm ra những biện pháp phù hợp với đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ học tập và rèn luyện của từng đơn vị học viên góp phần nâng cao CLGDPL ở các nhà trường Quân đội.

Thông qua hoạt động tổng kết, rút kinh nghiệm về CLGDPL để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các nhà trường quân đội có cơ hội để trao đổi, học hỏi, rút kinh nghiệm lẫn nhau, từ đó phát hiện được những điển hình tiên tiến trong quá trình tổ chức, thực hiện công tác giáo dục pháp luật, cũng như việc chấp hành pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội của học viên để kịp thời khen thưởng, biểu dương đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ góp phần nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội; tiếp tục nhân rộng điển hình cho các tổ chức, cá nhân và học viên trong các nhà trường noi gương học tập.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trên cơ sở đánh giá thực trạng về CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, tác giả đã đưa ra các quan điểm, đề xuất và làm rõ một số giải pháp cơ bản, hữu hiệu nhằm nâng cao CLGDPL trong các nhà trường Quân đội như: Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức đối với CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; Đẩy mạnh bồi dưỡng, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, giảng viên về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; Tăng cường bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ công tác GDPL cho học viên; Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng về tổ chức, bộ máy, con người thực hiện công tác GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; Tiếp tục đổi

mới và hoàn thiện nội dung, chương trình GDPL cho phù hợp với từng đối tượng học viên; Tăng cường đổi mới, đa dạng hoá các hình thức, phương pháp GDPL, kết hợp GDPL với công tác xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; Tiếp tục nâng cao nhận thức, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong hoạt động tự học tập, tự nghiên cứu và rèn luyện của học viên; Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát; tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng đối với các tổ chức, cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trong việc bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN.

Để các giải pháp trên đi vào thực tiễn và đạt được hiệu quả cao thì cần phải luôn nêu cao nhận thức của các chủ thể tiến hành thực hiện GDPL, sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể đó, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, rèn luyện của học viên. Trong quá trình thực hiện cần phải thực hiện một cách đồng bộ, kết hợp chặt chẽ giữa các giải pháp trên, không được coi trọng hoặc xem nhẹ giải pháp nào sẽ góp phần nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, yêu cầu, đòi hỏi các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong QĐNDVN cần phải thường xuyên tăng cường, nâng cao chất lượng công tác giáo dục, tuyên truyền và phổ biến pháp luật nhằm xây dựng, hình thành và phát triển ý thức pháp luật cho mọi quân nhân. Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN là vấn đề quan trọng góp phần phát triển một cách toàn diện về năng lực, phẩm chất và nhân cách của người học viên đào tạo sĩ quan; đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của các nhà trường quân đội, xây dựng quân đội ngày càng vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Trước yêu cầu đặt ra đối với Quân đội ngày càng cao về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc hiện nay thì việc nâng cao năng lực, trình độ toàn diện cho đội ngũ học viên đang học tập, rèn luyện ở các nhà trường quân đội là nguồn sĩ quan trong tương lai là rất cần thiết; trong đó, ý thức, hành vi chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của mỗi quân nhân giữ vai trò rất quan trọng, góp phần hình thành thói quen “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Vì vậy, trong thời gian tới các nhà trường QĐNDVN cần phải triển khai và tổ chức thực hiện công tác GDPL một cách quyết liệt hơn, hiệu quả hơn, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, góp phần nâng cao CLGDPL, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy của người cán bộ, sĩ quan QĐNDVN, không để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội, thực sự là lực lượng nòng cốt trong QĐNDVN, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Qua nghiên cứu, tham khảo các công trình khoa học đã được công bố trong

thời gian qua, luận án “*Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*” đã tổng quan về tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài như cơ sở lý luận về GDPL nói chung và GDPL trong QĐNDVN nói riêng,. Ngoài ra, một số nội dung liên quan đến các vấn đề về lý luận, thực trạng, giải pháp nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN đã được một số công trình tiếp cận, luận giải dưới các góc độ khác nhau; song chưa có công trình nào tiếp cận và nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu dưới góc độ Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật các vấn đề về lý luận, thực trạng và giải pháp để nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN hiện nay. Vì vậy, luận án là công trình khoa học độc lập, không trùng lặp với các công trình khoa học đã được công bố. Luận án tập trung làm rõ thêm khái niệm, đặc điểm, vai trò của GDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; khái niệm, các tiêu chí đánh giá và điều kiện bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN.

Thông qua việc nghiên cứu, phân tích các tài liệu liên quan và tiến hành khảo sát thực tế, luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội. Qua đánh giá thực trạng cho thấy, mặc dù trong thời gian qua CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN đã đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn một số hạn chế như công tác GDPL chưa được các nhà trường quan tâm đúng mức, nội dung, chương trình và thời lượng GDPL còn chưa hợp lý; hình thức, phương pháp tổ chức GDPL cho học viên còn chậm được đổi mới; vai trò, trách nhiệm của các chủ thể tham gia GDPL và ý thức học tập, rèn luyện của học viên còn chưa tích cực dẫn đến hiệu quả đạt được chưa cao. Bên cạnh đó, luận án cũng chỉ rõ những nguyên nhân của thực trạng CLGDPL cho học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay. Trên cơ sở đó, luận án đã đưa ra các quan điểm (04 quan điểm) và đề xuất một số giải pháp (09 giải pháp)

nhằm nâng cao hơn nữa CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN trong thời gian tới. Các quan điểm có mối quan hệ chặt chẽ, mang tính định hướng yêu cầu các chủ thể bảo đảm CLGDPL cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN phải quán triệt và tuân thủ đầy đủ trong quá trình tổ chức thực hiện. Các giải pháp được đề xuất yêu cầu phải được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ mới mang lại hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao CLGDPL cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trịnh Văn Hưng (2017), “Giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, (Số đặc biệt, 1/2017), tr.140-142.
2. Trịnh Văn Hưng (2017), “Một số yêu cầu kết hợp giữa lý luận với thực tiễn trong dạy và học môn nhà nước và pháp luật ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (255, 4/2017), tr.108-111.
3. Trịnh Văn Hưng (2021), “Một số biện pháp kết hợp giáo dục pháp luật với rèn luyện kỷ luật trong quân đội hiện nay”, *Tạp chí Công thương*, (11, 5/2021), tr.305-309.
4. Trịnh Văn Hưng (2021), “Tăng cường giáo dục pháp luật về quyền con người cho học viên trong các trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (305, 6/2021), tr.76-79.
5. Trịnh Văn Hưng (2021), “Giáo dục pháp luật, rèn luyện kỷ luật cho học viên các trường quân đội theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (Số chuyên đề Quý IV - 2021), tr.52-55.
6. Trinh Văn Hưng (2021), “Legal education and discipline training for students in military schools according to Ho Chi Minh Thought”, *Political Theory*, Vol 31. Dec, 2021, pp.71-75.
7. Trinh Văn Hưng (2021), “Solutions to enhance the quality of legal education For students military schools nowadays”, *State Management Review*”, Volum 1(28). Number 2, December 2021, pp.87-92.
8. Trinh Van Hung (2022), “Promoting legal education for ethnic minorities in Thanh Hoa province, contributing to socio-economic development in the post-covid-19 period”, (*International conference proceedings*): *Local economic and social development in the post Covid-19 era*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, pp.330-339.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu Tiếng Việt

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2003), *Chỉ thị số 32/CT - TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”*, Hà Nội.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011), *Kết luận số 04 - KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX), Về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”*, Hà Nội.
3. Nguyễn Thúc Bảo (2004), “Quá trình và chủ thể giáo dục pháp luật ở nước ta”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 04/2004.
4. Nguyễn Huy Bằng (chủ biên) (2009), *Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Vũ Thị Bình (2013), “Đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong các nhà trường quân đội”, *Tạp chí Nhà trường quân đội*, số 05/2013, tr. 59 - 61.
6. Bộ Quốc phòng (2010), *Quyết định số 917-QĐ/CT ngày 30/6/2010 của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam về việc ban hành chương trình môn học Khoa học xã hội và nhân văn đào tạo sĩ quan cấp phân đội-bậc đại học, cấp chiến thuật, chiến dịch tại các học viện, trường sĩ quan Quân đội*. Hà Nội.
7. Bộ Quốc phòng (2013), *Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong quân đội giai đoạn 2011-2020*. NXB QĐND, Hà Nội.
8. Bộ Quốc phòng (2016), *Thông tư số 51/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ Quốc Phòng ban hành Điều lệ công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*. Hà Nội.

9. Bộ Quốc phòng, *Thông tư số 42/TT-BQP ngày 30/3/2016 của Bộ Quốc phòng quy định về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Bộ Quốc phòng*. Hà Nội.
10. Bộ Quốc Phòng (2018), *Quyết định số 889/QĐ-BQP, ngày 22/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành kế hoạch hành động của hệ thống nhà trường quân đội trước tác động của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư giai đoạn 2018-2020 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
11. Bộ Quốc phòng (2018), *Chỉ thị số 89/CT-BQP, ngày 04/4/2018 của Bộ Quốc phòng về việc tăng cường tổng kết thực tiễn công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu gắn với công tác giáo dục, đào tạo của các nhà trường quân đội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.
12. Bộ Quốc phòng (2019), *Quốc phòng Việt Nam 2019* (Sách trắng Quốc phòng), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
13. Bộ Quốc phòng (2020), *Báo cáo số 3927/BC-BQP ngày 19/10/2020 của Bộ Quốc phòng về tổng kết thực hiện chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong Quân đội giai đoạn 2011 - 2020*, Hà Nội.
14. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Nghiên cứu nâng cao chất lượng dạy học pháp luật ở Học viện Biên phòng*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ Tổng Tham mưu, Học viện Biên phòng, Hà Nội.
15. Bộ Tổng tham mưu - Cục Quân huấn (2015), *Thông báo số 3536/TB-QH ngày 08/12/2015 về “Tình hình chấp hành kỷ luật và an toàn giao thông của toàn quân năm 2015”*, Hà Nội.
16. Bộ Tổng tham mưu - Cục Quân huấn (2016), *Thông báo số 3617/TB-QH ngày 02/12/2016 về “Tình hình chấp hành kỷ luật và an toàn giao thông toàn quân trong năm 2016”*, Hà Nội.

17. Bộ Tổng tham mưu - Cục Quân huấn (2017), Thông báo số 4262/TB-QH ngày 24/11/2017 về *“Tình hình vi phạm kỷ luật và an toàn giao thông của toàn quân năm 2017”*, Hà Nội.
18. Bộ Tổng tham mưu - Cục Quân huấn (2018), Báo cáo số 4389/BC-QH ngày 19/12/2018 về *“Tình hình vi phạm kỷ luật và mất an toàn trong toàn quân năm 2018”*, Hà Nội.
19. Bộ Tổng tham mưu - Cục Quân huấn (2019), Báo cáo số 4004/BC-QH ngày 06/12/2019 về *“Tình hình chấp hành kỷ luật của toàn quân năm 2019”*, Hà Nội.
20. Bộ Tổng tham mưu - Cục Quân huấn (2020), Báo cáo số 3430/BC-QH ngày 24/11/2020 về *“Tình hình chấp hành kỷ luật, bảo đảm an toàn của toàn quân”*, Hà Nội.
21. Bộ Tổng tham mưu-Cục Quân huấn (2021), Báo cáo số 4140/TB-QH ngày 29/11/2021 về *“Tình hình chấp hành kỷ luật của toàn quân năm 2021”*, Hà Nội.
22. Bộ Tổng tham mưu (2022), Báo cáo số 2827/BC-TM ngày 19/9/2022 về *“Tình hình vi phạm kỷ luật, mất an toàn trong huấn luyện của các học viện, trường năm học 2021-2022”*, Hà Nội.
23. Bộ Tư pháp (2006), *Cẩm nang phổ biến, giáo dục pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
24. Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 14/TTLT - BTP - BTC ngày 27/01/2014, *“Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở”*. Hà Nội.
25. Chính phủ (2007), Nghị quyết 61/NQ - CP ngày 07/12/2007, *Về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân”*. Hà Nội.

26. Phạm Kim Dung (2006), “Giáo dục pháp luật trong Nhà trường - những vấn đề đặt ra hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số chuyên đề Phổ biến, giáo dục pháp luật.
27. Bùi Văn Dũng (2014), “Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số 337/2014.
28. Phan Hồng Dương (2008), “Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học”, *Tạp chí Giáo dục*, số 190/2008
29. Phan Hồng Dương (2014), *Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
30. Đại học Quốc gia Hà Nội - Khoa Luật (2010), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
31. Dương Văn Đại (2014), *Vai trò giáo dục pháp luật đối với phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam thuộc Bộ Công an (Nghiên cứu trường hợp trại giam Nam Hà)*, Luận án Tiến sĩ Xã hội học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”*, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, 2, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
42. Đảng ủy Quân sự Trung ương (1994), *Nghị quyết số 93/NQ-ĐUQSTW ngày 01/6/1994 về “tiếp tục đổi mới đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật và xây dựng nhà trường chính quy”*, Hà Nội.
43. Đảng ủy quân sự Trung ương (1998), *Nghị quyết số 94 - NQ/ĐUQSTW ngày 29/4/1998 về việc “xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội trong thời kỳ mới”*, Hà Nội.
44. Lê Quý Đình (1991), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường phổ thông ở nước ta hiện nay*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Nguyễn Ái Quốc, Hà Nội.
45. Nguyễn Minh Đoan (2014), *Hướng dẫn môn học Lý luận Nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
46. Đỗ Thành Đô (2016), *Giáo dục ý thức pháp luật cho sinh viên các trường đại học ở các tỉnh Trung Trung Bộ trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

47. Nguyễn Văn Đông (Chủ biên) (2017), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật (Dùng cho đào tạo đại học và trên đại học ngành luật)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
48. Trần Ngọc Đường (1986), *Giáo dục pháp luật cho người lao động trong điều kiện đổi mới của Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Nguyễn Ái Quốc, Hà Nội.
49. Trần Ngọc Đường - Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Trần Ngọc Đường (chủ biên) (1999), *Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ của Khoa Nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
51. Đỗ Thị Thu Hằng (2017), *Quản lý hoạt động tham gia giáo dục pháp luật cho sinh viên không chuyên luật trong các trường đại học*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
52. Hồ Việt Hiệp (2004), *Sự phát triển ý thức pháp luật của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
53. Bùi Hiền (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
54. Nguyễn Huy Hiệu (2003), “Đẩy mạnh hơn nữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong lực lượng vũ trang”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số 01, Hà Nội.
55. Trần Văn Hòa (2015), “Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên trong nhà trường quân đội”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, số 46(107), tr 28-31.
56. Trần Văn Hòa (2018), *Giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan Quân đội hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Học viện Chính trị-BQP, Hà Nội.

57. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Học viện Biên phòng (2015-2021), *Báo cáo tổng kết năm học từ năm 2015 đến 2021*, Hà Nội.
59. Học viện Hậu cần (2015-2021), *Báo cáo tổng kết năm học từ năm 2015 đến 2021*, Hà Nội.
60. Học viện Kỹ thuật quân sự (2015-2021), *Báo cáo tổng kết năm học từ năm 2015 đến 2021*, Hà Nội.
61. Lê Văn Hòe (chủ nhiệm), (2002), *Nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật trong các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội*, Đề tài khoa học cấp Bộ-Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
62. Hồ Chí Minh (1972), *Bàn về giáo dục*, NXB Sự thật, Hà Nội.
63. Hồ Chí Minh (1990), *Về Nhà nước và pháp luật*, NXB Pháp lý, Hà Nội.
64. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, Tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Hồ Chí Minh (2016), *Toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (2002), *Từ điển bách khoa Việt Nam, Quyển 2 (E-M)*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
68. Nguyễn Thị Hồi và Phạm Quang Tiến (2012), *Nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật trong Nhà trường*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
69. Đặng Vũ Huân (2011), “Một số tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 10(235), tr 08-18.
70. Nguyễn Khắc Hùng (2006), “Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông - những vấn đề cần quan tâm”, *Tạp chí Giáo dục*, số 149/2006
71. Nguyễn Khắc Hùng (2009), *Các biện pháp tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

72. Nguyễn Quốc Hưng (2018), *Quản lý đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn theo tiếp cận đảm bảo chất lượng ở các trường đại học trong quân đội*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Chính trị/BQP, Hà Nội.
73. Đoàn Thị Thanh Huyền (2014), *Giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Ninh)*, Luận án Tiến sĩ Xã hội học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
74. Nguyễn Thị Đắc Hương (2014), “Các yếu tố tác động đến giáo dục pháp cho học viên trong các trường sĩ quan quân đội hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận Chính trị quân sự*, Số 2 (144).
75. Nguyễn Thị Thu Hương (2019), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông từ thực tiễn Thành phố Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
76. Ngô Thị Khánh (2018), “Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho thanh niên nước ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 03/2018.
77. Lê Đình Khiên (2002), *Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở nước ta hiện nay*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
78. Nguyễn Duy Lãm (chủ biên) (1996), *Một số vấn đề giáo dục pháp luật ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
79. Nguyễn Duy Lãm (chủ biên) (1997), *Một số vấn đề về phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
80. V.I. Lênin *Toàn tập*, Tập 30, NXB Tiến bộ, Matxcova, tr.386 - 411, (1981).
81. V.I. Lênin, *Toàn tập*, Tập 36, NXB Tiến bộ, Mátxcova, (1979).
82. V.I. Lênin, *Toàn tập*, Tập 45, NXB Tiến bộ, Mátxcova, tr.218, (1978).
83. V.I. Lênin, *Toàn tập*, Tập 55, NXB Tiến bộ, Mátxcova, (1979).

84. Nguyễn Trần Long (2017), “Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong các nhà trường Quân đội hiện nay”, *Tạp chí Quân huấn*, (588), tr.16 -18.
85. Nguyễn Đình Lộc (1987), *Ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ Luật học, Đại học Tổng hợp Matxcova (Liên Xô cũ).
86. Nguyễn Đình Đăng Lục (1990), *Giáo dục pháp luật và quá trình hình thành nhân cách*, NXB Pháp lý, Hà Nội.
87. Nguyễn Đình Đăng Lục (2004), *Giáo dục pháp luật trong nhà trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
88. Trần Viết Lưu (2012), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
89. Trần Công Lý (2009), *Giáo dục ý thức pháp luật cho cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý hành chính công, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.
90. Dương Thanh Mai (1994), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Đề tài khoa học cấp Bộ mã số 92-98-223 của Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, Hà Nội.
91. Dương Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam (bằng thực tiễn của Tòa án và Luật sư)*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Luật học, HVCTQGHCM, Hà Nội.
92. Phạm Xuân Mát (2012), *Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật trong các học viện, trường sĩ quan quân đội*, Đề tài cấp Tổng cục Chính trị - Quân đội nhân dân Việt Nam.
93. Đào Văn Minh (2013), “Giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 05, tr44 - 48.

94. Đào Văn Minh (2014), “Kết hợp giữa giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức cho thanh niên quân đội hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số 01, tr24-25.
95. Nguyễn Văn Minh (2017), “Tăng cường công tác giáo dục, quản lý, chấp hành pháp luật, kỷ luật Quân đội”, *Tạp chí Quân huấn*, số 606/2017.
96. Hoàng Đức Minh (2015), “Nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục, phổ biến và tư vấn pháp luật cho học viên”, *Tạp chí Nhà trường Quân đội*, số 02.
97. Lê Thị Phương Nga (2015), *Giáo dục pháp luật cho trẻ em ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
98. Lê Thị Phương Nga (2018), *Giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
99. Ngô Văn Nhân (2012), “Giáo dục pháp luật hay giáo dục ý thức pháp luật”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 12(295)/2012, Hà Nội.
100. C.Mác-Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Lê Thanh Phong (2019), “Chuẩn hoá đội ngũ giảng viên ở các học viện, trường sĩ quan quân đội đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận chính trị quân sự*, (5), 117, tr.86-87.
102. Trần Hữu Phúc (2015), “Xác định chuẩn đầu ra về pháp luật cho các đối tượng đào tạo - biện pháp cơ bản đổi mới nội dung, phương pháp dạy học pháp luật ở Học viện Biên phòng”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Biên phòng*, Số 42/1-2015.
103. Vũ Thị Hoài Phương (2007), “Kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức và văn hóa đối với doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 04/2007.
104. Vũ Thị Hoài Phương (2008), “*Giáo dục pháp luật trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

105. Quân ủy Trung ương (2012), *Nghị quyết số 769-NQ/QUTW ngày 21 tháng 12 năm 2012 về “nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2013 - 2020 và những năm tiếp theo”*, Hà Nội.
106. Hoàng Thị Kim Quế (2004), “Đưa cuộc sống vào pháp luật và đưa pháp luật vào cuộc sống”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật* (Số chuyên đề về thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư).
107. Hoàng Thị Kim Quế (2011), “Bàn về hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 08/2011.
108. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ 01/1/2014)*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
109. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2012), *Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2013), *Luật giáo dục quốc phòng và an ninh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
111. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục đại học (có hiệu lực thi hành từ 01/1/2013)*, NXB Hồng Đức.
112. Trần Thị Sáu (2012), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
113. Súc Ni Lăn Đon Kun Lạ Vông (2015), *Giáo dục pháp luật trong các trường đào tạo, bồi dưỡng của Bộ An ninh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
114. Nguyễn Quốc Sửu (2010), *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN*

- Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
115. Nguyễn Quốc Sứ (2010), “Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức hành chính ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 04(264), tr70 -79.
 116. Nguyễn Quốc Sứ (2014), *Tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
 117. Đinh Xuân Thảo (1996), *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 118. Tống Đức Thảo (2006), “Giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 10/2006
 119. Nguyễn Hưng Thịnh (2013), “Một số giải pháp tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho học sinh, sinh viên ở Đại học Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ*, số 105(05), tr 163-168.
 120. Hoàng Phổ Thông (2020), *Giáo dục phẩm chất kỹ luật cho học viên ở các trường sĩ quan quân đội trong bối cảnh hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Học viện Chính trị/BQP, Hà Nội.
 121. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 53/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2012 về việc ban hành “điều lệ trường đại học”*, Hà Nội.
 122. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định Số 1928/QĐ-TTg của Chính phủ ngày 20/11/2009 về phê duyệt đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường”*, Hà Nội.
 123. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017*

- của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021”, Hà Nội.*
124. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội.
 125. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1371/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án: Phát huy vai trò của lực lượng Quân đội nhân dân tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở giai đoạn 2021-2027*, Hà Nội.
 126. Vũ Văn Thường (2009), *Bồi dưỡng văn hóa pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị, Hà Nội.
 127. Nguyễn Thị Tĩnh (2016), *Giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
 128. Nguyễn Thu Thủy (2006), "Chất lượng giáo dục pháp luật và các tiêu chí đánh giá", *Tạp chí Luật học*, số 5, tr.61 - 66.
 129. Tổng cục Chính trị (2000), *Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 130. Tổng cục Chính trị (2009), *Đổi mới phương pháp dạy học trong các trường đại học quân sự*, NXB Quân đội nhân dân, tr.35, Hà Nội.
 131. Tổng cục Chính trị (2018), *Quyết định số 1650/QĐ-CT ngày 20/10/2018 của Chủ nhiệm Tổng cục chính trị QĐNDVN*, Hà Nội.
 132. Lê Đức Tụ (1998), *Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, Đề tài cấp Tổng cục chính trị - Quân đội nhân dân Việt Nam, Hà Nội.
 133. Ngô Văn Trù (2013), *Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

134. Ngô Văn Trù (2015), *Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
135. Lê Thanh Trung (2006), “Nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật - Một nhiệm vụ quan trọng trong Quân đội hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số chuyên đề Phổ biến, giáo dục pháp luật.
136. Dương Thành Trung (2013), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
137. Dương Thành Trung (2016), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
138. Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nguyễn Như Ý (chủ biên), NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998.
139. Bé Xuân Trường (2013), “Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội của cán bộ, chiến sĩ trong quân đội hiện nay”, *Tạp chí Khoa học quân sự*, số 04/2013.
140. Nguyễn Trọng (2001), “Vai trò, tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong quân đội hiện nay”, *Tạp chí Khoa học quân sự*, số 06, tr 77-80.
141. Trường Sĩ quan Lục quân 1 (2015-2021), *Báo cáo tổng kết năm học từ năm 2015 đến 2021*, Hà Nội.
142. Trường Sĩ quan Chính trị (2015-2021), *Báo cáo tổng kết năm học từ năm 2015 đến 2021*, Hà Nội.
143. Từ điển Giáo dục học (2001), NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr97.
144. Từ điển Bách khoa Việt Nam (2002), Quyển 2 (E-M), NXB Từ điển bách

khoa, Hà Nội.

145. Đào Trí Úc (1994), *Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-07, mã số KX 07-17, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Hà Nội.
146. Vũ Thị Hồng Vân (2017), “Giáo dục pháp luật cho sinh viên Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12/2017.
147. Nguyễn Văn Vi (2018), *Giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam - Học Viện khoa học xã hội, Hà Nội.
148. Nguyễn Văn Vi, (2018), “Một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong Quân đội hiện nay”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số 01/2018.
149. Nguyễn Tất Viễn (2006), “Thực trạng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và những biện pháp nâng cao hiệu quả của phổ biến, giáo dục pháp luật trong thời gian tới”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số chuyên đề Phổ biến, giáo dục pháp luật.
150. Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
151. Viện Khoa học pháp lý- Bộ Tư pháp (1994), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, mã số 92-98-223-ĐT.
152. Vilay Philavong (2017), *Giáo dục pháp luật cho công chức hành chính ở nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng Anh**

153. Abdul Qawi Noori, Hamdan Said, Faizah Mohamad Nor, Faizah Abd Ghani (2020), “The relationship between University lecturers behavior and students’ motivation - Mỗi quan hệ giữa hoạt động của giảng viên đại học và động lực của sinh viên”, *Universal Journal of Educational Research* (8), pp. 15-22.
154. Edward Rubin (2012), “*Legal Education in the Digital Age - Giáo dục pháp luật trong thời đại kỹ thuật số*”, NXB Đại học Cambridge, New York.
155. Jan.M. Broekman - Francis J. Mootz III (2011), “*The Semiotics of Law in Legal Education - Ký hiệu hoá trong giáo dục pháp luật*”, NXB Đại học Penn State Law Review.
156. Kosheev I., Kudasheva N.Z. (2015) “Military and juridical education in Russia and USA - Giáo dục quân sự và pháp lý ở Nga và Hoa Kỳ”, *Young Scientist, USA*, Vol.3, p. 84, Lulu press.
157. Lt. Col. Isayev, V.V, and S.I. Pustovalov (2002), "Legal education of military personnel-Giáo dục pháp luật của quân nhân", *Military Thought*, vol 11, no 3, May-June 2002, pp. 92. *Gale Academic OneFile*, link.gale.com/apps/doc/A94329298/AONE?u=anon~b421eed9&sid=google Scholar&xid=2ee2d273. Accessed 5 Dec. 2022.
158. Sutirna (2020), “Total quality management through lecturer assessment with students to improve graduate quality-Quản lý chất lượng toàn diện thông qua đánh giá giảng viên với sinh viên để nâng cao chất lượng tốt nghiệp”, *ADI Journal on Recent Innovation (AJRI)* - ISSN: 2685 - 9106, Vol.2, No.1 (9), pp. 51 - 65.
159. Thomas Buabeng Assan (2017), “Perceptions of lecturers on quality assurance in higher education teaching and learning process - nhận thức của giảng viên về đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học đại học”, *International Journal of Educational Sciences*, Vol.7 - Issue 2, pp 339-347.

*** Tài liệu tiếng Nga**

160. Matvienko L.M (2004), “Юридическая образовательная деятельность старшеклассников - Quá trình giáo dục pháp luật của học sinh phổ thông”.
161. Strelaieva, (2006), “Правовое воспитание в условиях становления правового государства - Giáo dục pháp luật trong việc hình thành Nhà nước pháp quyền”.
162. T.I. Akimova và K.V. Naumenkova (2014), “Правовое воспитание в Российской Федерации - Giáo dục pháp luật ở Liên bang Nga”.
163. V.N. Grigoriop, A.G. Lipatnhicop (2016), “Об управлении системой качества военного образования и обучения - Về vấn đề quản lý hệ thống chất lượng giáo dục, đào tạo quân sự”, Журнал Российская военная мысль - № 3.

*** Tài liệu Website:**

164. <https://ail.ac.in/>, truy cập ngày 09/3/2022.
165. <https://www.defencecareers.mil.nz/army/careers/browse-roles/legal-officer/>, truy cập ngày 06/4/2022.
166. <https://www.idf.il/en/mini-sites/military-advocate-general-s-corps/school-of-military-law/>, truy cập ngày 04/3/2022.
167. <https://www.qdnd.vn/ban-doc/thu-ban-doc/hoc-vien-nha-truong-dao-tao-si-quan-trong-quan-doi-nhan-dan-viet-nam-678052>, truy cập ngày 25/11/2021.
168. <https://www.westpoint.edu/academics/academic-departments/law/law-and-legal-studies>, truy cập ngày 06/3/2022.

PHỤ LỤC**Phụ lục 01****CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG
NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI**

**Chương trình môn học Nhà nước và pháp luật đào tạo sĩ quan cấp phân đội
- bậc đại học tại học viện, trường sĩ quan quân đội (Ban hành kèm theo Quyết
định số 1650/QĐ-CT ngày 20/10/2018 của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị)**

Mục	Nội dung	Thời gian (tiết)	Hình thức huấn luyện					
			LL	TL	Thực hành		Ôn	KT, Thi
					Ngày	Đêm		
1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học Nhà nước và pháp luật	2	2					
2	Nguồn gốc, bản chất, chức năng của Nhà nước, Nhà nước xã hội chủ nghĩa	4	4					
3	Những vấn đề cơ bản về pháp luật và pháp luật xã hội chủ nghĩa	4	4					
4	Pháp chế xã hội chủ nghĩa	2	2					
5	Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật	4	4					
6	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	4	4					
TL1	Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật	4		4				
7	Luật Hiến pháp, Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013	4	4					
8	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	4	4					
9	Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự	4	4					

Mục	Nội dung	Thời gian (tiết)	Hình thức huấn luyện					
			LL	TL	Thực hành		Ôn	KT, Thi
					Ngày	Đêm		
10	Luật Hôn nhân và gia đình	4	4					
11	Luật Nghĩa vụ quân sự	2	2					
12	Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam	2	2					
13	Luật Quốc phòng	2	2					
TL2	Những đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4		4				
14	Một số đạo luật chuyên ngành (Biên phòng, Hải quan, Không quân ...)	2	2					
15	Những vấn đề cơ bản về tham nhũng	2	2					
16	Quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, các giải pháp về phòng, chống tham nhũng	4	4					
17	Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người	2	2					
Ôn	Ôn	2					2	
Thi	Thi hết môn (vấn đáp)	6						6
	Cộng	68	52	8			2	6

Nguồn: [131]

Phụ lục 02**NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT Ở
MỘT SỐ NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI****2.1. Nội dung, chương trình môn học Nhà nước và pháp luật cho học viên ở
Học viện Biên phòng (02 ĐVHT; 54 tiết)**

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TIẾT	DẠNG HUẤN LUYỆN		
			Lý thuyết	Thảo luận	KTĐK, thi
1	Nhập môn lý luận chung về nhà nước và pháp luật	2	2		
2	Những vấn đề chung về nhà nước	4	3	1	
3	Nhà nước trong hệ thống chính trị	4	3	1	
4	Nhà nước pháp quyền	4	3	1	
5	Những vấn đề cơ bản về pháp luật	4	3	1	
6	Hệ thống pháp luật, quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật	4	3	1	
7	Xây dựng, thực hiện và giải thích pháp luật	4	3	1	
8	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	4	3	1	
9	Ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý	4	3	1	
10	Điều chỉnh pháp luật	4	3	1	
*	Kiểm tra định kỳ	2			2
11	Luật Hôn nhân và gia đình	1	1		
12	Luật Nghĩa vụ quân sự	1	1		
13	Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam	1	1		
14	Luật Quốc phòng	1	1		
15	Luật Bình đẳng giới	1	1		
16	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật	1	1		
17	Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người	1	1		

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TIẾT	DẠNG HUẤN LUYỆN		
			Lý thuyết	Thảo luận	KTĐK, thi
*	Thảo luận các Luật và Công ước (từ bài 11 đến 17)	1		1	
	Ôn, thi (Tự luận + trắc nghiệm)	6			6
	Cộng	54	36	10	8

Nguồn: Khoa Nhà nước và Pháp luật, Học viện Biên phòng

2.2. Nội dung, chương trình môn học Nhà nước và pháp luật cho học viên ở Học viện Kỹ thuật quân sự

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tổng
		Lên lớp			Thực hành thí nghiệm, thực tập...	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận		
1	Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	6				6
2	Những vấn đề cơ bản về pháp luật và pháp luật xã hội chủ nghĩa	3				3
3	Thảo luận những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật			3		3
4	Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật xã hội chủ nghĩa	3				3
5	Vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý	3				3
6	Pháp chế xã hội chủ nghĩa	2				2
7	Luật hiến pháp	4				4
8	Luật hình sự và Tố tụng hình sự	6				6
9	Luật dân sự và Tố tụng dân sự	6				6
10	Luật Hôn nhân và Gia đình	2				2
11	Kiểm tra		2			2
12	Luật Nghĩa vụ quân sự	2				2
13	Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam	2				2
14	Luật Quốc phòng	2				2
15	Thảo luận những đạo luật cơ bản của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	3		3		3
16	Những vấn đề cơ bản về tham nhũng và giải pháp phòng, chống tham nhũng ở	6				6

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tổng
		Lên lớp			Thực hành thí nghiệm, thực tập...	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận		
	Việt Nam					
17	Tự nghiên cứu, viết tiểu luận về vấn đề tham nhũng, phòng chống tham nhũng				5	5
18	Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hoặc đối xử tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm	6				6
19	Hướng dẫn ôn tập	2				2

Nguồn: Bộ môn Nhà nước và Pháp luật, Học viện Kỹ thuật quân sự

2.3. Nội dung, chương trình môn học Nhà nước và pháp luật cho học viên ở Học viện Hậu cần

Mục	Nội dung	Tổng thời gian	Hình thức huấn luyện			
			Lý thuyết	TL	KT	Thi
1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn Nhà nước và pháp luật	2	2			
2	Nguồn gốc, bản chất, chức năng của Nhà nước, Nhà nước xã hội chủ nghĩa	4	4			
3	Những vấn đề cơ bản về pháp luật và pháp luật xã hội chủ nghĩa	4	4			
4	Pháp chế xã hội chủ nghĩa	2	2			
5	Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật	4	4			
6	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	4	4			
TL1	Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật	4		4		
KT	Kiểm tra phần 1 (viết)	2			2	

Mục	Nội dung	Tổng thời gian	Hình thức huấn luyện			
			Lý thuyết	TL	KT	Thi
7	Luật Hiến pháp, Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013	4	4			
8	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	4	4			
9	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự	4	4			
10	Luật Hôn nhân và gia đình	4	4			
11	Luật Ngân sách nhà nước	2	2			
12	Luật Nghĩa vụ quân sự	2	2			
13	Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam	2	2			
14	Luật Quốc phòng	2	2			
TL2	Những đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	4	4			
KT	Kiểm tra phần 2 (viết)	2			2	
15	Những vấn đề cơ bản về tham nhũng	4	4			
16	Quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, các giải pháp về phòng, chống tham nhũng	4	4			
17	Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người	2	2			
Thi	Thi viết kết thúc học phần	2				2
	Cộng	68	54	8	4	2

Nguồn: Bộ môn Nhà nước và Pháp luật, Học viện Hậu cần

2.4. Nội dung, chương trình môn học Nhà nước và pháp luật cho học viên ở trường Sĩ quan Lục quân 1

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TIẾT	DẠNG HUẤN LUYỆN		
			Lý thuyết	Thảo luận, Ôn thi	KTĐK Thi
1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Nhà nước và pháp luật	2	2		
2	Nguồn gốc, bản chất, chức năng của Nhà nước, nhà nước xã hội chủ nghĩa	4	4		
3	Những vấn đề cơ bản về pháp luật và pháp luật xã hội chủ nghĩa	4	4		
4	Pháp chế xã hội chủ nghĩa	2	2		
5	Quy phạm pháp luật và Quan hệ pháp luật	4	4		
6	Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	4	4		
TL1	Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật	4		4	
7	Luật Hiến pháp, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013	4	4		
8	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	4	4		
9	Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự	4	4		
10	Luật Hôn nhân và gia đình	4	4		
11	Luật Nghĩa vụ quân sự	2	2		
12	Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam	2	2		
13	Luật Quốc phòng	2	2		
TL2	Những đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4		4	
14	Một số đạo luật chuyên ngành (Biên phòng, Hải quân, Không quân...)	2	2		
15	Những vấn đề cơ bản về tham nhũng	2	2		
16	Quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, các giải pháp về phòng, chống tham nhũng	4	4		
17	Công ước của Liên hiệp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt	2	2		

	tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người				
	Ôn	2		2	
	Thi hết môn (vấn đáp)	6			6
	Cộng	68	52	10	6

Nguồn: Bộ môn Nhà nước và Pháp luật, Trường Sĩ quan Lục quân 1

2.5. Nội dung, chương trình môn học Nhà nước và pháp luật cho học viên ở trường Sĩ quan Chính trị

2.5.1. Lý luận về Nhà nước (2 ĐVHT - 50 tiết)

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TIẾT	DẠNG HUẤN LUYỆN		
			Lý thuyết	Xemina Ôn thi	Thi
1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của bộ môn Lý luận về Nhà nước và pháp luật	4	4		
2	Những vấn đề chung về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	6	6		
3	Xemina 2a: Phương hướng, nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay	4		4	
4	Tổ chức và hoạt động của Quốc hội	4	4		
5	Tổ chức và hoạt động của Chính phủ	4	4		
6	Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương	4	4		
7	Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân	4	4		
8	Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân	4	4		
9	Cải cách nền hành chính Nhà nước ta hiện nay	4	4		
10	Xemina: Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4		4	
	Ôn	6		6	
	Thi	2			2
	Tổng	50	34	14	2

2.5.2. Pháp luật (03 ĐVHT - 85 tiết)

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	DẠNG HUẤN LUYỆN		
			Lý	TL	Thu

		TIẾT	thuyết	Ôn thi	hoạch, Thi
1	Pháp luật và pháp luật xã hội chủ nghĩa	2	2		
2	Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật và hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa	4	4		
3	Vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và pháp chế xã hội chủ nghĩa	4	4		
4	Thảo luận: Bản chất, vai trò của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Ý nghĩa trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và quản lý bộ đội bằng pháp luật trong quân đội.	4		4	
5	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	4	4		
6	Pháp luật hình sự Việt Nam	4	4		
7	Pháp luật dân sự Việt Nam	4	4		
8	Pháp luật về quốc phòng – an ninh	4	4		
9	Pháp luật quốc tế	4	4		
10	Thảo luận: Một số tội phạm về lĩnh vực quốc phòng – an ninh quy định trong bộ luật hình sự	4		4	
11	Những vấn đề cơ bản về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay	2	2		
12	Các giải pháp cơ bản phòng, chống tham nhũng hiện nay	4	4		
13	Thảo luận: Tình hình tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	4		4	
14	Những vấn đề chung về quyền con người	4	4		
15	Công ước và cơ chế quốc tế về bảo đảm quyền con người	4	4		
16	Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính sách của Việt Nam về bảo đảm quyền con người	4	4		
17	Pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền con người	4	4		
18	Thảo luận: Vấn đề bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay	4		4	

	Thu hoạch	4			4
	Ôn	10		10	
	Thi	3			3
	Tổng	85	52	26	7

Nguồn: Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Sĩ quan Chính trị

Phụ lục 03
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ, giảng viên các cơ quan, khoa, đơn vị)

Để phục vụ cho việc đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam, chúng tôi rất mong muốn đồng chí hợp tác, đọc kỹ và trả lời bằng cách đánh dấu X vào ô ☐ nếu đồng ý, bỏ trống nếu không đồng ý hoặc ghi thông tin cụ thể cho phương án trả lời trong các câu hỏi dưới đây. Những thông tin đồng chí cung cấp chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học mà không nhằm cho bất kỳ mục đích nào khác. Xin chân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

Câu 1: Đồng chí cho biết, sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp đối với chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất quan tâm ☐
- Quan tâm ☐
- Ít quan tâm ☐
- Không quan tâm ☐

Câu 2: Theo đồng chí, chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên có ý nghĩa và tầm quan trọng như thế nào đối với sự phát triển và sức mạnh chiến đấu của quân đội? (chọn 01 phương án)

- Rất quan trọng ☐
- Quan trọng ☐
- Ít quan trọng ☐
- Không quan trọng ☐

Câu 3: Theo đồng chí, nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Đa dạng, rất phù hợp với nhận thức của học viên ☐
- Phù hợp với nhận thức của học viên ☐
- Nghèo nàn, có nội dung chưa phù hợp với nhận thức của học viên ☐
- Không phù hợp ☐

Câu 4: Đồng chí cho biết việc đổi mới hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Đa dạng, phong phú và phù hợp với nhận thức của học viên ☐
- Có sự đổi mới về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật ☐
- Đơn điệu và không phù hợp với nhận thức, nội dung giáo dục pháp luật của học viên ☐
- Không đổi mới ☐

Câu 5: Đồng chí đánh giá về kinh nghiệm, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật ở nhà trường? (chọn 01 phương án)

- Tốt ☐
- Khá ☐
- Trung bình ☐
- Yếu ☐

Câu 6: Đồng chí đánh giá về mức độ nhận thức của học viên đối với pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, quy định của đơn vị như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Chưa tốt ☐
- Kém ☐

Câu 7: Đồng chí cho biết thái độ, tình cảm, niềm tin pháp luật của học viên hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Chưa tốt ☐
- Kém ☐

Câu 8: Đồng chí đánh giá về thói quen và hành vi chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của học viên ở nhà trường như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Chưa tốt ☐
- Kém ☐

Câu 9: Đồng chí cho biết mức độ hài lòng của mình đối với lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong tổ chức thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường? (chọn 01 phương án)

- Rất hài lòng ☐
- Hài lòng ☐
- Bình thường ☐
- Không hài lòng ☐

Câu 10: Việc phối hợp giữa các cơ quan, khoa, đơn vị để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Chưa tốt ☐
- Kém ☐

Câu 11: Đồng chí cho biết, chất lượng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trong nhà trường hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Khá ☐
- Trung bình ☐
- Yếu ☐

Câu 12: Đồng chí đánh giá về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Bình thường ☐
- Chưa tốt ☐

Câu 13: Đồng chí đánh giá về tính khách quan của kết quả thi, kiểm tra nội dung môn Nhà nước và pháp luật với trình độ của học viên đơn vị mình quản lý ở mức nào? (chọn 01 phương án)

- Rất khách quan ☐
- Khách quan ☐
- Không khách quan ☐

Câu 14: Đồng chí cho biết, việc nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay có cần thiết không? (chọn 01 phương án)

- Rất cần thiết ☐
- Cần thiết ☐
- Ít cần thiết ☐
- Không cần thiết ☐

Câu 15: Đồng chí đánh giá về ý thức tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên giáo dục pháp luật ở nhà trường như thế nào? chọn 01 phương án)

- Rất tích cực ☐
- Tích cực ☐
- Chưa tích cực ☐
- Không quan tâm ☐

Câu 16: Đồng chí đánh giá như thế nào về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục phục vụ công tác giáo dục pháp luật hiện nay ở nhà trường? (chọn 01 phương án)

- Bảo đảm tốt yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật ☐
- Đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật ☐
- Chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật ☐

Câu 17: Theo đồng chí, những nguyên nhân nào dẫn đến hạn chế về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường? (chọn các phương án)

- Lãnh đạo, chỉ huy ở một số đơn vị học viên ở các nhà trường quân đội nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho học viên có thời điểm chưa được quan tâm sâu sát và coi trọng đúng mức ☐
- Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có thời điểm còn chưa bảo đảm, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ ☐
- Các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời điều chỉnh nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho phù hợp ☐
- Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên còn đơn điệu, chậm được đổi mới ☐
- Nhận thức, thái độ, trách nhiệm của học viên trong quá trình học tập nội dung Nhà nước và pháp luật chưa được phát huy ☐
- Các nhà trường trong quân đội còn chưa quan tâm đúng mức đối với công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập môn Nhà nước và pháp luật. ☐
- Cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội có thời điểm còn chưa được bảo đảm kịp thời ☐
- Thời gian tự học tập, tự nghiên cứu của học viên còn hạn chế ☐
- Do ảnh hưởng về hoạt động huấn luyện quân sự của học viên ☐
- Các nguyên nhân khác.....

Câu 18: Theo đồng chí, để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay, cần thực hiện những giải pháp cơ bản nào sau đây? (chọn các phương án)

- Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức đối với công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam ☐☐☐
- Đẩy mạnh việc kiện toàn về bộ máy và con người thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam ☐
- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho học viên phù hợp với từng đối tượng học viên thuộc các chuyên ngành khác nhau ☐
- Thường xuyên đổi mới và đa dạng hoá các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật, kết hợp giáo dục pháp luật với công tác xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam ☐
- Tiếp tục nâng cao nhận thức, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong tự học tập, tự nghiên cứu và rèn luyện của học viên ☐
- Tăng cường bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội ☐

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội ☐

- Thường xuyên tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội ☐

Các biện pháp khác:.....

.....

Xin đồng chí cho biết thêm một số thông tin:

- Đồng chí là: Sĩ quan cấp tá ☐

Sĩ quan cấp úy ☐

- Đồng chí đã nhập ngũ được:

Dưới 10 năm ☐

Từ 10 đến 15 năm ☐

Từ 15 đến 20 năm ☐

Trên 20 năm ☐

Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của đồng chí!

Phụ lục 04
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội, trình độ đại học)

Để phục vụ cho việc đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam, chúng tôi rất mong muốn đồng chí hợp tác, đọc kỹ và trả lời bằng cách đánh dấu X vào ô ☐ nếu đồng ý, bỏ trống nếu không đồng ý hoặc ghi thông tin cụ thể cho phương án trả lời trong các câu hỏi dưới đây. Những thông tin đồng chí cung cấp chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học mà không nhằm cho bất kỳ mục đích nào khác. Xin chân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

Câu 1: Đồng chí cho biết, sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp đối với chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất quan tâm ☐
- Quan tâm ☐
- Ít quan tâm ☐
- Không quan tâm ☐

Câu 2: Đồng chí cho biết, chất lượng giáo dục pháp luật có ý nghĩa và tầm quan trọng như thế nào đối với sự phát triển và sức mạnh chiến đấu của quân đội? (chọn 01 phương án)

- Rất quan trọng ☐
- Quan trọng ☐
- Ít quan trọng ☐
- Không quan trọng ☐

Câu 3: Đồng chí cho biết, vai trò của cán bộ đơn vị đối với công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất quan trọng ☐
- Quan trọng ☐
- Ít quan trọng ☐
- Không quan trọng ☐

Câu 4: Theo đồng chí kiến thức về pháp luật có cần thiết trong quá trình học tập và công tác sau này không? (chọn 01 phương án)

- Rất cần thiết ☐
- Cần thiết ☐
- Ít cần thiết ☐
- Không cần thiết ☐

Câu 5: Đồng chí đánh giá về kinh nghiệm, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật ở nhà trường? (chọn 01 phương án)

- Tốt ☐
- Khá ☐
- Trung bình ☐
- Yếu ☐

Câu 6: Đồng chí cho biết, việc nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay có cần thiết không? (chọn 01 phương án)

- Rất cần thiết ☐
- Cần thiết ☐
- Ít cần thiết ☐
- Không cần thiết ☐

Câu 7: Đồng chí cho biết, nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Đa dạng, rất phù hợp với nhận thức của học viên ☐
- Phù hợp với nhận thức của học viên ☐
- Nghèo nàn, có nội dung chưa phù hợp với nhận thức của học viên ☐
- Không phù hợp ☐

Câu 8: Đồng chí cho biết, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Đa dạng, phong phú và phù hợp với nhận thức của học viên ☐
- Có sự đổi mới về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật ☐
- Đơn điệu và không phù hợp với nhận thức, nội dung giáo dục pháp luật của học viên ☐
- Không đổi mới ☐

Câu 9: Đồng chí đánh giá như thế nào về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục phục vụ công tác giáo dục pháp luật hiện nay ở nhà trường? (chọn 01 phương án)

- Bảo đảm tốt yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật ☐
- Đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật ☐
- Chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật ☐

Câu 10: Đồng chí đánh giá mức độ nhận thức của học viên về pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, quy định của đơn vị như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Chưa tốt ☐
- Kém ☐

Câu 11: Đồng chí cho biết thái độ, tình cảm, niềm tin pháp luật của học viên hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Chưa tốt ☐
- Kém ☐

Câu 12: Đồng chí đánh giá về thói quen và hành vi chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của học viên ở nhà trường như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Chưa tốt ☐
- Kém ☐

Câu 13: Đồng chí cho biết chất lượng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trong nhà trường hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Khá ☐
- Trung bình ☐
- Yếu ☐

Câu 14: Đồng chí cho biết kiến thức pháp luật của mình được hình thành chủ yếu do đâu? (chọn 01 phương án)

- Học tập nội dung nhà nước và pháp luật trên lớp ☐
- Ngày pháp luật ☐
- Học tập chuyên đề ☐
- Tự nghiên cứu ☐
- Thông qua các kênh khác ☐

Câu 15: Đồng chí cho biết chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường đồng chí hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- Rất tốt ☐
- Tốt ☐
- Bình thường ☐
- Chưa tốt ☐

Câu 16: Đồng chí cho biết tính khách quan của giảng viên về nhận xét và cho điểm trong quá trình thi, kiểm tra môn Nhà nước và pháp luật? (chọn 01 phương án)

- Rất khách quan ☐
- Khách quan ☐
- Không khách quan ☐

Câu 17: Đồng chí đánh giá về ý thức tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức, ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của học viên ở nhà trường như thế nào? chọn 01 phương án)

- Rất tích cực ☐
- Tích cực ☐
- Chưa tích cực ☐
- Không quan tâm ☐

Câu 18: Đồng chí cho biết mức độ hài lòng của mình đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật hiện nay ở nhà trường? (chọn 01 phương án)

- Rất hài lòng ☐
- Hài lòng ☐
- Bình thường ☐
- Không hài lòng ☐

Câu 19: Theo đồng chí, những nguyên nhân nào dẫn đến hạn chế về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường? (chọn các phương án)

- Lãnh đạo, chỉ huy ở một số đơn vị học viên ở các nhà trường quân đội nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho học viên có thời điểm chưa được quan tâm sâu sát và coi trọng đúng mức ☐
- Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có thời điểm còn chưa bảo đảm, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ ☐
- Các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời điều chỉnh nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho phù hợp ☐
- Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên còn đơn điệu, chậm được đổi mới ☐
- Nhận thức, thái độ, trách nhiệm của học viên trong quá trình học tập nội dung Nhà nước và pháp luật chưa được phát huy ☐
- Ý thức học tập, nghiên cứu của học viên còn chưa cao, chưa thực sự quan tâm đến môn học Nhà nước và pháp luật ☐
- Các nhà trường trong quân đội còn chưa quan tâm đúng mức đối với công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập môn Nhà nước và pháp luật. ☐
- Cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội có thời điểm còn chưa được bảo đảm kịp thời ☐
- Thời gian tự học tập, tự nghiên cứu của học viên còn hạn chế ☐
- Do ảnh hưởng về hoạt động huấn luyện quân sự của học viên ☐
- Các nguyên nhân khác..... ☐

.....

Câu 20: Theo đồng chí, để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay, cần thực hiện những giải pháp cơ bản nào sau đây? (chọn các phương án)

- Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức đối với công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam ☐
- Đẩy mạnh việc kiện toàn về bộ máy và con người thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam ☐
- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho học viên phù hợp với từng đối tượng học viên thuộc các chuyên ngành khác nhau ☐
- Thường xuyên đổi mới và đa dạng hoá các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật, kết hợp giáo dục pháp luật với công tác xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam ☐
- Tiếp tục nâng cao nhận thức, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong tự học tập, tự nghiên cứu và rèn luyện của học viên ☐
- Tăng cường bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội ☐
- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội ☐
- Thường xuyên tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội ☐
- Các biện pháp khác.....

.....
Xin đồng chí cho biết thêm một số thông tin:

- Đồng chí là học viên năm thứ:.....
- Đồng chí là đoàn viên ☐ - Đồng chí là đảng viên ☐

Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của đồng chí!

Phụ lục 05
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TRUNG CẦU Ý KIẾN
(Đối với cán bộ, giảng viên các cơ quan, khoa, đơn vị
ở các nhà trường quân đội)

- **Tổng số phiếu:** 150
- **Thời gian thực hiện trung cầu ý kiến:** Từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2021
- **Đối tượng trung cầu ý kiến:**
 - + Cán bộ, giảng viên các cơ quan, khoa, đơn vị đang công tác, giảng dạy ở các nhà trường: Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Biên phòng, Học viện Hậu cần, Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Chính trị.
 - + Độ tuổi: từ 27 đến 56 tuổi
 - + Thời gian công tác: từ 01 năm đến 35 năm
 - + Sĩ quan cấp úy: 84 đ/c
 - + Sĩ quan cấp tá: 66 đ/c
 - + Trình độ: Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ

5.1. Kết quả đánh giá về mức độ quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp đối với chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường.

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất quan tâm	44	29,4
2	Quan tâm	86	57,3
3	Ít quan tâm	20	13,3
4	Không quan tâm	0	0

5.2. Kết quả đánh giá về ý nghĩa và tầm quan trọng của chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đối với sự phát triển và sức mạnh chiến đấu của quân đội.

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất quan trọng	77	51,3
2	Quan trọng	65	43,4
3	Ít quan trọng	08	5,3
4	Không quan trọng	0	0

5.3. Kết quả đánh giá nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Đa dạng, rất phù hợp với nhận thức của học viên	54	36,0
2	Phù hợp với nhận thức của học viên	65	43,3
3	Nghèo nàn, có nội dung chưa phù hợp với nhận thức của học viên	28	18,7
4	Không phù hợp	03	2,0

5.4. Kết quả đánh giá về việc đổi mới hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Đa dạng, phong phú và phù hợp với nhận thức của học viên	35	23,4
2	Có sự đổi mới về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật	83	55,3
3	Đơn điệu và không phù hợp với nhận thức, nội dung giáo dục pháp luật của học viên	32	21,3
4	Không đổi mới	0	0

5.5. Kết quả đánh giá về kinh nghiệm, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tốt	102	68,0
2	Khá	39	26,0
3	Trung bình	09	6,0
4	Yếu	0	0

5.6. Kết quả đánh giá về mức độ nhận thức của học viên đối với pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, quy định của đơn vị

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	48	32,0
2	Tốt	70	46,7
3	Chưa tốt	29	19,3
4	Kém	03	2,0

5.7. Kết quả đánh giá về thái độ, tình cảm, niềm tin pháp luật của học viên

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	50	33,4
2	Tốt	64	42,6
3	Chưa tốt	30	20,0
4	Kém	06	4,0

5.8. Kết quả đánh giá về thói quen và hành vi chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	45	30,0
2	Tốt	68	45,3
3	Chưa tốt	30	20,0
4	Kém	07	4,7

5.9. Kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của mình đối với lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong tổ chức thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất hài lòng	42	28,0
2	Hài lòng	71	47,3
3	Bình thường	37	24,7
4	Không hài lòng	0	0

5.10. Kết quả đánh giá về việc phối hợp giữa các cơ quan, khoa, đơn vị để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	30	20,0
2	Tốt	91	60,7
3	Chưa tốt	29	19,3
4	Kém	0	0

5.11. Kết quả đánh giá về chất lượng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trong nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	32	21,3
2	Tốt	57	38,0
3	Khá	46	30,7
4	Trung bình	15	10,0
5	Yếu	0	0

5.12. Kết quả đánh giá về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	22	14,7
2	Tốt	74	49,3
3	Bình thường	48	32,0
4	Chưa tốt	06	4,0

5.13. Kết quả đánh giá về tính khách quan của kết quả thi, kiểm tra nội dung môn Nhà nước và pháp luật với trình độ của học viên của đơn vị mình

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất khách quan	47	31,3
2	Khách quan	67	44,7
3	Không khách quan	36	24,0

5.14. Kết quả đánh giá về sự cần thiết phải nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất cần thiết	98	65,4
2	Cần thiết	44	29,3
3	Ít cần thiết	08	5,3
4	Không cần thiết	0	0

5.15. Kết quả đánh giá về ý thức tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên giáo dục pháp luật ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tích cực	31	20,7
2	Tích cực	86	57,3
3	Chưa tích cực	25	16,7
4	Không quan tâm	08	5,3

5.16. Kết quả đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục phục vụ công tác giáo dục pháp luật hiện nay ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Bảo đảm tốt yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật	47	31,3
2	Đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật	74	49,4
3	Chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật	29	19,3

5.17. Kết quả đánh giá về những nguyên nhân dẫn đến hạn chế về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Lãnh đạo, chỉ huy ở một số đơn vị học viên ở các nhà trường quân đội nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho học viên có thời điểm chưa được quan tâm sâu sát và coi trọng đúng mức	38	25,3
2	Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có thời điểm còn chưa bảo đảm, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ	36	24,0
3	Các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời điều chỉnh nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho phù hợp	46	30,7

4	Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên còn đơn điệu, chậm được đổi mới	47	31,3
5	Nhận thức, thái độ, trách nhiệm của học viên trong quá trình học tập nội dung Nhà nước và pháp luật chưa được phát huy	56	37,3
6	Các nhà trường trong quân đội còn chưa quan tâm đúng mức đối với công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập môn Nhà nước và pháp luật	50	33,3
7	Cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội có thời điểm còn chưa được bảo đảm kịp thời	45	30,0
8	Thời gian tự học tập, tự nghiên cứu của học viên còn hạn chế	64	42,7
9	Do ảnh hưởng về hoạt động huấn luyện quân sự của học viên	65	43,3

5.18. Kết quả đánh giá về một số giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức đối với công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	147	98,0
2	Đẩy mạnh việc kiện toàn về bộ máy và con người thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	138	92,0
3	Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho học viên phù hợp với từng đối tượng học viên thuộc các chuyên ngành khác nhau	140	93,3
4	Thường xuyên đổi mới và đa dạng hoá các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật, kết hợp giáo dục pháp luật với công tác xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	138	92,0
5	Tiếp tục nâng cao nhận thức, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong tự học tập, tự nghiên cứu và rèn luyện của học viên	145	96,7

6	Tăng cường bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội	144	96,0
7	Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội	142	94,7
8	Thường xuyên tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội	145	96,7

Nguồn: Tác giả khảo sát, tổng hợp.

Phụ lục 06
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Đối với học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội, trình độ đại học)

- Tổng số phiếu: 450
- Thời gian thực hiện trưng cầu ý kiến: Từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2021
- Đối tượng trưng cầu ý kiến là học viên ở các nhà trường: Học viện Biên phòng; Học viện kỹ thuật quân sự; Học viện Hậu cần; Trường Sĩ quan Lục quân 1; Trường Sĩ quan Chính trị
- Thời gian học tập: học viên từ năm thứ nhất - năm thứ 4
- Đoàn viên: 265 đ/c
- Đảng viên: 185 đ/c

6.1. Kết quả đánh giá về mức độ quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp đối với chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường.

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất quan tâm	158	35,1
2	Quan tâm	224	49,8
3	Ít quan tâm	68	15,1
4	Không quan tâm	0	0

6.2. Kết quả đánh giá về ý nghĩa và tầm quan trọng của chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đối với sự phát triển và sức mạnh chiến đấu của quân đội.

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất quan trọng	145	32,2
2	Quan trọng	207	46,0
3	Ít quan trọng	98	21,8
4	Không quan trọng	0	0

6.3. Kết quả đánh giá về vai trò của cán bộ đơn vị đối với công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường.

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất quan trọng	148	32,9
2	Quan trọng	206	45,8
3	Ít quan trọng	96	21,3
4	Không quan trọng	0	0

6.4. Kết quả đánh giá về sự cần thiết của kiến thức pháp luật trong quá trình học tập và công tác sau này.

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất cần thiết	174	38,7
2	Cần thiết	183	40,7
3	Ít cần thiết	93	20,6
4	Không cần thiết	0	0

6.5. Kết quả đánh giá về kinh nghiệm, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tốt	173	38,5
2	Khá	244	54,2
3	Trung bình	33	7,3
4	Yếu	0	0

6.6. Kết quả đánh giá về sự cần thiết của việc nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất cần thiết	108	24,0
2	Cần thiết	259	57,6
3	Ít cần thiết	83	18,4
4	Không cần thiết	0	0

6.7. Kết quả đánh giá về nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Đa dạng, rất phù hợp với nhận thức của học viên	124	27,6
2	Phù hợp với nhận thức của học viên	244	54,2
3	Nghèo nàn, có nội dung chưa phù hợp với nhận thức của học viên	82	18,2
4	Không phù hợp	0	0

6.8. Kết quả đánh giá về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Đa dạng, phong phú và phù hợp với nhận thức của học viên	120	26,7
2	Có sự đổi mới về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật	242	53,8

3	Đơn điệu và không phù hợp với nhận thức, nội dung giáo dục pháp luật của học viên	88	19,5
4	Không đổi mới	0	0

6.9. Kết quả đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục phục vụ công tác giáo dục pháp luật hiện nay ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Bảo đảm tốt yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật	122	27,1
2	Đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật	250	55,6
3	Chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật	78	17,3

6.10. Kết quả đánh giá về mức độ nhận thức của học viên đối với pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, quy định của đơn vị

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	72	16,0
2	Tốt	276	61,3
3	Chưa tốt	90	20,0
4	Kém	12	2,7

6.11. Kết quả đánh giá về thái độ, tình cảm, niềm tin pháp luật của học viên

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	79	17,6
2	Tốt	272	60,4
3	Chưa tốt	83	18,4
4	Kém	16	3,6

6.12. Kết quả đánh giá về thói quen và hành vi chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	78	17,3
2	Tốt	263	58,5
3	Chưa tốt	87	19,3
4	Kém	22	4,9

6.13. Kết quả đánh giá về chất lượng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trong nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	143	31,8
2	Tốt	203	45,1

3	Khá	88	19,6
4	Trung bình	16	3,5
5	Yếu	0	0

6.14. Kết quả đánh giá về sự hình thành kiến thức pháp luật của bản thân

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Học tập nội dung nhà nước và pháp luật trên lớp	235	52,2
2	Ngày pháp luật	70	15,6
3	Học tập chuyên đề	56	12,4
4	Tự nghiên cứu	55	12,2
5	Thông qua các kênh khác	34	7,6

6.15. Kết quả đánh giá về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	92	20,4
2	Tốt	228	50,7
3	Bình thường	108	24,0
4	Chưa tốt	22	4,9

6.16. Kết quả đánh giá về tính khách quan của giảng viên về nhận xét và cho điểm trong quá trình thi, kiểm tra môn Nhà nước và pháp luật.

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất khách quan	121	26,9
2	Khách quan	232	51,6
3	Không khách quan	97	21,5

6.17. Kết quả đánh giá về ý thức tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức, ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất tích cực	60	13,3
2	Tích cực	256	56,9
3	Chưa tích cực	115	25,6
4	Không quan tâm	19	4,2

6.18. Kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của mình đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Rất hài lòng	110	24,4
2	Hài lòng	226	50,2
3	Bình thường	98	21,8
4	Không hài lòng	16	3,6

6.19. Kết quả đánh giá về những nguyên nhân dẫn đến hạn chế về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Lãnh đạo, chỉ huy ở một số đơn vị học viên ở các nhà trường quân đội nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho học viên có thời điểm chưa được quan tâm sâu sát và coi trọng đúng mức	130	28,9
2	Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có thời điểm còn chưa bảo đảm, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ	120	26,7
3	Các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời điều chỉnh nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho phù hợp	122	27,1
4	Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên còn đơn điệu, chậm được đổi mới	123	27,3
5	Nhận thức, thái độ, trách nhiệm của học viên trong quá trình học tập nội dung Nhà nước và pháp luật chưa được phát huy	160	35,6
6	Ý thức học tập, nghiên cứu của học viên còn chưa cao, chưa thực sự quan tâm đến môn học Nhà nước và pháp luật	175	38,9
7	Các nhà trường trong quân đội còn chưa quan tâm đúng mức đối với công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập môn Nhà nước và pháp luật	124	27,6
8	Cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội có thời điểm còn chưa được bảo đảm kịp thời	145	32,2
9	Thời gian tự học tập, tự nghiên cứu của học viên còn hạn chế	137	30,4
10	Do ảnh hưởng về hoạt động huấn luyện quân sự của học viên	156	34,7

6.20. Kết quả đánh giá về một số giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở nhà trường hiện nay

STT	Mức độ đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức đối với công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	425	94,4
2	Đẩy mạnh việc kiện toàn về bộ máy và con người thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	428	95,1
3	Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho học viên phù hợp với từng đối tượng học viên thuộc các chuyên ngành khác nhau	416	92,4
4	Thường xuyên đổi mới và đa dạng hoá các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật, kết hợp giáo dục pháp luật với công tác xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam	422	93,8
5	Tiếp tục nâng cao nhận thức, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác trong tự học tập, tự nghiên cứu và rèn luyện của học viên	409	90,9
6	Tăng cường bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội	426	94,7
7	Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội	365	87,7
8	Thường xuyên tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội	418	92,9

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát.

Phụ lục 07
HỆ THỐNG CÁC NHÀ TRƯỜNG TRONG QUÂN ĐỘI

TT	Tên trường	Thành lập	Chức năng, nhiệm vụ đào tạo
1	Học viện Quốc phòng	21/02/1976	Đào tạo sĩ quan chỉ huy, tham mưu cao cấp, chiến dịch, chiến lược quân sự, đào tạo cao học, nghiên cứu sinh về khoa học quân sự. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và tương đương, cán bộ lãnh đạo thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể Trung ương.
2	Học viện Lục quân	07/7/1946	Đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan chỉ huy, tham mưu cấp trung đoàn, sư đoàn và các binh chủng: Tăng-thiết giáp, Pháo binh, Công binh, Thông tin, Hoá học, Trinh sát,...; Đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ khoa học quân sự và nghiên cứu khoa học quân sự.
3	Học viện Chính trị	25/10/1951	Đào tạo sĩ quan chính trị cấp trung, sư đoàn; đào tạo chính uỷ cấp trung, sư đoàn binh chủng hợp thành, quân chủng, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển. Đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng, công tác chính trị cho cán bộ trong Quân đội
4	Học viện Kỹ thuật quân sự (Trường ĐH Kỹ thuật Lê Quý Đôn)	28/10/1966	Đào tạo kỹ sư quân sự, chuyên gia khoa học kỹ thuật và công nghệ, chỉ huy tham mưu kỹ thuật trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cho quân đội và nhà nước.
5	Học viện Hậu cần	23/7/1974	Đào tạo sĩ quan và nhân viên ngành hậu cần cấp phân đội trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, sĩ quan hậu cần cấp chiến thuật phân đội và cấp chiến thuật - chiến dịch cho Quân đội nhân dân Việt Nam
6	Học viện Quân y	10/03/1949	Đào tạo bác sĩ, dược sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ y khoa và y sĩ cho Quân đội nhân dân Việt Nam

TT	Tên trường	Thành lập	Chức năng, nhiệm vụ đào tạo
7	Học viện Hải quân	26/04/1955	Đào tạo sĩ quan chỉ huy hải quân và cảnh sát biển cấp phân đội và chỉ huy tham mưu hải quân và cảnh sát biển trình độ đại học, sau đại học.
8	Học viện phòng không - không quân	16/07/1964	Đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu phòng không-không quân cấp phân đội trình độ đại học; sau đại học; kỹ sư hàng không và sĩ quan chiến thuật - chiến dịch
9	Học viện Khoa học Quân sự	10/06/1957	Đào tạo sĩ quan các ngành: tình báo, ngoại ngữ, đối ngoại quân sự (tùy viên quốc phòng), trinh sát kỹ thuật
10	Học viện Biên phòng	20/05/1963	Đào tạo sĩ quan biên phòng trình độ cao đẳng, đại học các chuyên ngành: Quản lý biên giới, Trinh sát biên phòng, Quản lý cửa khẩu....
11	Trường Sĩ quan Lục quân 1 (Trường Đại học Trần Quốc Tuấn)	15/04/1945	Đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu lục quân cấp phân đội trình độ đại học cho các quân khu, quân đoàn khu vực phía Bắc với các chuyên ngành: Bộ binh, bộ binh cơ giới, trinh sát cơ giới, trinh sát đặc nhiệm, trinh sát bộ đội.
12	Trường Sĩ quan Lục quân 2 (Trường Đại học Nguyễn Huệ)	27/08/1961	Đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu lục quân cấp phân đội trình độ đại học cho các quân khu, quân đoàn khu vực phía Nam
13	Trường Sĩ quan Chính trị (Trường Đại học Chính trị)	14/01/1976	Đào tạo sĩ quan chính trị cấp phân đội trình độ đại học, đào tạo giáo viên khoa học xã hội và nhân văn quân sự cấp phân đội cho QĐNDVN
14	Trường Sĩ quan Không quân	20/08/1959	Đào tạo phi công quân sự, sĩ quan kỹ thuật hàng không trình độ đại học quân sự và cao đẳng kỹ thuật cho Quân đội nhân dân Việt Nam.
15	Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp	22/6/1965	Đào tạo sĩ quan chỉ huy chiến thuật tăng và thiết giáp cấp phân đội, trình độ cử nhân quân sự, bậc đại học và cao đẳng.

TT	Tên trường	Thành lập	Chức năng, nhiệm vụ đào tạo
16	Trường Sĩ quan Thông tin (Trường Đại học Thông tin liên lạc)	11/11/1951	Đào tạo sĩ quan trình độ cử nhân quân sự, bậc đại học chuyên ngành chỉ huy tham mưu thông tin liên lạc và tác chiến không gian mạng.
17	Trường Sĩ quan Công binh (Trường Đại học Ngô Quyền)	26/12/1955	Đào tạo sĩ quan chỉ huy công binh cấp phân đội, trình độ đại học các chuyên ngành: Công trình; Cầu đường; Vượt sông; Xe máy.
18	Trường Sĩ quan Phòng hóa	21/09/1976	Đào tạo sĩ quan chỉ huy kỹ thuật hóa học trình độ đại học quân sự, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, chuyên ngành: Khai thác sửa chữa khí tài Phòng hoá; Phân tích chất độc quân sự
19	Trường Sĩ quan Pháo binh	18/02/1957	Đào tạo sĩ quan chỉ huy chiến thuật cấp phân đội, trình độ đại học chuyên ngành pháo binh;
20	Trường Sĩ quan Đặc công	20/07/1967	Đào tạo sĩ quan chiến thuật đặc công cấp phân đội, trình độ đại học các chuyên ngành: Đặc công bộ; Đặc công nước; Đặc công biệt động. cho binh chủng đặc công và các đơn vị trong toàn quân.
21	Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự (Trường Đại học Trần Đại Nghĩa)	12/05/1975	Đào tạo sĩ quan kỹ thuật bậc đại học các chuyên ngành: Tin học, Vũ khí, Dạn, Xe quân sự và Đo lường
22	Trường Đại học Văn hóa - Nghệ thuật quân đội	23/09/1955	Đào tạo các nghệ sĩ, diễn viên, ca sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ, sân khấu, điện ảnh,.. và sĩ quan văn hóa nghệ thuật quân đội.

Nguồn: [166]

Phụ lục 08**TỶ LỆ TRÌNH ĐỘ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY PHÁP LUẬT Ở MỘT SỐ
NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TÍNH ĐẾN NĂM 2022**

STT	Đơn vị	Tổng số giảng viên	Tiến sĩ		Thạc sĩ		Cử nhân	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	HVHC	05	01	20,0	02	40,0	02	40,0
2	HVKTQS	04	01	25,0	01	25,0	02	50,0
3	HVBP	20	03	15,0	13	65,0	04	20,0
4	TSQLQ1	06			04	66,7	02	33,3
5	TSQCT	13	03	23,1	07	53,8	03	23,1

Nguồn: [58,59,60,140,141]

Phụ lục 09**TỔNG HỢP TỶ LỆ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT Ở
MỘT SỐ NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI TỪ NĂM 2015 - 2022**

STT	Đơn vị	Giỏi (%)	Khá(%)	Trung bình khá(%)	Trung bình(%)	Yếu(%)
1	HVHC	7,6	62,9	25,2	4,1	0,2
2	HVKTQS	7,8	63,5	24,6	4,0	0,1
3	HVBP	7,7	64,2	23,3	4,6	0,2
4	TSQLQ1	8,2	62,2	24,7	4,7	0,2
5	TSQCT	8,5	64,0	22,9	4,5	0,1

Nguồn: [58,59,60,140,141]

Phụ lục 10

**TÌNH HÌNH VI PHẠM PHÁP LUẬT, KỶ LUẬT, MẤT AN TOÀN
CỦA CÁC NHÀ TRƯỞNG QUÂN ĐỘI GIAI ĐOẠN 2011-2022**

TT	Năm học	Số vụ nghiêm trọng	Tai nạn giao thông	Tai nạn huấn luyện	Tự tử, tự sát	Vụ việc khác	Số người chết	Số người bị thương	Ghi chú
1	2010-2011	35	23	0	0	12	22	14	
2	2011-2012	22	12	0	0	10	13	4	
3	2012-2013	28	17	2	0	9	16	4	
4	2013-2014	18	9	0	3	6	10	8	
5	2014-2015	25	8	5	0	12	13	9	
6	2015-2016	37	10	0	3	24	21	6	
7	2016-2017	27	19	0	3	5	19	8	
8	2017-2018	30	9	1	2	18	13	3	
9	2018-2019	23	10	1	1	11	11	5	
10	2019-2020	39	5	2	4	28	10	3	
11	2020-2021	41	16	6	1	17	16	8	
12	2021-2022	21	6	4	4	10	17	3	
	Cộng	346	144	21	21	162	181	75	

Nguồn: [13,22]

Phụ lục 11

**TỶ LỆ QUÂN NHÂN VI PHẠM PHÁP LUẬT, KỶ LUẬT NGHIÊM TRỌNG
Ở MỘT SỐ NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI QUA CÁC NĂM (2015-2022)**

Năm	Đơn vị	Số vụ	Số lượt	Tỷ lệ %	Tăng%	Giảm%
2015	HVHC	1	1	0,03	0,03	
	HVKTQS	2	2	0,04		
	HVBP	0	0	0		0,02
	TSQLQ1	7	11	0,23	0,17	
	TSQCT	1	1	0,03		0,05
2016	HVHC	5	5	0,16	0,13	
	HVKTQS	1	1	0,020		0,020
	HVBP	1	1	0,177	0,087	
	TSQLQ1	3	3	0,066		0,164
	TSQCT	2	2	0,068	0,038	
2017	HVHC	2	2	0,056		0,104
	HVKTQS	4	4	0,073	0,053	
	HVBP	0	0	0		
	TSQLQ1	5	6	0,102	0,036	
	TSQCT	1	1	0,025		0,043
2018	HVHC	5	5	0,142	0,086	
	HVKTQS	3	3	0,165		0,008
	HVBP	0	0	0		
	TSQLQ1	0	0	0		0,102
	TSQCT	2	1	0,081	0,056	

Năm	Đơn vị	Số vụ	Số lượt	Tỷ lệ %	Tăng%	Giảm%
2019	HVHC	0	0	0		0,142
	HVKTQS	0	0	0		0,165
	HVBP	01	01	0,106	0,106	
	TSQLQ1	02	02	0,074	0,074	
	TSQCT	0	0	0		0,045
2020	HVHC	02	02	0,056	0,056	
	HVKTQS	04	04	0,081	0,040	
	HVBP	02	02	0,090		0,016
	TSQLQ1	02	02	0,034		0,040
	TSQCT	01	01	0,021	0,021	
2021	HVHC	01	01	0,084		0,084
	HVKTQS	0	0	0		0,081
	HVBP	01	01	0,056		0,034
	TSQLQ1	01	01	0,017		0,017
	TSQCT	0	0	0		0,045

Nguồn: [15,16,17,18,19,20,21]

Phụ lục 12**NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI****(2015 - 2022)**

Số chuyên đề	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Những nội dung cơ bản của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2014	Những nội dung cơ bản của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015	Những nội dung cơ bản của Bộ luật Dân sự năm 2015	Nội dung cơ bản Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Nội dung cơ bản của Luật Quốc phòng năm 2018	Nội dung cơ bản của Luật Dân quân tự vệ năm 2019	Nội dung cơ bản của Luật Biên phòng năm 2020	Nội dung cơ bản của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt
2	Những nội dung cơ bản của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2012 và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013	Những nội dung cơ bản của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015	Những nội dung cơ bản của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015	Nội dung cơ bản Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Nội dung cơ bản của Luật An ninh mạng năm 2018	Nội dung cơ bản của Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019	Nội dung cơ bản của Luật Cư trú năm 2020	Một số nội dung cơ bản của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Số chuyên đề	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
3	Những nội dung cơ bản của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và một số quy định về xử phạt hành chính thuộc lĩnh vực BQP quản lý	Những nội dung cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015	Nội dung cơ bản của Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong Quân đội	Nội dung cơ bản của Bộ luật Hình sự năm, 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)	Nội dung cơ bản của Luật Tổ cáo năm 2018	Nội dung cơ bản của Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019	Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 130/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội về tham gia lực lượng giữ gìn hòa bình của Liên hợp quốc	Một số nội dung cơ bản của Luật Thỏa thuận quốc tế và quy định của Bộ Quốc phòng về xây dựng, ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam
4	Những nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014	Những nội dung cơ bản của Bộ luật Hình sự năm 2015	Nội dung của Thông tư số 192/TT-BQP của Bộ trưởng BQP quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong Bộ Quốc phòng	Quán triệt các quy định về bảo đảm an toàn giao thông	Nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018	Tình hình vi phạm kỷ luật, pháp luật và tội phạm hình sự có liên quan đến Quân đội, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa	Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh	Một số nội dung cơ bản của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020

Số chuyên đề	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
							tế.	
5	Những nội dung cơ bản của Luật Cư trú năm 2013 và triển khai thực hiện trong Quân đội nhân dân Việt Nam	Những nội dung cơ bản của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015	Nội dung cơ bản của Thông tư số 07/2016/TT-BQP ngày 26/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về việc phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm, bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức; chức vụ tương đương và cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ	Thông tư số 157/2017/TT-BQP ngày 02/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng qui định về quản lí, sử dụng đất vào mục đích quốc phòng	Nội dung cơ bản của Luật Cảnh sát biển Việt Nam năm 2018	Thực trạng và giải pháp phòng ngừa tự tử, tự sát trong Quân đội	Nội dung cơ bản của Thông tư số 56/2020/TT-BQP ngày 05/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quản lý và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong Bộ Quốc phòng	Một số loại tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông và các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn

Số chuyên đề	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
6	Những nội dung cơ bản của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 và triển khai thực hiện trong Quân đội nhân dân Việt Nam		Nội dung cơ bản của Công ước Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người; việc thực hiện Công ước ở Việt Nam	Thông tư số 69/2017/TT-BQP ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quy chế quản lý hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội	Nội dung cơ bản của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018	Một số điểm mới tại Thông tư số 16/2020/TT-BQP ngày 21/02/2020 so với Thông tư số 192/2016/TT-BQP ngày 26/11/2016 quy định áp dụng các hình thức kỷ luật; trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong Bộ Quốc phòng		

Nguồn: [58,59,60,140,141]